

3

LINH MỤC ĐẮC LỘ SỌAN THẢO VÀ CHO XUẤT BẢN HAI SÁCH CHỮ QUỐC NGỮ ĐẦU TIÊN NĂM 1651

Việc L.m. Đắc Lộ, người đầu tiên cho xuất bản hai cuốn sách chữ quốc ngữ, đã được nhiều người bàn tới. Tuy nhiên chúng tôi cũng muốn ghi lại đây một cách tổng quát công trình của ông, để bạn đọc có một quan niệm rõ rệt hơn về tiến trình chữ viết chúng ta ngày nay. Chương này đề cập tới hai điểm chính : *Đắc Lộ học tiếng Việt và cho xuất bản hai cuốn sách chữ quốc ngữ.*

Trước khi vào chính vấn đề, chúng tôi xin sơ lược tiểu sử Đắc Lộ. Thực ra, hai chương trên cũng đã giúp bạn đọc hiểu qua về tiểu sử của ông. Nhưng chúng tôi

muốn ghi lại ở đây cho thứ tự hơn, nhất là muốn đặt tiêu sử của Đắc Lộ trong chương dành riêng cho ông.

Đắc Lộ tức Alexandre de Rhodes sinh tại Avignon ¹⁷⁵ ngày 15-3-1593 ¹⁷⁶ trong một gia đình gốc Do Thái và có quốc tịch Tòa Thánh La Mã. Cha của Đắc Lộ là một nhà quý phái ở Avignon, có tên là Bernardin II de Rhodes và có 8 con. Người con cả là Jean, Tiến sĩ Luật khoa, người thứ hai là Đắc Lộ rồi đến Suzanne, Georges, Gabrielle, Laure, François và Hélène ¹⁷⁷. Georges sinh ngày 28-12-1597, gia nhập Dòng Tên tỉnh Lyon 1613, qua đời cũng tại Lyon ngày 17-5-1661. Georges là một giáo sư Thần học nổi tiếng, đã viết và xuất bản hai bộ sách Thần học lớn. Riêng Đắc Lộ vì muốn đi Đông Á truyền giáo, nên đã gia nhập Dòng Tên ở La Mã ngày 14-4-1612, thay vì gia nhập Dòng Tên tỉnh Lyon. Đắc Lộ thụ phong Linh mục tại La Mã năm 1618. Cùng năm đó Đắc Lộ được Bề trên cả Dòng Tên chấp thuận cho ông đi truyền giáo ở Đông Á, sau khi ông đã đệ đơn xin ba lần từ 1614 đến 1617. Đắc Lộ tới thủ đô Bồ Đào Nha đáp

¹⁷⁵ Năm 1348, Đức Giáo Hoàng Lê Minh VI (Clemens) đã mua đất Avignon do bà Jeanne de Sicile bán, lúc Ngài trú ngụ tại đây. Khi các Đức Giáo Hoàng trở về La Mã, thì có một Sứ thần Tòa Thánh cai trị Avignon. Mãi đến ngày 4-9-1791, Avignon mới sát nhập vào nước Pháp

¹⁷⁶ "Pe A. Rhodes, Frances de naçao, natural de Avinhão, boa saude e forças, de idade 31. annos, da Compa 11, com os estudos de Philosophia e Theologia acabados" (*Primeiro catalogo das Informações commuas das Pes e Irmaõs da Provincia de Japao, feito em dezembro de 1623, ARSI, JS. 25, f. 130v*).

¹⁷⁷ Musée Calvet d'Avignon, manuscrits vol. 3243, f. 36-45r.

- Archives départementales de Vaucluse, Registre de baptême de la paroisse Sainte - Magdeleine, 1604-1635, GG. 3.

tàu đi Đông Á, nhưng vì ông phải ngừng lại ở Goa quá lâu, nên mãi đến ngày 29-5-1623, mới tới Áo Môn. Ý định của ông là sẽ từ Áo Môn đi Nhật Bản truyền giáo, song không đạt được ý nguyện. Do đó cấp trên muốn cho ông đi truyền giáo tại Việt Nam. Đắc Lộ tới Đàng Trong lần thứ nhất vào tháng 12-1624, tháng 7-1626 ông rời Đàng Trong về Áo Môn để sửa soạn đi Đàng Ngoài, và ông đã tới đây ngày 19-3-1627. Tháng 5-1630 ông bị chúa Trịnh Tráng trục xuất khỏi Đàng Ngoài. Từ năm 1630 đến 1640 ông dạy Thần học ở Học viện “Madre de Deus”. từ năm 1640 đến 1645 ông lại truyền giáo ở Đàng Trong. Tháng 7-1645, Đắc Lộ rời Đàng Trong về áo Môn rồi đi Âu châu. Năm 1654, Đắc Lộ đi Ba Tư, rồi qua đời tại Ispahan ngày 5-11-1660¹⁷⁸.

Như chúng ta đã biết, Đắc Lộ không phải là người Âu châu đầu tiên học tiếng Việt, cũng không phải là người đầu tiên sáng tác chữ quốc ngữ, hơn nữa, vào năm 1636 Đắc Lộ cũng không phải là người ghi chữ quốc ngữ đúng được như một số Linh mục Dòng Tên Bồ Đào Nha ở Việt Nam thời đó. Thật ra, trong giai đoạn thành hình chữ quốc ngữ, Đắc Lộ chỉ góp một phần trong công việc quan trọng này, mà rõ rệt nhất là soạn sách chữ quốc ngữ và cho xuất bản đầu tiên. Trước khi sơ lược công trình Đắc Lộ *soạn thảo* và *cho xuất bản* hai cuốn sách chữ quốc ngữ đầu tiên, chúng tôi xin tóm tắt *lịch sử Đắc Lộ học tiếng Việt* từ 1624-1626.

¹⁷⁸ Thư của L.m. Aimé CHÉZAUD viết ngày 11-11-1660 tại Ispahan, báo tin buồn Đắc Lộ qua đời (Archives des Jésuites de la Province de Paris, Fonds Rybeyrète, số 29).

ĐẮC LỘ HỌC TIẾNG VIỆT

Cuối tháng 12-1624, Đắc Lộ tới Đàng Trong và được cấp trên cho ở tại Dinh Chàm (Thanh Chiêm) để học tiếng Việt. Khi các Linh mục Dòng Tên đến truyền giáo tại Việt Nam (cũng như tại Nhật Bản, Trung Hoa, Ấn Độ v.v) thì trước tiên họ phải học tiếng Việt với những điều kiện rất khó khăn, hầu có thể tiếp xúc với dân chúng. Riêng tiếng Việt đối với người Âu châu thật là khó như chúng tôi đã trình bày ở chương một. Dù vậy, vào năm 1620 (sau 5 năm các nhà truyền giáo bắt đầu *chính thức* truyền bá Phúc âm ở Đàng Trong) đã có hai linh mục nói thạo tiếng Việt, đó là ông Francisco de Pina và Cristoforo Borri¹⁷⁹.

Khi vừa tới Đàng Trong, Đắc Lộ thấy hai L.m. Francesco Buzomi và Emanuel Fernandes còn phải dùng thông ngôn để giảng, tuy nhiên ông sung sướng thấy một Linh mục khác tức là Francisco de Pina đã nói thành thạo tiếng Việt. Đắc Lộ được Bề trên cho ở cùng nhà với Pina tại Dinh Chàm, để Pina dạy tiếng Việt cho ông. Sau này, khi đề tựa cuốn tự điển Việt-Bồ-La của ông, Đắc Lộ cũng ghi rõ là mình đã học tiếng Việt với Pina¹⁸⁰ Đắc Lộ

¹⁷⁹ Joaõ ROIZ, *Annua de Cochinchina do anno de 1620 ARSI, JS. 72, f. 3r.* – Gaspar LUIS, *Cocincinensis missionis annuae Litterae, anni 1620, ARSI, JS. 71, f. 23r.*

¹⁸⁰ “() ab initio magistrum linguae audiens P. Franciscum de Pina lusitanum è nostra minima Societate JESV, qui primus è Nostris linguã illam apprimè calluit, et primus sine interprete concionari eo idiomate caepit” (RHODES, *Dictionarium*, Roma, 1651).

thuật lại rằng, ông học tiếng Việt chăm chỉ như khi theo khoa Thần học ở La Mã (*Học viện La Mã của Dòng Tên*). Nhờ đó sau bốn tháng, ông đã “giải tội” được và thêm sáu tháng nữa là ông có thể giảng bằng tiếng Việt¹⁸¹.

Đắc Lộ còn cho hay là, ông cũng học tiếng Việt với một em bé 13 tuổi. Nhờ em nhỏ này, mà sau ba tuần lễ, Đắc Lộ đã biết phân biệt các thứ *thanh* tiếng Việt và cách *phát âm* mỗi tiếng. Có điều khá lạ : em nhỏ không biết tiếng ông nói, Đắc Lộ cũng chưa biết tiếng Việt, thế nhưng hai người vẫn hiểu nhau được. Không rõ Đắc Lộ dùng tiếng nào ? Pháp, Ý, La tinh hay Bồ Đào Nha ? Theo chúng tôi đoán, có lẽ ông dùng tiếng Bồ Đào Nha nói chuyện với em nhỏ, vì trong thời kỳ ấy ở Đàng Trong chỉ có người Bồ Đào Nha đến buôn bán, các nhà truyền giáo phần đông cũng là người Bồ Đào Nha. Trong ba tuần đó, em nhỏ còn học nói và viết ngôn ngữ của Đắc Lộ (có lẽ tiếng Bồ) và biết giúp Thánh lễ (đọc tiếng La tinh), làm cho Đắc Lộ phải thán phục tinh thần lanh lẹ và trí nhớ giai bền của em¹⁸².

¹⁸¹ RHODES, *Divers voyages et missions*, tr. 72-73.

¹⁸² “Celuy qui m’ayda merueilleusement fut vn petit garçon du pais qui m’enseigna dans trois semaines, tous les diuers tons de cette langue, et la façon de prononcer tous les mots, il n’entendoit point ma langue ; ny moy la sienne, mais il auoit vn si bel esprit, qu’il comprenoit incontinent tout ce que je voulois dire, et en effect en ces mesmes trois semaines il apprit à lire nos lettres, à escrire, et à seruir la Messe, j’estois estonné de voir la promptitude de cét esprit, et la fermeté de sa memoire” (RHODES, *Divers voyages et missions*, tr. 73).

Em đã được gia nhập Giáo hội do chính L.m. Đắc Lộ làm phép Rửa tội. Vì yêu kính Đắc Lộ, nên em đã mang tên của Đắc Lộ, tức Raphael Rhodes¹⁸³ (Raphaël, tên thánh của em ; Rhodes, tên của Đắc Lộ)¹⁸⁴. Cũng từ lúc đó, em nhỏ trở thành người đắc lực trong việc giúp các Linh mục dậy giáo lý và dần dần trở thành “ Kể giảng ” (tu sĩ cấp hai trong “Dòng tu” Thầy giảng).

Sau này Raphaël Rhodes cũng theo L.m. J.M. de Leria (1597-1665), người Ý, đi truyền giáo tại Lào quốc và tới Vạn Tượng ngày 15-7-1642¹⁸⁵. (Nên biết rằng, ngay từ năm 1638, L.m. J.B. Bonelli (Ý) cùng với ba Thầy giảng từ Thăng Long đi sang Lào truyền giáo theo lời yêu cầu của vua Lào. Vì mệt nhọc nên vị Linh mục chết ở dọc đường, còn ba Thầy giảng tuy đã vào tới đất Lào, nhưng nhà vua lại cấm truyền đạo). Leria, Raphaël Rhodes và mấy Thầy giảng khác được vua Lào cho phép truyền giáo. Leria cũng dâng vua Lào hai con chó trắng nhỏ xíu, một con thỏ và mấy thứ khác. Ngày 12-8-1642, Leria cũng kính tặng vị đệ nhất cận thần vua Lào một ống nhòm tốt¹⁸⁶. Tháng 2-

¹⁸³ “Il a tant d'amour pour moy, qu'il a voulu porter mon nom” (*Ibid.*, tr. 74).

¹⁸⁴ Tên Việt Nam của em nhỏ là gì, chúng tôi chưa tìm thấy.

¹⁸⁵ RHODES, *Histoire du royaume de Tunquin*, tr. 287. – MARINI, *De l'Église Mission*, tr. 492-540. – J. BURNAY, *Notes chronologiques sur les missions jésuites du Siam au XVII^e siècle*, trong *Archivum Historicum Societatis Jesu*, Năm thứ XXII, tháng 1-6 năm 1953, tr. 184-185-199.

¹⁸⁶ Để tới Lào, L.m. Leria, Dòng Tên, đã chọn con đường đi từ Xiêm (Thái Lan) và ông có mặt ở Ajuthia (thủ đô cũ Xiêm) năm 1640. Tại đây Leria đã xin được giấy tờ hợp lệ của chính quyền để đi Lào. Khi

1647, Leria rời khỏi xứ Lào thì có lẽ Raphaël Rhodes cũng bỏ xứ này nhưng không hiểu ông về Đàng Trong hay đi Đàng Ngoài? Chi biết rằng, năm 1655 người ta thấy Raphaël Rhodes ở Đàng Ngoài và lúc đó ông không còn là tu sĩ nữa, song đã có vợ (tên thánh của bà là Pia)¹⁸⁷. Tuy nhiên ông vẫn còn là người Công giáo tốt, luôn luôn tận tâm giúp đỡ các nhà truyền giáo. Theo các tài liệu để lại, thì Raphaël Rhodes là một thương gia giàu có và đại lượng, đặt trụ sở thương mại ở Thăng Long và Phố Hiến¹⁸⁸. Ông qua đời vào năm nào chúng tôi không rõ, nhưng chắc chắn là vào

tới biên thùy Xiêm Lào (không rõ ngã nào) viên sĩ quan biên phòng nhất định không cho Leria sang Lào, dẫu ông đã van lơn, đã tặng quà. Leria đành trở lại Ajuthia. Ở thủ đô Xiêm, ông đã nhận được thư của L.m. Antonio Rubino, Giám sát Dòng Tên tỉnh Nhật Bản, yêu cầu ông cố thực hiện cuộc đi Lào. Lần này, Leria sang Cam Bốt, xin chính quyền cho phép đi Lào. Tại Oudong, thủ đô Cam Bốt, Leria gặp các thương gia Hòa Lan dưới quyền điều khiển của ông Geritt van Wustoff (Wuysthoff). Ông này bằng lòng chở Leria và mấy Thầy giảng Việt Nam đi Vạn Tượng theo sông Cửu Long. Nhờ vậy, Leria, Raphaël Rhodes và mấy Thầy giảng Việt Nam đã đạt được đích.

¹⁸⁷ *Relation des missions des évêques françois aus royaumes de Siam, de la Cochinchine, de Camboye, et du Tonkin, divisé en quatre parties*, Paris, 1674, tr. 267.

¹⁸⁸ Hãy coi L.m. Joseph Tissanier viết về Raphaël Rhodes vào cuối năm 1660 : “*Nous devons mettre au nombre de nos bienfaiteurs un riche Cochinchinois nommé Raphaël Rhodes, lequel ayant esté autrefois baptizé dans la Cochinchine par le R.P. Alexandre de Rhodes, conserue encore aujourd’huy le souvenir et le nom de ce grand seruiteur de Dieu, et nous fait voir dans le Tunquin le grand amour qu’il nous porte, par les continuelles faueurs qu’il nous fait*” (TISSANIER, *Relation du voyage*, Paris, 1663, tr. 347).

năm 1666 ông vẫn còn là một cán bộ đặc biệt của giáo đoàn Đàng Ngoài¹⁸⁹.

Trên đây là giai đoạn đầu tiên Đắc Lộ học tiếng Việt. Khi bỏ Đàng Trong vào tháng 7-1626, Đắc Lộ đã nói thạo tiếng Việt, vì thế ông được các Linh mục Dòng Tên ở đây cử ông đi Đàng Ngoài truyền giáo¹⁹⁰. Còn việc học *chữ quốc ngữ*, có lẽ bắt đầu Đắc Lộ học với Francisco de Pina. Nếu đúng như thế, thì Pina là một trong những người đầu tiên đem mẫu tự a b c vào tiếng Việt, chúng ta phải nhận rằng, Đắc Lộ có năng khiếu ngôn ngữ, vì ông biết nhiều thứ tiếng : Việt và nói các tiếng Pháp, Việt, Ý, La tinh, Bồ Đào; xử dụng sơ sơ tiếng Nhật, Trung Hoa, Konkani (ở Goa), Ba Tư. Nhưng trong các ngoại ngữ Đắc Lộ đã học, thì chỉ có tiếng Việt là ông thành thạo nhất ; chính Đắc Lộ đã viết như thế trong một cuốn sách xuất bản năm 1635¹⁹¹. Chính L.m. Saccano cũng xác nhận là Đắc Lộ thành thạo tiếng Việt,

¹⁸⁹ Có thể coi thêm về Raphaël Rhodes : - Henri CHAPPOULIE, *Aux origines d'une Eglise, Roma et les missions d'Indochine au XVIIe siècle*, Quyển 1, Paris, 1943, tr. 215-237.

Relation des missions des évêques français, Paris, 1674.Tr.173-194, 251-252, 267 - ARSI, JS. 81, f. 18rv.

¹⁹⁰ “_ fù eletto il P. Alessandro Rhodes molto bon Religioso et insignè operario” (Thư của Francesco Buzomi viết ở Đàng Trong ngày 13-7-1626, gửi L.m. M. Vitelleschi, Bề trên Cả Dòng Tên ở La Mã, ARSI, JS. 68, f. 28r).

¹⁹¹ RHODES, *Sommaire des divers voyages*, Paris, 1653, tr. 37.

khi ông lên tiếng bênh vực mô thức Rửa tội bằng tiếng Việt do Đắc Lộ đề ra ¹⁹².

ĐẮC LỘ CHO XUẤT BẢN HAI SÁCH QUỐC NGỮ

Sau khi sơ lược việc Đắc Lộ học tiếng Việt với L.m. Francisco de Pina, người Bồ Đào Nha và với em nhỏ Raphaël Rhodes, bây giờ chúng ta bàn đến việc ông soạn thảo và cho xuất bản hai sách quốc ngữ đầu tiên

Dictionarivm annamiticvm, Lvsitanvm, et latinvm, ope Sacrae Congregationis de Propaganda Fide in lucem editvm ab Alexandro de Rhodes è Societate Iesv, ejusdemque Sacrae Congregationis Missionario Apostolico, Roma, 1651, in-4⁰

Catechismvs pro iis, qui volunt suscipere Baptismvm, in Octo dies diuisus. Phép giảng tám ngày cho kẻ muốn chịu phép rửa tội, ma bẻo đạo thánh đức Chúa bời. Ope Sacrae Congregationis de Propaganda Fide in lucem editus. Ab Alexandro de Rhodes è Societate Iesv, ejusdemque Sacrae Congregationis Missionario Apostolico, Roma, 1651, in-4⁰.

¹⁹² “(...) de qua [Baptismi forma] excitata olim fuit quaestio, hãud, sanè contemnenda, a P. Alexandro Rhodes viro docto, et in Collegio Amacainsi [Macao] quondam Theologiae Professore, Annamici vero idiomatis egregiè perito”

(Metelle SACCANO viết ở Đàng Trong ngày 5-7-1653, *ARSI, JS. 80, f. 103r*).

Thời gian soạn thảo, hình thức và nội dung

Trước hết chúng ta thử coi hai sách này được soạn thảo thời kỳ nào? Theo nhận xét của chúng tôi, hai cuốn sách này được viết tại Áo Môn khoảng từ 1636 đến 1645. Sở dĩ chúng tôi đặt vào thời gian trên, vì cách ghi chữ Việt trong hai cuốn sách kể là đúng khá so với lối viết ngày nay. Ta thấy năm 1636 Đắc Lộ viết chữ quốc ngữ còn sai về *dấu*, nhất là đặt các từ ngữ liền nhau. Do đó, nếu Đắc Lộ đã viết khá đúng như hai cuốn trên đây thì ít nhất phải là sau năm 1636.

Chúng tôi thiết nghĩ, sở dĩ Đắc Lộ viết chữ quốc ngữ được như vậy, phần lớn nhờ hai cuốn tự điển của Gaspar d'Amaral và Antonio Barbosa, như chúng ta đã đề cập trong chương hai.

Độc giả còn rõ là, từ năm 1630-1640. Đắc Lộ làm Giáo sư Thần học ở Áo Môn, sau đó ông lại đi truyền giáo ở Đàng Trong từ 1640-1645. Nhưng không phải là ông ở Đàng Trong liên tục, trái lại vì nhiều hoàn cảnh khó khăn buộc ông phải trở về Áo Môn bốn lần. Đây là thời gian ông ở Đàng Trong từ 1640-1645 :

- Tháng 2-1640 đến 9-1640, rồi về Áo Môn,
- Tháng 12-1640 đến 7-1641, sau đó về Áo Môn,
- Tháng 1-1642 đến 7-1643, lại về Áo Môn,
- Tháng 3-1644 đến 7-1645, rồi bỏ Đàng Trong hoàn toàn, trở lại Áo Môn rồi về Âu châu.

Chính trong thời gian ở tại Áo Môn là lúc Đắc Lộ soạn thảo và sửa chữa hai cuốn sách đó, những lần ông trở lại Đàng Trong là lúc ông học hỏi thêm để ghi và đánh dấu cho đúng chữ quốc ngữ. Hơn nữa, có lẽ một số Thầy giảng Đàng Trong, như Thầy Y Nhã (một người

thông thạo văn chương, triết học, đã làm quan trước khi gia nhập hàng Thầy giảng) đã giúp Đắc Lộ trong việc này.

Chúng tôi không nghĩ rằng, Đắc Lộ soạn hai cuốn trên *sau năm 1645*, nếu có thì chỉ là sửa chữa và bổ túc cho đầy đủ hơn. Vì như chúng ta đã biết, cuộc hành trình của Đắc Lộ từ Áo Môn về La Mã gặp nhiều khó khăn và kéo dài từ 20-12-1645 đến 27-6-1649 ; ngoài ra khi về tới La Mã ông rất bận việc tiếp xúc với Giáo quyền, để vận động cho Giáo hội Việt Nam có các Giám mục.

Về hình thức và nhất là *nội dung* hai cuốn sách, đã được nhiều người bàn tới, nên ở đây chúng tôi sẽ không đi sâu vào vấn đề, mà chỉ trình bày hết sức sơ lược.

Cuốn Dictionarium

Một điều mà chúng tôi tưởng cần trả lời ngay thắc mắc : tại sao cuốn sách lại được in bằng chữ Bồ Đào và La tinh ngoài chữ quốc ngữ ? Hẳn bạn đọc đều rõ vai trò chính trị, thương mại của Bồ Đào Nha từ thế kỷ 15 đến cuối thế kỷ 17 tại Ba Tây, Ấn Độ, Mã lai, Thái Lan, Cam Bốt, Việt Nam, Trung Hoa, Nhật Bản. Từ cuối thế kỷ 16 sang đầu thế kỷ 17, tiếng Bồ Đào Nha được sử dụng ở những nơi trên do đoàn thương gia Bồ Đào và giáo sĩ Tây phương. Các nhà truyền giáo đầu là người Đức, Ý, Pháp, đã đến Việt Nam, Áo Môn, Nhật Bản, v.v vào thế kỷ 17 thì cũng phải biết tiếng Bồ Đào Nha. Đó là tiếng Âu châu quan trọng hơn cả ở các miền trên đây.

Tại Việt Nam thời đó, nếu có người Việt nào học tiếng Âu châu, thì sự thường cũng là tiếng Bồ Đào Nha.

Cuốn từ điển được soạn thảo bằng chữ Việt – Bồ – La (riêng tên sách lại chỉ đề bằng La ngữ), với hai mục đích đã được tác giả ghi rõ : *thứ nhất*, giúp các nhà truyền giáo học tiếng Việt, để có thể truyền giáo ¹⁹³; *thứ hai*, Đắc Lộ đã làm theo ý muốn của một số vị Hồng y ở La Mã, thêm chữ La tinh vào, để người Việt Nam có thể học thêm La ngữ ¹⁹⁴.

Cuốn từ điển gồm ba phần chính :

- *Linguae Annamiticae seu Tunchinensis brevis declaratio*, 31 trang, từ trang 1 đến 31, được sắp lên đầu cuốn từ điển và được đánh số trang *tách biệt* với cuốn từ điển. Đây là cuốn *ngữ pháp Việt Nam*, nhưng soạn thảo bằng La ngữ, với mục đích cho người Tây phương học. Tuy sách vẫn, nhưng tác giả cũng chia ra 8 chương rõ rệt, không kể *Lời nói đầu* :

¹⁹³ “Immo vero vt in fines Orbis terrae, quos Tunchinenses, et Cocincinae, hoc est, Vniuersi Annamitae occupant ; facilius penetret Verbum Dei, nunc etiam vestrae amplitudo munificentiae Annamitae gentis dictionarium iubet excudi, quod et Apostolicis viris ad eam vineae Domini partem destinatis vsui fit, ad Annamitarum reconditum idioma capiendum, vt scilicet illis possint Diuina explanari mysteria” (RHODES, *Dictionarium*, Mấy lời gửi các vị Hồng y Bộ Truyền giáo, đặt trước Lời tựa).

¹⁹⁴ “ () latinam etiam linguam Eminentissimorum jussu Cardinalium addidi, quae, praeter alia commoda, vsui fit ipsis indigenis ad linguam latinam addiscendam ” (RHODES, *Dictionarium*, cuối Lời tựa).

Chương I : Chữ và vần trong tiếng Việt (*De literis et syllabis quibus haec lingua constat*). *Chương II* : Dấu nhấn và các dấu (*De Accentibus et aliis signis in vocalibus*). *Chương III*: Danh từ (*De nominibus*). *Chương IV* : Đại danh từ (*De Pronominibus*). *Chương V* : Các đại danh từ khác (*De illis Pronominibus*). *Chương VI* : Động từ (*De Verbis*). *Chương VII*: Những phần bất biến (*De reliquis orationis partibus indeclinabilibus*). *Chương chót* : Cú pháp (*Praecepta quaedam ad syntaxim pertinentia*).

- *Dictionarium Annamiticum seu Tunchinense cum Lusitana, et Latina declaratione*. Phần này không đánh số trang nhưng ghi theo cột chữ (mỗi trang có hai cột chữ) Từ đầu đến cuối là 900 cột, từ mẫu tự nọ sang mẫu tự kia thường để cách một trang trắng, có khi hai trang trắng. Một điều khác đặc biệt với tự điển Việt Nam ngày nay, Đắc Lộ thêm mẫu tự b sau mẫu tự v. Thực ra đó là một số chữ thuộc mẫu tự v bây giờ. Ví dụ : *bá* (vá : vá áo), *bã* (vã : vã nhau, tát nhau), *bạch* (vạch : vạch tai ra mà nghe), *bậy* (vậy : ấy vậy), *bán* (ván : đổ, đậu ván), *bỗ* (vỗ : vỗ tay), *bỏ* (vỏ : vỏ gương), *bua* (vua : vua chúa), *bú* (vú). Mẫu tự b này chiếm 10 cột, tức 5 trang giấy.

- *Index Latini sermonis* là phần thứ ba cuốn tự điển. Trong phần này, tác giả liệt kê chữ La tinh có ghi trong phần hai và bên cạnh mỗi chữ có để số cột, với mục đích để người học tiếng Việt, nếu đã biết La tinh, thì dò theo phần này để tìm chữ Việt ở phần kia. Trong phần này không đánh số trang, cũng không ghi số cột (mỗi trang có hai cột chữ). Chúng tôi đếm được 350 cột tức 175 trang. Tại sao Đắc Lộ không làm mục bày bằng chữ Bồ Đào Nha, mà lại làm bằng La ngữ ? điều đó

chúng tôi không rõ. Vì, đáng lý phải làm mục này bằng tiếng Bồ Đào Nha mới hợp lý, bởi lẽ, thứ tự cuốn tự điển là chữ Việt, rồi đến chữ Bồ, sau đó mới tới La tinh. Hơn nữa, lúc đầu khi soạn thảo tự điển, Đắc Lộ chỉ làm có hai thứ tiếng : Việt và Bồ, sau này vì các vị Hồng y ở Bộ Truyền giáo yêu cầu nên Đắc Lộ mới thêm phần La tinh vào, như chúng ta đã thấy.

Cuốn Catechismus

Đây là một cuốn giáo lý mà tác giả muốn viết cho những *người dấy* giáo lý dùng. Cuốn sách được viết bằng hai thứ tiếng : La tinh và Việt Nam. Trên mỗi trang sách chia làm hai, có một gạch phân đôi từ trên xuống dưới : bên tay trái của người đọc sách là chữ La tinh (chữ xiên), bên tay phải là chữ Việt (chữ đứng). Để đọc giả dễ dàng đối chiếu hai thứ chữ, Đắc Lộ đặt ở đầu mỗi ý tưởng chính mẫu tự abc cho hai phần La Việt, rồi chính giữa trang cũng đặt mẫu tự abc cho hai phần La Việt song song. Cuốn sách có 319 trang, không đề Lời tựa. Sau trang bìa và trang ghi ngày được phép in sách, là đến phần chính ngay.

Viết sách này, tác giả không chia ra từng chương, mà lại chia theo từng *ngày học*, có tính cách sư phạm, mà như chúng ta đã biết là sách được chia ra *Tám ngày*. Cuốn sách quý giá này đã được nhóm *Tinh Việt* tái bản tại Sài Gòn năm 1961. Lần tái bản này sách dày 237 trang. Tiếc rằng, nhà xuất bản không cho in lại đúng chữ quốc ngữ trong nguyên bản, nên đối với các nhà nghiên cứu ngữ học Việt Nam, ít có lợi. Ở đây chúng tôi không bàn đến nội dung cuốn sách, vì không phải là vấn đề của chúng ta lúc

này ¹⁹⁵. Về phương diện ngữ học cuốn *Cathechismus* cũng như cuốn *Dictionarium* đã được một số người bàn tới. Riêng chúng tôi, vì không muốn đi ra ngoài mục đích tập sách nhỏ này là *sơ lược lịch sử chữ quốc ngữ*, nên bó buộc chúng tôi phải bỏ qua, để bước sang phần xuất bản hai cuốn sách.

Công cuộc xuất bản

Chúng ta đã biết là hai cuốn sách trên được xuất bản tại La Mã năm 1651. Cuốn *Dictionarium* được L.m. F. Piccolomineus, Bê trên Cả Dòng Tên cho phép xuất bản ngày 5-2-1651 ¹⁹⁶, tức là một năm rưỡi sau khi Đắc Lộ về tới La Mã (27-6-1649). Cuốn *Cathechismus* được

¹⁹⁵ Về quan điểm Thần học cuốn *Cathechismus*, bạn đọc có thể coi : NGUYỄN KHẮC XUYỀN, *Le Catéchisme en langue vietnamienne romanisée du Père Alexandre de Rhodes*, Luận án Tiến sĩ Thần học tại Đại học Gregoriana, Roma, 1958. – NGUYỄN KHẮC XUYỀN, *Quan điểm thần học trong “ Phép giảng tám ngày ” của Giáo sĩ Đắc Lộ*, trong báo *Đại Học* ; tháng 2-1961, tr. 37-57. – Placide TẤN PHÁT, *Méthodes de catéchèse et de conversion du Père Alexandre de Rhodes*, Luận án Tiến sĩ Thần học tại Đại học Công giáo Ba Lê, Paris, 1963. – NGUYỄN CHÍ THIẾT, *Le catéchisme du Père Alexandre de Rhodes et l'âme Vietnamienne*, Luận án tiến sĩ Thần học tại Đại học Giáo hoàng Urbana, Roma, 1970.

¹⁹⁶ Franciscus PICCOLOMINEUS (1582-1651), sinh tại Senis (Ý) năm 1582, gia nhập Dòng Tên năm 1600, được bầu làm Bê trên Cả Dòng Tên ngày 21-12-1649, qua đời ngày 17-6-1651. Khi ngài qua đời, L.m. Gosswinus Nickel được cử làm Bê trên tạm thay thế cho đến khi L.m. A. Gottifredi được bầu làm Bê trên Cả ngày 21-1-1652.

L.m. Gosswinus Nickel, lúc đó là quyền Bề trên Cả ¹⁹⁷, cho phép xuất bản ngày 8-7-1651. Ngày 2-10-1651, trong một phiên họp, các Hồng y và Giáo chủ đã ra lệnh cho nhà in của Bộ Truyền giáo ngừng mọi công việc để in cho xong cuốn *Cathechismus*. Như vậy, rất có thể là đầu năm 1652, cuốn sách mới được in xong ¹⁹⁸.

Khỏi phải nói, bạn đọc cũng nhận thấy việc xuất bản hai cuốn sách trên thật là khó, không những về phương diện kỹ thuật, vì chưa có chữ Việt sẵn, mà cả phương diện tài chính nữa, vì loại sách đó sẽ bán cho những ai ? Đắc Lộ đã phải vất vả lắm để cho xuất bản hai cuốn sách của ông. Cũng may là lúc đó Bộ Truyền giáo (được thành lập ngày 22-6-1622) của Giáo hội La Mã đã hy sinh đứng ra in.

Chắc chắn Đắc lộ phải theo dõi công việc này từng li từng tí, từ việc đúc chữ Việt đến việc sắp chữ. Việc sắp chữ hẳn là khó khăn, vì làm gì thợ nhà in biết chữ Việt. Do đó xuất bản hai cuốn sách này là cả một công trình to lớn.

Thực ra, lúc ấy Bộ Truyền giáo sẵn sàng hy sinh trong việc xuất bản, vì mang lại nhiều lợi ích về tinh

¹⁹⁷ Gosswinus NIKEL (1582-1664), sinh tại Julia (Đức) năm 1582, gia nhập Dòng Tên năm 1604, được bầu làm Bề trên Cả Dòng Tên ngày 17-3-1652, sau khi L.m. Bề trên Cả Alexander Gottifredi qua đời ngày 12-3-1652. Nickel qua đời 31-7-1664. Khi Nickel cho phép xuất bản cuốn *Cathechismus*, lúc đó ngài mới là tạm quyền Bề trên Cả (*Vicarius generalis*).

¹⁹⁸ Xin coi thêm : NGUYỄN KHẮC XUYỀN, *Giáo sĩ Đắc Lộ với công việc xuất bản, Việt Nam Khảo cổ tập san*, số 2, năm 1961, tr. 183-194.

thần. Hơn nữa cũng muốn tỏ một phần nào cho chính quyền Bồ Đào Nha biết : từ nay việc truyền giáo *hoàn toàn* thuộc quyền Tòa thánh La Mã, chứ không lệ thuộc vào chính quyền Bồ Đào Nha nữa. Bởi vì từ năm 1418, Đức Giáo hoàng Mạc Tin V (Martinus V) đã chấp nhận cho Bồ Đào Nha có quyền *sở hữu* trên các đất “mới” mà họ sẽ chiếm được tại Phi châu ¹⁹⁹. Nhất là từ ngày 4-5-1493, khi Đức Giáo hoàng A Lịch Sơn VI (Alexander VI) phân chia cho hai nước Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha, quyền cai trị và *truyền giáo* trên các đất “mới” mà hai nước đó sẽ chinh phục được. Con đường phân ranh tưởng tượng đó nằm cách 100 dặm về phía Tây quần đảo Açores : Bồ Đào Nha được quyền về phía Đông đảo Açores, còn Tây Ban Nha chiếm phía Tây Açores. Năm sau, bằng hiệp ước tại Tordesillas ký ngày 7-6-1494 giữa hai nước Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha, đường phân ranh đó lại được nới rộng cho Bồ Đào Nha thêm 270 dặm nữa về phía Tây quần đảo Açores. Như vậy là những vùng đất đai mới khám phá được từ Ba Tây qua Phi châu đến Nhật Bản đều ở trong “quyền” nước Bồ Đào Nha, còn các vùng đất mới khám phá được ở phía Tây Açores (kể đến hết Phi Luật Tân) ở dưới “quyền” Tây Ban Nha ²⁰⁰. Vua Bồ Đào Nha có quyền gửi các nhà truyền giáo tới những

¹⁹⁹ Trọng sắc Romanus Pontifex, 4-4-1418, trong Bullarium patronatus Portugalliae regum in Ecclesiis Africae, Asiae atque Oceaniae, bullas, brevia, epistolas decreta actaque Sanctae Sedis ab Alexandro III ad hoc usque tempus amplectens, Quyển I, (1171-1600), Lisboa, 1868, tr. 8.

²⁰⁰ Cũng vì đường phân ranh năm 1494, mà đất Ba Tây ở Nam Mỹ bị đặt dưới quyền của Bồ Đào Nha và cho đến bây giờ đất Ba Tây đã độc lập, tiếng nói vẫn là tiếng Bồ Đào Nha. Còn các nước khác ở Nam Mỹ lại dưới quyền Tây Ban Nha, và cho đến bây giờ tiếng Tây Ban Nha vẫn là ngôn ngữ thông dụng và chính thức trong vùng đó.

miền mình “bảo trợ” (*padroado*) và trợ cấp về phương diện vật chất nữa. Từ thế kỷ 15 đến đầu thế kỷ 17 các nhà truyền giáo Âu châu muốn đi hoạt động ở Ba Tây, Nam Phi châu hay Đông Ấn, bó buộc phải đi tầu của chính quyền Bồ Đào Nha từ Lisboa, đầu họ là người Ý, Pháp, Đức v.v...²⁰¹

Nhưng trong việc truyền giáo, chính quyền Bồ Đào có nhiều lạm dụng, nên từ đầu thế kỷ 17, Tòa Thánh La Mã muốn dành lại trách nhiệm đó hoàn toàn cho mình. Vì vậy, năm 1633, Đức Giáo hoàng (Urbanus VIII) chấp thuận cho tất cả các dòng tu truyền giáo được phép chọn lộ trình truyền giáo cho các tu sĩ trong dòng mà không phải theo lộ trình từ Lisboa²⁰². Ý chí lãnh trách nhiệm này được thể hiện từ năm 1622, khi Tòa Thánh thiết lập Bộ Truyền giáo. Từ đó, Bộ này hoạt động mạnh, để chứng tỏ là chính Giáo hội La Mã phải hoàn toàn trách nhiệm trong việc truyền bá Phúc Âm.

Vì thế, việc xuất bản hai cuốn sách trên đây của Đắc Lộ cũng nằm trong mục đích ấy. Hơn nữa, muốn tỏ

²⁰¹ Về quyền “bảo trợ” (*padroado*) của Bồ Đào Nha, xin coi :

- *Bullarium patronatus Portugalliae regum in Ecclesiis Africae, Asiae atque Oceaniae, bullas, brevia, epistolas, decreta actaque Sanctae Sedis ab Alexandro III ad hoc usque tempus amplectens*, Quyển I, (1171-1600), Lisboa, 1868-1879, 5 tập, và quyển II (1601-1700), Lisboa, 1870, 1 tập.

- C. Ralph BOXER, *The Portuguese padroado in East Asia and the problem of the Chinese Rites (1576-1773)*, Macau, 1948.

- H. CHAPPOULIE, *Aux origines d'une Eglise, Rome et les missions d'Indochine au XVII^e siècle*, QI, Paris, 1943, tr. 42-101.

²⁰² Trọng sắc *Ex debito pastoralis*, 22-2-1633, trong *Juris Pontifici de Propaganda Fide*, Phần I, Roma, 1888, tr. 143.

rô L.m. Đắc Lộ đi truyền giáo là người của Bộ Truyền giáo gửi đi hoạt động ²⁰³, nên mặt bìa cuốn sách đề rõ ràng như sau : “Tự điển Việt Bồ La được Bộ Truyền giáo xuất bản, do tác giả Đắc Lộ, là tu sĩ Dòng Tên và là *thừa sai của Bộ truyền giáo*” (Dictionarium annamiticum, Ivsitanum, et latinum, ope Sacrae Congregationis de Propaganda Fide in lucem editum ab Alexandro de Rhodes è Societate Iesu, *ejusdemque Sacrae Congregationis Missionario Apostolico*). Trên bìa cuốn *Catechismus* cũng đề giống như thế (*Catechismus* ope Sacrae Congregationis de Propaganda Fide in lucem editus, ab Alexandro de Rhodes è Societate Iesu, *ejusdemque Sacrae Congregationis Missionario Apostolico*).

*

* *

Nhờ công lao của Đắc Lộ, năm 1651 đánh dấu một giai đoạn quan trọng nhất của lịch sử chữ quốc ngữ. Ngày nay, nhắc đến lịch sử chữ chúng ta đang sử dụng, là phải nhớ tới công ơn Đắc Lộ. Tại Hà Nội một bia kỷ

²⁰³ Thực ra, năm 1618, khi Đắc Lộ rời La Mã để đi Đông Á truyền giáo, thì Bộ Truyền giáo chưa được thiết lập, và ông cũng phải đến Lisboa để đón tầu của chính quyền Bồ Đào Nha đi Goa trước khi tới Áo Môn. Trước khi lên tầu, Đắc Lộ cũng phải ghi tên quê quán, Dòng tu, cũng bị khám xét hành lý như mọi thừa sai khác. Sau này, khi Đắc Lộ về tới La Mã năm 1649, tình thế đã đổi khác : Bộ Truyền giáo đã bắt đầu hoạt động mạnh và quyền bảo trợ của Bồ Đào Nha đang suy giảm dần.

niệm ²⁰⁴(*) Đắc Lộ được dựng vào giữa năm 1941 và tại Sài Gòn một con đường mang tên *Alexandre de Rhodes* (Đắc Lộ) từ năm 1955, để tưởng nhớ công ơn Đắc Lộ.

Dấu sao Đắc Lộ cũng là người ngoại quốc, chúng ta cần phải tìm kiếm những bản văn quốc ngữ do *người Việt Nam soạn vào thế kỷ 17*, để hiểu được phần nào *ảnh hưởng thứ chữ mới* này nơi người Việt Nam trong thời kỳ đầu tiên. Vì vậy, chương bốn sẽ đề cập tới ba tài liệu quan trọng về chữ quốc ngữ do hai người Việt Nam sáng tác.

²⁰⁴ Khoảng năm 1957, bia này đã bị phá bỏ

4

TÀI LIỆU VIẾT TAY NĂM 1659 CỦA HAI NGƯỜI VIỆT NAM

Ba tài liệu viết tay mà chúng tôi thừa với bạn đọc dưới đây, do hai người Việt Nam soạn thảo năm 1659, tức là tám năm sau khi hai sách quốc ngữ của Đắc Lộ được xuất bản tại La Mã. Tài liệu tuy vắn, nhưng về phương diện lịch sử chữ quốc ngữ lại rất quan trọng. Vì muốn trình bày *toàn bộ bản văn* và *ghi những chú thích cần thiết*, nên chúng tôi phải dành hẳn một chương cho công việc này. Cũng xin nhắc lại là, việc trình bày và ghi chú ở đây hoàn toàn *trong phạm vi lịch sử*, chứ không có tính cách khoa ngữ học.

Chúng tôi sẽ ghi từ nguyên văn ra *lối chữ Việt ngày nay*. Khi cần, chúng tôi xin viết *chữ lớn*, hoặc *thêm chấm phết* cho mỗi câu, hầu độc giả theo dõi dễ dàng hơn. Chúng tôi không lo làm phật lòng các nhà nghiên cứu về điểm này, bởi vì họ có thể kiểm soát được nhờ nguyên bản mà chúng tôi in kèm theo. Tuy nhiên, khi cho in *lại nguyên bản văn* của tài liệu, chúng tôi phải rút

nhỏ cho vừa khổ sách. Làm như thế là thiếu trung thực tuyệt đối với kích thước bản văn, xong tiện lợi cho việc ấn loát hơn. Thực ra chúng tôi đã dự định ghi lại *giống hoàn toàn* lối viết của các tác giả, ví dụ : chữ *oũ* thì cũng phải ghi lại là *oũ*, chứ không ghi là *ông*. Nhưng thiết tưởng độc giả đã có nguyên bản, nên chúng tôi xin ghi theo lối viết ngày nay. Sau cùng, chúng tôi xin theo thứ tự bản văn giải thích những điều *cần thiết* để bạn đọc hiểu rộng hơn.

TÀI LIỆU VIẾT TAY NĂM 1659 CỦA IGESICO VĂN TÍN

Tài liệu là một bức thư của Thầy giảng Igesico Văn Tín viết ngày 12-9-1659, hiện lưu trữ tại Văn khố Dòng Tên La Mã ²⁰⁵. Thật ra, tác giả không xưng mình là Thầy giảng ²⁰⁶, nhưng qua các ý tưởng trong thư, chúng ta có thể đoán như vậy. *Igesico Văn Tín* gồm hai tên : tên thánh và tên “ tục ”. Tên *Igesico* ²⁰⁷ hay Iglésis, Iglesias, là một thứ mà ngày nay hiếm người mang tên đó, kể cả người Âu châu. Khi Văn Tín gia nhập Giáo hội

²⁰⁵ ARSI, JS. 81, f. 274rv.

²⁰⁶ Thầy giảng là cấp bậc cao nhất trong bốn cấp “ Dòng tu ” Thầy giảng, được Đắc Lộ thành lập năm 1630 và được Gaspar d’Amaral hoàn thành năm 1637. Ba cấp dưới là Kẻ giảng, Cậu và Ông già

²⁰⁷ Ông Hoàng Xuân Hân đã ghi lại là Igessio, nhưng theo nhận định của chúng tôi, thì tác giả viết là Igesico (HOÀNG XUÂN HÂN), *Một vài vấn đề bằng quốc âm tàng-trữ ở Âu châu*, báo Đại-học, số 10, tháng 7-1959, tr. 109).

Công giáo mới bắt đầu mang tên Igesico. Còn chính tên họ của Văn Tín là gì không được ghi lại, vì cứ theo chữ ký của ông, chỉ có hai chữ Việt là Văn Tín. Khi biên thư này, tác giả được bao nhiêu tuổi, sinh quán ở đâu, hoạt động ra sao, chúng tôi không rõ. Trong sổ bộ các Thầy giảng Đàng Ngoài năm 1637 do L.m. Gaspar d'Amaral ghi lại ²⁰⁸, không thấy dấu vết gì về Văn Tín.

Khi biên thư, tác giả đã đề *ngày tháng năm* rõ ràng bằng chữ thường ở hai dòng cuối cùng, tức là ngày “muờy hay thánh chính D. C. J. ra dờy một nghìn sáu tram nam muợy chính”. Còn về *nơi viết*, tác giả không ghi lại, tuy nhiên người ta có thể hiểu được rằng, ông viết ở Kẻ Vó (Đàng Ngoài) hoặc một nơi gần đó, vì ông nhắc tới nhiều tin xảy ra ở Kẻ Vó, nơi đây L.m. Marini (người nhận thư) đã ở khá lâu. Chính trong bức thư của Bento Thiện gửi cho Marini cùng năm 1659 mà chúng tôi sẽ bàn tới, cũng nhắc đến việc Marini ở Kẻ Vó và những tin tức nơi này. Về *người nhận thư*, đầu Văn Tín không viết rõ như trong bức thư của Bento Thiện, nhưng người ta cũng hiểu ngay là ông viết cho L.m. Marini, lúc đó đã rời Áo môn đi La Mã.

Bức thư gồm hai trang giấy : trang nhất viết trong khổ 17 x 25 cm có 34 dòng chữ cỡ trung bình, trang hai trong khổ 16 x 9 cm, có 11 dòng chữ, kể cả dòng chữ ký tên. Mời bạn đọc theo dõi bức thư của Igesico Văn Tín, sẽ biết nội dung, hiểu được trình độ chữ quốc ngữ và cách hành văn của ông.

²⁰⁸ Real Academia de la Historia de Madrid, Jesuitas, Legajo 21 bis, Fasc. 16, f.31-38v.

“Lậy ơn Đức Chúa Trời phù hộ Thầy²⁰⁹ bằng an lành linh hồn và xác. Từ năm Thầy trở về khỏi, thì hai Thầy ở lại chịu nhiều sự khó lắm²¹⁰, thì rằng [dầu hai thầy] chẳng có trở về [Áo Môn] song le cũng như về vậy²¹¹, mà các Thầy trở về đến Macao thì đã

²⁰⁹ *Thầy* : Igesico Văn Tín gọi L. m. Marini là *Thầy*. Thời ấy các giáo hữu Việt Nam gọi các Linh mục là *Thầy*, vì họ kính trọng các ông như bậc *Thầy* (ít khi họ gọi các Linh mục là *Cha* như ngày nay). Đối với xã hội Việt nam, tam bộ “ quân sự phụ ” rất quan trọng : trước hết là *Vua*, sau đến *Thầy* rồi mới đến *Cha* sinh ra mình

²¹⁰ Tháng 7-1658, L.m. G. F. de Marini cùng với 6 L.m. Dòng Tên khác (3 người Ý : J. Agnès, C.de Rocha, A. Lubilli ; 1 người Áo Môn : B. d'Oliveira ; 1 người Pháp : P. Albier ; 1 người Bồ Đào Nha : F. Rangel) bị Chúa Trịnh Tạc trục xuất ra khỏi Đàng Ngoài, nên các ông đều lên tàu buôn Bồ Đào Nha về Áo Môn. Trịnh Tạc chỉ cho hai Linh mục ở lại như tác giả viết trong thư, đó là Onuphre Borgès (1614-1664), người Thụy Sĩ, đến Đàng Ngoài từ năm 1640, được chúa Trịnh Tạc mến yêu và Joseph Tissanier (1618-1688) tới Đàng Ngoài năm 1658 (coi tiểu sử ở chương một). Đến ngày 12-11-1663, hai Linh mục này cũng bị trục xuất khỏi Đàng Ngoài. Tuy năm 1658 hai ông được Trịnh Tạc ban đặc ân ở lại trong xứ, nhưng bị cấm không được đi khỏi thủ đô Thăng Long. Vì vậy, Văn Tín nhắc đến việc hai ông “chịu khó liên”.

²¹¹ Tác giả hết sức bi quan, vì cho rằng, hai L.m. Borgès và Tissanier dầu đang có mặt ở Đàng Ngoài, nhưng cũng coi như là về Áo Môn rồi, bởi không được đi thăm viếng các giáo hữu ngoài thủ đô. Thật ra, hai ông vẫn còn được xê dịch trong Thăng Long, giúp đỡ các giáo hữu về mặt tinh thần. Năm 1660, nhân dịp ngày đầu Xuân Nhâm Tý, hai ông cũng mặc áo thụng màu tím, đội mũ lục lăng, đến lậy Chúa Trịnh 4 lạy để dâng tuổi chúa. Tới ngày 5 tháng 3 năm Nhâm Tý, đời vua Lê Thần Tông, niên hiệu Vĩnh Thọ, tức vào tháng 4-1660, hai Linh mục này có dự lễ rước Vía chúa Trịnh Tạc dịp khánh đản của ông, sau đó được mời dùng yến tiệc (hai ông ngồi một mâm riêng) ngang hàng với các quan đại thần (TISSANIER, *Relation du voyage*, tr. 273-276).

xong. Song le hai Thầy hai Thầy ²¹² ở bên này [Đàng Ngoài] thì những chịu khó liên. Năm sau ²¹³ Thầy cả ²¹⁴ Miguel ²¹⁵ lại đến, thì nói những sự các Thầy phải tòng

²¹² Tác giả viết hai lần chữ *hai Thầy*.

²¹³ Tác giả nhớ lầm, thay vì viết *năm ngoài* hay *năm trước*, tức là 1658, thì ông lại viết *năm sau*. Bởi vì L.m. Miguel tới Đàng Ngoài vào tháng 8-1658.

²¹⁴ *Thầy cả* : Như chúng ta đã biết, lúc đầu các giáo hữu Việt Nam thường gọi các Linh mục là *Thầy* ; nhưng từ năm 1630 trở đi là lúc lập “Dòng tu” *Thầy giảng* ở Đàng Ngoài, thì những tu sĩ ở bậc cao nhất trong “Dòng tu” này cũng được gọi là *Thầy*. Vì thế để phân biệt *Thầy giảng* với các Linh mục, người ta gọi các L.m là *Thầy cả*, có nghĩa là lớn hơn các *Thầy giảng*. Nhưng khi đối thoại với các *Thầy cả*, thì chỉ xưng vẫn tất là *Thầy*, còn khi nói rõ đến một Linh mục nào thì thường thường người ta nói rõ là *Thầy cả*, để phân biệt hoàn toàn với *Thầy giảng*.

²¹⁵ *Miguel* tức là Miguel BOYM (1612-1659) sinh tại Ba Lan, thuộc gia đình quý phái, thân sinh là một Bác sĩ gốc người Hung Gia lợi, nhưng ông bà của Boym đã đến lập cư ở Ba Lan. Miguel Boym gia nhập Dòng Tên tại Cracovie ngày 16-8-1631, đến Áo Môn năm 1642. Boym tới Đàng Ngoài lần thứ nhất vào năm 1645, nhưng hai năm sau ông bỏ xứ này về Áo Môn. Năm 1651, ông theo lời yêu cầu của “Hoàng Thái Hậu” Ning Cheng-tze, tới La Mã để trình bày vấn đề rối loạn ở Trung Hoa. Năm 1656, Boym đáp tầu từ Lisboa đi Xiêm. Từ xứ này, ông theo tầu buôn của người Trung Hoa đi Áo Môn, mà viên hoa tiêu là người Hòa Lan. Giữa hải trình bị bão, các thủy thủ Trung Hoa liền ném hết ảnh tượng của Boym xuống biển để cúng hải thần, song bão gió vẫn không ngớt, nên họ định quẳng chính Boym xuống biển hầu làm người cơn giận của hải thần. Cũng may họ không thi hành ý định, nhờ đó Boym được thoát nạn. Tuy hải trình vất vả, nhưng cuộc hành trình từ Xiêm tới Áo Môn phải mất hai tháng vì gió bão gây ra. Từ Áo Môn, Boym không thể vào lục địa Trung Hoa được, vì quân nhà Thanh đã chiếm được Quảng Châu rồi. Do đó Boym phải đến Đàng Ngoài để tìm cách đi Trung Hoa gặp vua nhà Minh là Vĩnh Minh vương. Boym tới Đàng Ngoài hồi tháng 8-1658. Khi ở Áo Môn. Boym được gặp Marini cùng 6 Linh mục Dòng Tên khác và

chịu khó là thế nào ; tôi nghe rằng, Thầy chịu khó từ Hải Nam cho đến Macao thì tôi đau đớn; mà ngờ là Thầy ở nghỉ [lại] Macao, chẳng hay ý Đức Chúa Trời cho Thầy chịu khó hơn nữa là trẩy đi đàng xa khách [cách] trở ²¹⁶, lòng tôi càng trông nhớ Thầy liên. Đoạn [sau khi] tầu trẩy về ²¹⁷ thì tôi ước rằng còn Thầy ở Macao, lòng tôi muốn trẩy sang mà theo Thầy. Song le Thầy đã trẩy khỏi ²¹⁸, thì tôi bây giờ như con mất cha, mà trăm đàng thì cậy một Thầy cả ở bên này²¹⁹. Người bảo tôi rằng, ngày sau tầu Olan²²⁰ trẩy về bên ấy [Âu châu] thì sẽ viết một lời sang hầu Thầy. Ông Thầy xưa dạy dỗ tôi nhiều đàng, cho nên thành mà ráp cậy Thầy; cho nên chẳng hay bây giờ vắng Thầy, tôi càng buồn hơn nữa, mà ao ước cho được thấy mặt Thầy như con trông mẹ về cho được bú vậy. Muốn cho người ta được ơn Thầy nữa, chẳng hay Đức Chúa Trời

từ Đàng Ngoài về, nên ông mới biết tầu chở các Linh mục đó bị bão lớn ở đảo Hải Nam, rồi thuật truyện lại cho Onuphre Borgès và Joseph Tissanier. Từ Đàng Ngoài, Boym đi Quảng Tây gặp vua nhà Minh, nhưng vua đã bị hại. Boym chết vì nước độc tại biên thùy Hoa Việt ngày 22-8-1659.

²¹⁶ Khi Văn Tín viết thư này, ông được tin Marini đã đi La Mã dự đại công nghị thứ 11 của Dòng Tên (9-5 đến 27-7-1661), nên ông rất buồn.

²¹⁷ Tác giả nhắc lại việc chiếc tầu chở Marini cùng 6 Linh mục Dòng Tên khác từ Đàng Ngoài về Áo Môn vào tháng 7-1658.

²¹⁸ Marini đã bỏ Áo Môn đi La Mã.

²¹⁹ *Thầy cả ở bên này* tức là Onuphre Borgès.

²²⁰ *Olan* bởi chữ Bồ Đào Nha *Holanda*, có nghĩa là nước Hòa Lan. Tuy chữ *Holanda* viết như thế, nhưng người Bồ Đào đọc là *olada*. Do đó Văn Tín cũng theo Bồ Đào mà đọc và viết tắt là Olan.

chẳng cho, mà mở lòng cho Thầy đi phương khác ²²¹ thì hầu biết làm sao được ²²². Ông Thầy thương lấy tôi cùng, vì là kẻ có tội nhiều, chẳng đáng ở gần Thầy, thì phải làm một lời bằng thay mặt ²²³. Tôi kính lạy Thầy vậy.

“Sau nữa, sự bốn đạo bên này thì Thầy biết hết, cùng mọi sự khác đã có thư Thầy cả [Borgès] gửi cho Thầy được biết, tôi hầu nói làm chi, cùng đã có thư nói trước. Sau nữa [ở] Kẻ Vó, ông Chương Minh nên [lên] hai cái [mụn] độc lắm, mà người đã biết mình chẳng đã, thì mời Thầy rửa tội cho tên là Josaphat, đoạn liền sinh thì ²²⁴. Mà con ông ấy tên [thánh] là Vito, Đức Chúa lại cho chức cha [ông] ấy là ông Chương Minh ²²⁵. Còn sự ông Chương Trà thì đã có đạo cùng tên thánh ngày trước ²²⁶, song le chẳng giữ [đạo], nên liền phải liệt, [ông] chẳng cho bốn đạo đến cầu [nguyện] cho, liền

²²¹ *Thầy đi phương khác* : Marini về La Mã, tức là bỏ phương Đông về phương Tây.

²²² *thì hầu biết làm sao được*: thì biết làm sao được.

²²³ *thì phải làm một lời bằng thay mặt* : Văn Tín phàn nàn vì không được ở gần Marini, nhưng bù lại, ông phải viết một lá thư, dùng lời lẽ thay mặt nói chuyện với Marini.

²²⁴ Có lẽ lúc đó Thầy cả Borgès được chúa Trịnh Tạc cho phép đi Kẻ Vó làm bí tích Thánh Tẩy (Rửa tội) cho ông Chương Minh. Khi chịu phép Thánh Tẩy, ông Chương Minh mang tên thánh là Josaphat. Sau khi được Rửa tội, ông Chương Minh *sinh thì*, có nghĩa là qua đời.

²²⁵ Chúng ta đoán được rằng, ông Chương Minh có công lớn với nhà nước, nên sau khi ông qua đời, thì con ông, tên thánh là Vito (không rõ tên Việt) được chúa Trịnh Tạc cho chức tước như ông Chương Minh.

²²⁶ Ông Chương Trà đã theo đạo Công giáo, nhưng không giữ đạo, mặc dầu khi ông chịu phép Thánh Tẩy cũng mang tên thánh.

mời bên đời đến chữa chẳng khỏi, mấy ngày [sau] liền chết²²⁷ ; mà những họ hàng nhà ông ấy cùng anh em chung nhau làm quan hãy còn cầu nguyện²²⁸, đến rầy chữa xong, cùng nhà thờ trong ấy thì nó làm hư hết²²⁹. Ấy là sự bên này thì làm vậy.

“Còn sự Thấy cả Miguel ở Roma về mà đi tìm vua Vinh lịch, chẳng hay có giặc hu nu²³⁰ đến phá đấy, mà vua chạy lên len (?) rừng²³¹ mà người đi tìm chẳng được, lại trở lại đấy, giờ là Văn Hương Chu²³².
Người [Boym]

²²⁷ Có lẽ tác giả muốn nói ông Chương Trà mời thầy “phù thủy” đến chữa bệnh. Ngày xưa cho đến đầu thế kỷ này, nhiều nơi dân Công giáo dùng danh từ *bên đời* để chỉ những người không theo đạo Công giáo, còn danh từ *bên đạo* chỉ người theo đạo Công giáo.

²²⁸ Chúng tôi không hiểu rõ ý tác giả. Có lẽ Văn Tín muốn nói rằng sau khi ông Chương Trà chết, anh em nhà ông chung nhau làm ma chay, cho đến nay chưa an táng.

²²⁹ Có lẽ tác giả muốn nói : nhà thờ Công giáo nơi đó đã bị tục hóa, nhưng nơi đó là nơi nào thì không rõ.

²³⁰ *hu nu* : Giặc *Hung nô* hay là quân lực Mãn Thanh.

²³¹ Thực ra, vua Vinh Lịch trốn sang Miến Điện.

²³² *giờ là Văn Hương Chu* : Có lẽ Văn Tín muốn nói : nơi Boym đang ở gọi là Văn Hương Chu.

có [viết] thư cho Thầy cả mà xin xuống Kể chợ ²³³.
Thầy cả liền dời lệnh Chúa, Đức Chúa có cho xuống

²³³ L.m. Miguel Boym đã theo lời yêu cầu của bà Ning Cheng-tze về La Mã trình bày cuộc nổi binh ở Trung Hoa do người nhà Thanh đánh nhà Minh. Ning Cheng-tzi là “mẹ” của vua Vĩnh Minh vương, niên hiệu Vĩnh lịch. Nên nhớ là sau khi vua Tự Tôn nhà Minh tự thắt cổ ở Múi Sơn tại Bắc Kinh năm 1644 vì thua lực lượng Mãn Thanh, thì Trung Hoa vẫn còn rối loạn. Tại Triệu Khánh ở Hoa Nam, Quế vương là Do Lang (Vĩnh lịch) được tôn làm vua năm 1646 (ngày mùng 4 tháng 10 âm lịch). Năm 1659 vua chạy trốn sang Miến Điện, thế là nhà Minh bị diệt hoàn toàn. Bà Ning Cheng-tze đã chịu phép Thánh tầy có tên thánh là Hà Liên (Hélène), do Linh mục Dòng Tên André-Xavier Koffler, một người Đức giỏi Toán học. Đến năm 1647, bà Ning Cheng-tze cũng lo cho ba người trong hoàng tộc theo đạo Công giáo, đó là hoàng thái hậu Maria, hoàng hậu An Na và thái tử Công Tăng (Constantin). Ngày 11-5-1650, bà Hà Liên Ning Cheng-tze viết thư cho Đức Giáo Hoàng Innocens X và ngày 4-11-1650 cũng viết thư cho L.m. Bê trên Cả Dòng Tên ở La mã, trình bày việc bà cùng mấy người trong hoàng tộc đã theo đạo Công giáo; ngoài ra bà cũng nói rõ là L.m. Boym sẽ trình bày với các ngài về tình hình Trung Hoa. Bà trao hai thư cho Miguel Boym để ông đích thân đem về La Mã. Lúc Boym ở La Mã trở lại Trung Hoa cũng mang hai bức thư của Đức Giáo Hoàng A Lịch Sơn VII (Innocens X qua đời năm 1655, A Lịch Sơn VII làm Giáo Hoàng từ 1655-1667). Hai bức thư cùng đề ngày 18-12-1655, một gửi cho bà Ning Cheng-tze, một gửi cho Thống Tướng Pan-Achille (đây là tên thánh, không rõ tên Trung Hoa là gì). (Coi : E. DUPERRAY, *Ambassadeurs de Dieu à la Chine*, Paris, 1956, tr. 38-43). Nên nhớ là, Boym tới Đàng Ngoài tháng 8-1658, nhưng mãi ngày 16-2-1659, chúa Trịnh Tạc mới cho phép đi Trung Hoa. Khi ông tới Trung Hoa để kiến vua Vĩnh Lịch, thì vua đã phải trốn sang Miến Điện rồi. Sau này người Miến Điện nộp vua Vĩnh Lịch cho tướng nhà Thanh là Wou San-kouei. Viên Tướng này đã theo lệnh vua Khang Hi cho thắt cổ vua Vĩnh Lịch năm 1663, lúc đó vua Vĩnh Lịch được 38 tuổi. Boym định trở lại Đàng Trong, nhưng chúa Trịnh Tạc không chấp thuận. Có thể coi thêm : Robert CHABRIÉ, *Michel Boym, jésuite polonais et la fin des Ming en Chine (1646-1662)*. Paris, 1933.

chẳng, ²³⁴ song le Đức Chúa chẳng cho. Người [Boym] ở đấy độc nước, phải liệt, mà lại có thư cho Thầy cả. Bây giờ Thầy đi thăm ông Già Hán, ông ấy cũng chẳng cho ²³⁵. Đoạn cắt hai người lên thăm trên ấy, chẳng hay người đã sinh thì khỏi ²³⁶. Lòng Thầy cả tiếc cùng thương lắm ²³⁷. Ấy là bấy nhiêu. Đức Chúa Trời trả công cho Thầy đời này và đời sau. Mười hai tháng chín Đức Chúa Jêsu ra đời một nghìn sáu trăm năm mươi chín ²³⁸.

Tôi là Igesico Văn Tín ”

TÀI LIỆU VIẾT TAY NĂM 1659

²³⁴ *Thầy cả liền đòi lệnh Chúa* : Thầy cả Borgès liền cố gắng xin chúa Trịnh Tạc cho phép Boym trở lại Thăng Long (Kê Chợ), song đức chúa (Trịnh Tạc) không chấp thuận.

²³⁵ Boym phải ở lại Văn Hương Chu trên đất Trung Hoa, sát biên thùy Đàng Ngoài. Boym ở đó bị đau nặng vì nước độc, ông lại viết một thư khác báo tin bệnh trạng của mình cho Borgès biết. Được tin, Borgès xin phép chúa Trịnh Tạc cho mình được đi thăm ông Già Hán, tức là Manoel Văn Hán, là một người ở trong cấp bậc thấp nhất “Dòng tu” Thầy giảng ; có lẽ lúc đó ông Già Hán cũng ở gần biên thùy Trung Hoa, Borgès xin đi thăm ông Già Hán, để nhân dịp đó thăm Boym, nhưng chúa Trịnh cũng không cho phép.

²³⁶ Borgès phải cử hai người đi thăm Boym, một trong hai người có tên thánh là Thanh Diêu (Tadeo). Nhưng khi tới nơi (sau tám ngày hành trình) thì Boym đã chết ngày 22-8-1659.

²³⁷ Thầy cả Borgès rất thương tiếc Boym.

²³⁸ Thiết nghĩ, ông Võ Long Tê đã ghi lầm là thư viết ngày “mùng hay thánh chính”. Thực ra, Văn Tín viết là “mười hay thánh chính”. Do đó, chúng ta phải ghi là tác giả biên thư này ngày 12-9-1659. (Coi : VÕ LONG-TÊ, *Lịch-sử Văn- học Công-giáo Việt-nam*, C I, Saigon, 1965, tr. 127).

CỦA BENTO THIỆN

Đây là bức thư của Thầy giảng Bento Thiện viết ngày 25-10-1659, gửi L.m. G. F. de Marini, hiện lưu trữ tại Văn khố Dòng Tên ở La Mã ²³⁹. Bento Thiện biên thư này tại Thăng Long, vì lúc đó ông đang ở chung với L.m. Onuphre Borgès. Trong thư, tuy Bento Thiện không xưng rõ ràng chức vị của mình, nhưng nhờ chữ ký ở cuối thư, chúng ta hiểu được ông cũng là Thầy giảng như Igesico Văn Tín. *Bento* là tên thánh của ông; đó là danh từ Bồ Đào Nha, tiếng La tinh là *Benedictus*, tiếng Pháp là Benoit, tiếng Việt là *Bê Nê Đích Tô* hay *Biển Đức*.

Chúng tôi không biết rõ lai lịch Bento Thiện, nhưng có lẽ ông là người mà Gaspar d'Amaral đã nhắc lại trong tài liệu năm 1637 ²⁴⁰. Sử liệu trên có ghi danh sách những người thuộc bốn bậc "Dòng tu" Thầy giảng, trong số này có một người tên là *Bento* (không có tên Việt Nam) ở bậc Kẻ giảng, tức là cấp thứ hai; tính đến năm 1637, Bento được 23 tuổi, theo đạo Công giáo được 11 năm, tức là năm 1627. Như vậy, Thầy Bento là một trong những người đầu tiên do L.m. Marques hoặc Đắc Lộ rửa tội ở Đàng Ngoài.

Bức thư gồm hai trang giấy viết chữ cỡ nhỏ, trong khổ 21 x 31 cm. Khác với thư của Văn Tín, vì Thầy Thiện ghi rõ là thư gửi cho L.m. Marini. Dòng thứ nhất

²³⁹ ARSI, JS 81, f. 246rv.

²⁴⁰ G. D'AMARAL, *Relaçom dos Catequistas de Christamdade de TumK.*, trong *Real Academia de la Historia de Madrid, Jesuitas, Legajo 21 bis, Fasc. 16, f.36r.*

của bức thư, Thầy Thiện viết bằng chữ Bồ Đào Nha : “Ao P^e Philippe Marino” (Gửi cho Cha Philippe Marino [Marini]); dòng thứ hai, ông lại viết bằng chữ La Tinh : “Pax Christi” (Bằng an Chúa Ky Tô) ; từ dòng thứ ba trở đi là bắt đầu lời thư và hoàn toàn viết bằng quốc ngữ.

Bức thư này đã được ông Hoàng Xuân Hãn đăng trong báo Đại Học, năm 1959 ²⁴¹. Nhưng vì học giả họ Hoàng chưa cho in lại *nguyên bản văn*, nên chúng tôi thấy cần phải trình bày ở đây và thêm một số chú thích khác, hầu giúp bạn đọc hiểu rộng hơn. Ngoài ra, chúng tôi cũng muốn ghi lại cho *đúng* với nguyên bản một số chữ mà ông Hoàng Xuân Hãn đã ghi lầm. Ví dụ :

Ô. Hoàng Xuân Hãn ghi	Sửa lại cho đúng
Daria <i>đấng sinh</i> ²⁴²	: Daria <i>đồng trinh</i> .
chịu khó <i>giảng</i> tội	: chịu khó <i>giải</i> tội.
chẳng có khi <i>nải</i> nào	: chẳng có khi <i>nơi</i> nào.
chẳng có <i>iên</i> sự đạo	: chẳng có <i>yêu</i> sự đạo.
bởi Roma mà đến <i>đấy</i>	: bởi Roma mà đến <i>đây</i> .
phải ở <i>giảng cõi</i> Ngô	: phải ở <i>giáp cõi</i> Ngô.
quên nghĩa <i>Thầy, dẫu tuy</i> là	: quên nghĩa <i>Thầy dẫu, tuy</i> là

²⁴¹ HOÀNG XUÂN HÃN, báo *Đại-Học*, số 10, tháng 7-1959, tr. 108-119.

²⁴² Linh mục Thanh Lãng cũng ghi lầm là *đấng sinh* (THANH LÃNG, *Bảng lược đồ Văn học Việt Nam*, Q. thượng, tr. 384).

Thầy có *Thầy Damago* Côi trì : Thầy có *thầy Damaso* Côi trì.
 các bốn đạo nhà *chánh* : các bốn đạo nhà *thánh*.
 hết bên *dòng* : hết bên *Đông* (Hải Dương).
 tháng mười *Igrega* : tháng mười *Igreja*.
 Bà thánh *Davia* : Bà thánh *Daria*.
 cùng ông thánh *Miganto* : cùng ông thánh *Chrisanto*.
 lạy ơn thầy nghìn *sĩa* : lạy ơn thầy nghìn *trùng*.

Bức thư của Thầy Thiện sẽ cho bạn đọc thấy, không những tác giả giỏi chữ quốc ngữ hơn Văn Tín, mà xem ra cũng có học lực cao hơn. Ngoài ra, có lẽ Thầy Thiện còn biết cả tiếng Bồ Đào Nha và La Tinh nữa, ít nhất là biết sơ sơ, vì ông đã viết mấy chữ đó ở đầu bức thư.

“ Ao P^e Philippe Marino
 “Pax Christi“

Rày là ngày lễ Bà thánh Daria đồng trình tử vì đạo ²⁴³, tôi xin vì công nghiệp Bà thánh này mà làm thư này cho đến nơi Thầy. Tôi lạy ơn Thầy vì Đức Chúa Trời mà chịu khó nhọc làm vậy. Tôi đã làm được thư gửi sang Macao cho Thầy, song le chẳng biết là có ai

²⁴³ Darina là một trinh nữ tử vì đạo vào thời Ky Tô giáo được truyền bá ở La Mã. Cùng tử vì đạo một trật với Daria, còn có ông Chrisanto (Chrysanthe). Vì thế cả hai vị thánh này được tôn kính cùng ngày 25-10 mỗi năm. Trong thư, Bento Thiện chỉ nói là ông “chép tháng mười Igreja” nhưng nhờ ông nói thêm là “thư nậ thì gặ lễ bà Thánh Daria củ Oũ thánh Chrisanto”, nên chúng ta biết được là thư viết ngày 25-10. Truyện hoang đường kể lại rằng, Darina và Chrisanto là hai vợ chồng, bị chôn sống trong một đống cát.

gười cho đến Thầy hay chăng ²⁴⁴. Rồi có khách Olande ²⁴⁵ trở về bên ấy, mà Thầy cả gửi thư đi bên ấy ²⁴⁶, thì tôi phải làm một hai lời sang lạy ơn Thầy vậy. Các bốn đạo xứ Đông ²⁴⁷ thì lòng nhớ Thầy lắm, một ước ao cho Thầy lại đến nước này một lần nữa ; song le nước Annam hã còn rồi chưa có xong ²⁴⁸. Các bốn đạo nhà quê rày xa Thầy, kẻ thì giữ, kẻ thì bỏ, vì chẳng có Thầy cả đến giải tội cho ²⁴⁹. Những Kẻ giảng ²⁵⁰ thì đi thăm dạy dỗ một hai lẽ vậy, chẳng bằng có Thầy cả thì hơn. Rày thì có hai Thầy cả ở Kẻ Chợ, chẳng dám đâu ²⁵¹, song le bốn đạo mọi nơi hằng có đến liên; mà hai Thầy cũng chịu khó giải tội ban đêm, đến gà gáy thì làm lễ, cho bốn đạo Comunhong ²⁵², rồi lại ra hết, chẳng dám vào

²⁴⁴ Tác giả nhắc lại Marini phải chịu khổ : bị trục xuất khỏi Đàng Ngoài, bị bão ở gần Hải Nam. Trước đây, ông cũng đã gửi thư cho Marini, nhưng L.m. lại rời Áo Môn đi La Mã rồi, nên ông thắc mắc không biết có ai chuyển thư đó đi La Mã không ?

²⁴⁵ *Olande* : do chữ Bồ Đào holandês (đọc là ôlâdêch), có nghĩa là người Hòa Lan.

²⁴⁶ *đi bên ấy* : Thầy cả Borgès gửi thư đi La Mã.

²⁴⁷ *xứ Đông* : vùng Hải Dương. Trước đây Marini hoạt động ở đó.

²⁴⁸ Chính quyền Đàng Ngoài còn hạn chế việc truyền giáo.

²⁴⁹ Tuy có hai L.m. Borgès và Tissanier ở Thăng Long, nhưng chúa Trịnh Tạc cấm hai ông ra khỏi thủ đô.

²⁵⁰ *Kẻ giảng* : Cấp thứ nhì trong “Dòng tu” Thầy giảng. Các Kẻ giảng và Thầy giảng chỉ có thể dạy giáo lý, làm bí tích Rửa tội, chứ không được làm các bí tích khác như Thánh Lễ, Giải tội, là những thứ chỉ dành cho các Linh mục.

²⁵¹ *chẳng dám đâu* : chẳng dám đi đâu ra khỏi thủ đô.

²⁵² *Comunhong* : do chữ Bồ Đào Nha là *comunhão*, có nghĩa là *chịu lễ hay rước Thánh Thể*.

ban ngày. Kể chịu đạo thì hàng có liên, chẳng có khi nơi nào mà chẳng đi chịu đạo ²⁵³.

“Manoel cùng Miguel ²⁵⁴ rằng, Thầy có khiến tôi chép những truyện bên này, thì tôi làm được hai vở để cho Thầy cả Onofre ²⁵⁵ sẽ gửi cho Thầy bên ấy. Đây dù mà có sự gì lạ thì đã có hai Thầy cả sẽ chép cho Thầy được hay. Tôi lại nói lại cho Thầy được hay, các sự Thầy để lại đây, thì tôi để mặc Thầy cả thay thầy, cũng có phần gửi về Macao, có phần để lại đây. Bằng sự tiền Thầy dạy cho mẹ Romong thì tôi đã cho, song le mẹ nó để cho kẻ trộm lấy hết chẳng được ăn, mà Romong thì còn ở nhà Thầy cả ²⁵⁶, còn kẻ khác thì nó đã về hết. Daniel ²⁵⁷ thì ở cùng Olan, nó đi Jacatra ²⁵⁸ lại về đây,

²⁵³ Tuy ở vào hoàn cảnh khó khăn, nhưng ở nơi nào cũng có người *chịu đạo*, tức là xin gia nhập đạo Công giáo.

²⁵⁴ *Manoel* và *Miguel* là tên Thánh hai người Việt Nam. *Manoel*, *Manuel*, *Emmanuel* cũng là một. Ngày nay ở Việt Nam rất hiếm người mang tên thánh này. *Maguel*, *Michael*, *Michel* cũng thế. *Manoel* và *Miguel* là hai danh từ Bồ Đào Nha.

²⁵⁵ *Onofre* : Onuphre Borgès. Bento Thiện theo lời yêu cầu của Marini đã viết một tập “*Lịch sử nước Annam*” để gửi đi La Mã cho ông, hầu bỏ tước vào cuốn sách *Delle Missioni* mà ông sẽ xuất bản tại La Mã năm 1663. Bento Thiện nhắc tới *hai vở* tức là hai tập *giống nhau*, để gửi bằng hai chuyến tầu khác nhau, để phòng thất lạc hoặc bị bão đắm tầu. Thực ra, cả hai vở này đều đã về đến La Mã, và *cả hai* vở đều lưu trữ tại Văn khố Dòng Tên ở La Mã. Trong phần tới chúng tôi sẽ nói đến tập lịch sử này.

²⁵⁶ *Romong* là tên thánh một người Việt Nam, đang tu ở nhà Thầy cả Borgès, tức là đang ở cấp bậc *Cậu* (tập sinh) trong “Dòng tu” Thầy giảng.

²⁵⁷ *Daniel* là tên thánh của một người Việt Nam. Ngày nay, ở Việt Nam rất hiếm người mang tên thánh là *Daniel*.

rày thì chưa biết là nó đi đâu. Còn đây tớ ²⁵⁹ các Thầy giảng ở lại cùng Thầy cả Kẻ Chợ thì được bốn lăm người ²⁶⁰. Các Thầy giảng thì đi ở các xứ, Kẻ giảng cũng vậy ²⁶¹. Thầy Chico ²⁶² còn ở Ống Mác ²⁶³, song le chẳng còn ai ở cùng, có một Bento Cấm mà thôi ; các bổn đạo cũng ghét chẳng ai cho ăn, cũng chẳng đến cùng nữa, vì nét kiêu ngạo chẳng có chữa, dù các Kẻ giảng cũng đi đến cùng ²⁶⁴.

“Bây giờ tôi kể những kẻ Thầy đã biết ngày xưa, thì Bảo lộc ²⁶⁵ Trương cùng ông Lucio Kẻ Cốc ²⁶⁶ đã

²⁵⁸ ở cùng Olan : Có lẽ tác giả muốn nói rằng, Daniel theo người Hòa Lan đi Jacatra, tức Djakarta, thủ đô Indonesia ngày nay. Thời đó, Jacatra là trụ sở Công ty Đông Ấn của Hòa Lan.

²⁵⁹ đây tớ các Thầy : Có lẽ phải hiểu là các Ông Già, tức là những người ở bậc thấp nhất trong “Đòng tu” Thầy giảng, sau này gọi là ông Bô trong nhà Đức Chúa Trời.

²⁶⁰ bốn lăm người : Có lẽ là bốn, năm người chứ không hiểu được là bốn mươi lăm người.

²⁶¹ Thầy giảng và Kẻ giảng đi hoạt động ở các xứ đạo.

²⁶² Chico : do tiếng Bồ Đào Francisco (đọc là ffcichou), ngày nay ở Việt Nam quen gọi là Phan Xi Cò, thay vì Chico

²⁶³ Ống Mác : Theo ông Hoàng Xuân Hãn, thì đó là tên một cửa ở phía Nam thành Thăng Long.

²⁶⁴ Thầy Chico (không rõ tên Việt Nam) là một Thầy giảng, nhưng vì có tính xấu kiêu ngạo (kiêu căng), nên mọi người đều ghét, ngay các Kẻ giảng trước đây ở với Thầy Chico, nay cũng vì ghét mà bỏ đi hết.

²⁶⁵ Bảo lộc : tức là thánh Phao lô. Bảo Lộc là tên thánh của ông Trương.

²⁶⁶ Lucio Kẻ Cốc : Ông Lucio (tên thánh một người Việt Nam) ở Kẻ Cốc.

sinh thì, ông²⁶⁷ Minh ông Trà Kê Vó cũng đã sinh thì²⁶⁷. Song le ông Minh thì tin lắm, để hết hầu hạ thay thầy²⁶⁸, chịu đạo mười ngày liền sinh thì; ông Trà thì vừa vừa vậy²⁶⁹, còn thì rày láo đáo²⁷⁰ vậy, chẳng có thật dạ bao nhiêu. Kê Vó thì chẳng còn như xưa, vì chẳng có Thầy [Marini] ở lại, chẳng còn Kê cả²⁷¹ thì người ta lạt dạ. Tôi lại nói sự cũ, năm ngoài có Thầy cả Miguel Rangel cùng Thầy cả Emondo sang đây²⁷², cũng có

²⁶⁷ Ông Minh và ông Trà ở Kê Vó qua đời, cũng đã được Igesico Văn Tín nhắc đến trong thư gửi cho Marini.

²⁶⁸ *Hầu hạ* : Vợ bé, vợ hầu. Để hết hầu hạ thay thầy có nghĩa là bỏ hết vợ bé, để gia nhập Giáo hội Chúa. Vì theo luật đạo Công giáo, một người có vợ bé không được nhận vào Giáo hội. Ông Minh chịu đạo được mười ngày liền sinh thì, tức là chịu phép Thánh Tẩy được 10 ngày thì qua đời.

²⁶⁹ Khi nói về ông Trà, Bento Thiện bớt bi quan hơn Văn Tín.

²⁷⁰ *láo đáo* : Có lẽ chữ *láo đáo* bây giờ hiểu là *lác đác*. Câu đó có nghĩa là, bốn đạo giữ đạo lác đác, không được sốt sắng như xưa, kè giữ người bỏ.

²⁷¹ *Kê cả* : Người lớn hơn hết, người đứng đầu. Theo văn mạch thì *Kê cả* ở đây chỉ cho L.M. Marini.

²⁷² Tác giả nhắc đến hai L.M. Dòng Tên Francisco Rangel và Edmond Poncet, nhưng thay vì Francisco Rangel, tác giả lại viết lầm là Miguel (Rangel). Rất có thể chữ Miguel, ở đây chỉ Miguel Boym. Nếu thế thì tác giả nhắc đến ba Linh mục : Miguel Boym, Francisco Rangel và Edmond Poncet. Khi Bento Thiện dùng chữ *năm ngoài*, phải hiểu là năm *âm lịch*, nếu hiểu là *ương lịch* thì không đúng. Vì, như chúng ta biết, tác giả biên thư ngày 25-10-1659, mà Miguel Boym tới đàng Ngoài tháng 8-1658, còn Francisco Rangel và Edmond Poncet tới đây tháng 2-1659. Về tiểu sử Miguel Boym chúng ta đã thấy trong phần chú thích bức thư của Văn Tín. Còn tiểu sử hai Linh mục kia như sau : -

nhiều của tốt ²⁷³ cho Chúa, thì người mừng vì của, song le chẳng có yêu sự đạo. Đến [khi] tầu trẩy thì khiến các Thầy về hết, thì các Thầy cũng buồn lắm. Song le, ông Tấn, ông Niêm ²⁷⁴ động ²⁷⁵ Chúa rằng : phô ²⁷⁶ Thầy có ý sang làm tôi mà Đức Chúa chẳng cho ở, thì phô Thầy ấy buồn lắm, thì Chúa mới rằng : cho một Thầy ở. Ông Tấn lại rằng : Thầy ấy ở một mình chẳng được, chẳng có ai làm bạn, đây thì những Annam ²⁷⁷ ; thì chúa cho hai

Francisco RANGEL, người Bồ Đào Nha, đến Đàng Ngoài lần thứ nhất năm 1646, bị trục xuất năm 1658. Tháng 2-1659 (cũng có nơi ghi là tháng 3-1659) Rangel cùng với Poncet tới Đàng Ngoài, nhưng Chúa Trịnh Tạc không cho ở lại, nên hai ông phải theo tầu Bồ Đào Nha về Áo Môn vào tháng 7-1659. Trên đường về Áo Môn, tầu bị hư bánh lái. Lúc đó trên tầu hết cả đinh, sắt, nên đã phải dùng nhiều *thoi bạc* (tiền) làm đinh sửa bánh lái. Năm 1660, Rangel lại đi tầu từ Áo Môn tới Đàng Ngoài lần thứ ba, nhưng ông bị bọn cướp bể ở Hải Nam sát hại ngày 8-4-1660 cùng với nhiều hành khách. Trên tầu có 70 người, song chỉ có 19 người thoát nạn, trong số này có một người Đàng Ngoài (TISSANIER, *Relation du voyage* tr. 306-307) – Edmond POCET, người Pháp, đến truyền giáo ở Áo Môn ngày 8-7-1656. Tháng 2-1658, ông tới Hội An, nhưng đầu tháng tám năm đó bị Chúa Nguyễn trục xuất về Áo Môn. Tháng 2-1659, Poncet cùng với Rangel tới Đàng Ngoài, tháng 7-1659 về Áo Môn.

²⁷³ Nhiều của tốt : Nhiều lễ vật quý dâng Chúa Trịnh Tạc.

²⁷⁴ Ông Tấn và ông Niêm là hai quan coi kiêu dân ở Đàng Ngoài.

²⁷⁵ động : Khi nói cùng cấp trên, có thể dùng danh từ *động*, nhưng không trang trọng bằng danh từ *tầu*, danh từ *động* cũng tương đương như danh từ *bấm*.

²⁷⁶ Phô chỉ số nhiều người sang trọng.

²⁷⁷ Đây thì những Annam : có lẽ Thầy Thiện muốn nói là ở Đàng Ngoài lúc đó chỉ có người Annam, không có người Âu châu. Thật ra,

ở hai về ²⁷⁸. Thấy vậy, Thầy cả Miguel ²⁷⁹, Thầy cả Emondo lại về Macao. Mà Thầy cả Miguel bởi Roma mà đến đây thì về bên Đại Minh ²⁸⁰, mà bởi có giặc Hung nô đến Quảng Tây, thì vua Vĩnh Lịch chạy đi xứ khác, thì Thầy chẳng có được đến cùng vua, phải ở giáp cõi

năm đó còn có L.m. Borgès và Tissanier, một người Thụy Sĩ, một người Pháp, đang ở Thăng Long, như chúng ta đã biết.

²⁷⁸ *Hai ở hai về* : nếu tác giả chú ý viết *hai ở hai về*, phải hiểu như sau : Giữa năm 1659, chúa Trịnh Tạc định trục xuất *tất cả* 4 L.m. Âu châu hiện có mặt ở Đàng Ngoài (Borgès và Tissanier vẫn ở đó từ trước, còn Rangel và Poncet mới đến tháng 2-1659). Ông Tấn và ông Niêm liền xin với chúa cho các ông ở lại, nhưng ngài chỉ ưng cho một người ở lại, mà người đó có lẽ là Borgès được Trịnh Tạc quý mến, (Cũng nên biết rằng, năm 1658, chúa cũng chỉ cho phép Borgès ở lại, ngoài ra mọi Linh mục khác phải rời khỏi Đàng Ngoài ; nhưng Borgès xin chúa cho Tissanier ở lại với ông, chúa đã chấp thuận). Bấy giờ nhờ ông Tấn ông Niêm xin, nên chúa cũng vui lòng cho Borgès ở lại. Ông Tấn lại xin lần nữa, nên chúa sẵn sàng cho Tissanier ở lại (mãi đến năm 1663, hai ông mới bị trục xuất). Còn Rangel và Poncet về Áo Môn. – nếu tác giả viết *hai ở hai về*, nhưng chủ ý *nói hay ở hay về*, lúc đó phải hiểu rằng, Trịnh Tạc chỉ chấp thuận cho một trong hai Linh mục Rangel hoặc Poncet, được ở lại. Khi ông Tấn xin lần nữa, chúa trả lời : *hay ở hay về*, nghĩa là, hoặc là *một người ở lại* như Chúa đã cho, hoặc là *về cả hai*, chứ không cho cả hai người ở lại. Giả thuyết này có phần vững chắc hơn, bởi liên đó tác giả viết : *Thấy vậy, Thầy cả Miguel Thầy cả Emondo lại về Macao. Thấy vậy* có thể hiểu là, hai L.m. thấy không được *ở lại cả hai*, thì cùng nhau về Áo Môn.

²⁷⁹ Bento Thiện nhớ lầm ; đáng lý phải viết là Francisco, vì đó là Francisco Rangel, nhưng ông lại viết là Miguel.

²⁸⁰ Về vấn đề Miguel Boym từ Đàng Ngoài đi Quảng Tây vào đầu năm 1659, chúng tôi đã có chú thích dài trong bức thư của Văn Tín.

Ngô, phải nước độc thì người đã sinh thì chẳng còn, mà đây tớ người ²⁸¹ thì theo người Ngô.

Thầy cả Onofre cho Thadeo ²⁸² đi thăm, chẳng biết người ấy ²⁸³ ở đâu. Từ kẻ Chợ đến nơi Thầy sinh thì đi tám ngày mới đến nơi.

“Tôi lạy ơn Thầy nghìn trùng, tôi chẳng có quên nghĩa Thầy đâu, tuy là ở xa song le lòng chẳng có xa. Thầy đến Roma cùng Đức Thánh Papa²⁸⁴ cũng vì bởi chúng tôi cho nên Thầy phải liễu mình chịu khó nhọc làm [vậy]. Nào chúng tôi biết lấy nghĩa gì mà trả ơn ấy cho được, thì tôi cậy đã có công nghiệp Đức Chúa Jêsu cùng Đức Bà Maria phù hộ cho Thầy đi đến nơi cho nên việc, lại về bên này chia phúc cho chúng tôi ăn mà một chút công Thầy. Tôi là kẻ phàm hèn chẳng đáng sự ấy, song le chúng tôi ơn nhờ công nghiệp các Thánh xưa nay, để cho Đức Thánh Papa chia ra cho các [con] Đức Chúa Trời. Tôi làm thư này xin cho đến Thầy như bằng đội ơn Thầy vậy. Chẳng biết là tôi có được gặp Thầy nữa chẳng, vì một ngày là một xa, thì tôi xin Thầy nhớ đến tôi là tôi tá ở nhà các

²⁸¹ *đây tớ người* : đó là một người Trung Hoa đã theo sát Miguel Boym từ 7 năm. Khi Miguel Boym về Âu châu, người Trung Hoa này vẫn luôn luôn là bạn đồng hành với ông.

²⁸² Một người Việt mang tên thánh là Thanh Diêu (Thadeo).

²⁸³ *người ấy* : người Trung Hoa cùng đi với Boym.

²⁸⁴ *Papa* : tiếng Bồ Đào Nha. Ngày nay tiếng Việt quen gọi là Giáo hoàng. Vào đầu thế kỷ này, người ta cũng còn gọi là *Đức thánh Phapha*. Ngài là đại diện Chúa Ky Tô ở trần thế, đứng đầu Giáo hội Công giáo.

Thầy ²⁸⁵. Tôi lại ao ước cho được ăn mày ²⁸⁶ nhà các Thầy cho đến chết. Tôi là kẻ mọn chẳng đáng đến Đức Thánh Papa, thì xin công Thầy sẽ làm phúc cho ăn mày công ấy. Tôi đội ơn Thầy lắm ²⁸⁷.

“Ví bằng Miguel ²⁸⁸ có thấy hầu Thầy, thì gởi lời thăm làm [lắm?], vì tôi đã ơn có thư gởi cho tôi, mà tôi cũng gởi hai thư cho, chẳng biết là có đến cùng chăng. Sau nữa, anh Miguel là Antonio Cẩm Đình thì vợ đã qua đời. Ông ấy bỏ việc làm quan cai quân mà vào ở nhà Thầy giảng được hai năm nay. Phải bảo cho Miguel biết mà mừng cho ông ấy.

Sau nữa, tôi chiêm Thầy có thấy Damaso Côi Trì ²⁸⁹ xưa kia ở cùng nhà Thầy, rày sang bên India, tôi gởi lời

²⁸⁵ *tôi tá ở nhà các Thầy* : tác giả tỏ lòng khiêm tốn, tự xưng mình là *tôi tá*. Thực ra, ông là *Thầy giảng*. Các Thầy giảng hay ở chung với các *Thầy cả* (Linh mục), nên gọi là *ở nhà các Thầy*, *ở nhà Thầy*. Danh từ *ở nhà Thầy*, *người nhà Thầy*, chỉ các Thầy giảng, Kẻ giảng, các Cậu ở trong nhà Đức Chúa Trời, vẫn còn được giới Công giáo dùng đến đầu thế kỷ này.

²⁸⁶ *ăn mày* : Tỏ lòng khiêm tốn, tự coi mình như người ăn mày ăn xin. Tác giả ước muốn được *tu trì* ở nhà các Thầy đến chết.

²⁸⁷ Tác giả chỉ biết là Marini về La Mã, nơi có *Đức Thánh Papa* ở, nhưng không nhắc đến sứ mệnh chính của Marini là tham dự đại hội công nghị thứ 11 của Dòng Tên. Thật ra, trong khi ở La Mã, Marini đã gặp Đức Giáo hoàng và nhiều Hồng y, trình bày hoàn cảnh Giáo hội Đàng Ngoài

²⁸⁸ Miguel là tên thánh một người Việt Nam. Có lẽ ông là một tu sĩ Dòng Tên theo Marini đi La Mã để học ở đó.

²⁸⁹ Tên thánh một người Việt Nam là Damaso sinh quán ở Côi Trì. Xưa kia, Damaso đã cùng sống với Marini, nhưng hiện lúc đó đang ở bên India (Ấn Độ) có lẽ là đi học ở Goa. Chúng tôi không rõ, Damaso đi học bên Goa với tư cách là Kẻ giảng hay lúc đó ông đã gia nhập

thăm ông ấy, mà lại có thư ông ấy nữa : chị ông ấy gửi cho, mà để nơi tôi đã lâu, chẳng biết có ai đến đây chăng mà gửi. Rày có thư này tôi gửi hầu Thầy thì gửi làm một, Thầy sẽ làm phúc trao cho ông ấy cho tôi cùng.

“Năm Thầy trở về Macao thì tôi có xuống xứ đông ²⁹⁰ cho đến Bất xã. Đến đâu thì tôi bảo bốn đạo cho được hay rằng, Thầy về phải khó nhọc lắm ²⁹¹, ngõ là lại sang đây, chẳng ngờ Thầy lại trở sang Roma đi Sứ Đức Thánh Papa là nước xa lắm ; mà Thầy có thư gửi cho bốn đạo cầu cho Thầy đi cho bằng an, anh em chẳng có mất công sự ấy đâu ; thì các bốn đạo đều khóc lóc hết mà xin cùng tôi rằng : bao giờ có làm thư gửi cho Thầy, thì các bốn đạo nhà thánh hết bên Đông ²⁹² gửi lời lạy ơn Thầy lắm, vì hay thương chúng tôi bởi đi làm phúc chẳng có khi dừng ²⁹³. Rày Cha ²⁹⁴ đã đi xa lắm, biết ngày nào cho các con lại gặp Cha cho kéo buồn. Song le bên ấy ²⁹⁵ rày hàng ra Kẻ Chợ xưng tội liên, kẻ mạnh thì đi được, kẻ yếu thì chẳng đi được, có kẻ chết, kẻ thì còn sống thì lơ lửng vậy.

Dòng Tên rồi và như vậy ông đi học với tư cách tu sĩ Dòng Tên. Thật ra, trong sổ bộ Dòng Tên lúc đó, chúng tôi không thấy tên Damaso.

²⁹⁰ *Xứ Đông* : miền Hải Dương

²⁹¹ Từ Đàng Ngoài về Áo Môn, tàu chở Marini bị bão.

²⁹² *bên Đông* : bên Hải Dương.

²⁹³ *đi làm phúc chẳng có khi dừng* : đi làm các bí tích như giải tội, dâng Thánh Lễ v.v và đi giảng nhiều nơi không ngừng.

²⁹⁴ *Cha* : Thời đó đôi khi các giáo hữu cũng gọi các Linh mục là Cha, nhưng vào năm 1659 chưa được phổ biến bằng danh từ *Thầy, Thầy cả*. Hiện nay, ở Việt Nam, người ta quen gọi các Linh mục là *Cha*, chứ không gọi là *Thầy* như xưa

²⁹⁵ *bên ấy* : bên xứ Đông, tức là Hải Dương

“Ôn Đức Chúa Trời trả công cho Thầy đời đời. Bấy nhiêu lời tôi chép thánng mười Igreja ²⁹⁶, mà thư này thì ngày lễ Bà thánh Daria cùng Ông thánh Chrisanto tử vì đạo. Tôi lạy ơn Thầy là Cha thì thương đến con cùng. Tôi xin Cha chớ quên làm chi.

“Từ Đức Chúa Jêsu ra đời ²⁹⁷ cho đến rày một nghìn sáu trăm năm mươi chín năm.

“Bento Thiện tôi tá nhà Thầy.

“Sau nữa, Manoel Văn Hán gười lời lạy ơn Thầy nghìn trùng, đã được đội ơn Thầy lắm, chẳng có quên nghĩa Thầy đâu, đã được ơn Thầy lắm cho sự nọ sự kia. Tôi cũng mong lại sang cùng Thầy cả Miguel ²⁹⁸, song le lại chẳng đi, còn ở Annam cùng Thầy cả Onofre” [Onuphre Borgès] ²⁹⁹.

TẬP “LỊCH SỬ NƯỚC ANNAM” VIẾT TAY NĂM 1659 CỦA BENTO THIỆN

Chúng ta biết, trong thư Bento Thiện gửi cho L.m. Marini ngày 25-10-1659, đã nhắc đến tập Lịch sử này. Thật ra, tác giả không cho nó một tên nào cả. “Lịch sử nước Annam” là tên mà chúng tôi tạm đặt cho tập tài liệu. Cũng theo thư của Thầy giảng Thiện, ông viết tập

²⁹⁶ *Igreja* : Danh từ Bồ Đào Nha. Ngày nay tiếng Việt gọi là *Hội thánh, Giáo hội*.

²⁹⁷ *Chúa Jêsu ra đời* : Chúa Jêsu sinh ra đời.

²⁹⁸ Miguel tức là Francisco Rangel.

²⁹⁹ Bento Thiện mong cùng đi Áo Môn với Rangel.

Lịch sử này *trước khi* viết bức thư năm 1659 cho Marini³⁰⁰. Như vậy, có thể hiểu là, ông soạn thảo đầu hoặc giữa năm 1659. Chắc ông không viết trong năm 1658, vì tháng 7-1658, Marini mới bỏ Đàng Ngoài về Áo Môn, rồi ông yêu cầu Bento Thiện viết tập Lịch sử nước Annam. Do đó chúng ta hiểu được rằng, tài liệu viết vào năm 1659.

Tập Lịch sử nước Annam gồm 6 tờ giấy, tức là 12 trang, viết chữ nhỏ, *phần nhiều* các trang viết trong khổ 20 x 29 cm. Tài liệu không ghi tên tác giả, nhưng nhờ chữ viết hoàn toàn giống nét chữ Bento Thiện, ngoài ra cũng chính Bento Thiện đã nhắc đến nó trong thư gửi cho Marini năm 1659, nên chúng tôi dám quả quyết do Bento Thiện soạn thảo. Tài liệu mà chúng tôi trình bày ở đây là tập I^a *via*, có nghĩa là được gửi cho Marini bằng chuyến tầu thứ nhất ; còn tập 2^a *via* cũng giống như tập nhất (I^a *via*), và cũng do Bento Thiện chép lại, chứ không nhờ người khác chép. Cả hai tập đều đã tới tay Marini, lúc đó ông đang ở La Mã. Hiện giờ cả hai tập tài liệu này được lưu trữ tại Văn khố Dòng Tên ở La Mã, và được sắp liền nhau trong cuốn *Jap. Sin. 81*³⁰¹. Tuy nhiên tập I^a *via* chưa bị mờ nhòe như tập 2^a *via*. Cuối tài liệu, tuy tác giả không ghi dấu hiệu gì tỏ là kết thúc, nhưng có lẽ tác giả chủ ý chấm dứt ở đây.

Tập Lịch sử Annam tuy vắn, nhưng vì tính cách quan trọng của nó, nên chúng tôi cho đăng lại *nguyên*

³⁰⁰ Dù tài liệu này được viết trước, nhưng vì dài, nên chúng tôi sắp sau bức thư ngày 25-10-1659 của Bento Thiện

³⁰¹ *ARSI, JS. 81, f. 248-259v.* Riêng tập Lịch sử chúng tôi trình bày ở đây, tuy là tập I^a *via*, nhưng lại sắp sau tập 2^a *via*, từ f. 254-259v.

văn, kể cả nguyên bản, hầu bạn đọc nghiên cứu dễ dàng hơn. Qua “Lịch sử nước Annam”, bạn đọc sẽ thấy tác giả là người hiểu biết khá nhiều về văn học, xã hội Việt Nam :

“Nước Ngô trước hết mới có vua trị là Phục Hi. Vua thứ hai là Thần Nông. Con cháu vua Thần Nông sang trị nước Annam, liền sinh ra vua Kinh Dương Vương. Trước hết lấy vợ là nàng Thần Long, liền sinh ra vua Lạc Long Quân. Lạc Long Quân trị vì, lấy vợ tên là Âu Cơ, có thai đẻ ra một bao có một trăm trứng, nở ra được một trăm con trai. Mà vua Long Quân là Thủy Tinh ở dưới biển, liền chia con ra : năm mươi con về cha ở dưới biển, mà năm mươi con thì về mẹ ở trên núi ; đều (?) thì làm Chúa trị mọi nơi.

“Lại truyền đời đến đời vua Hùng Vương, trị nước Annam được mười tám đời, cũng là một tên là Hùng Vương. Sau hết sinh ra được một con gái, tên là Mị Chu. Một nhà Sơn Tinh, một nhà Thủy Tinh, hai nhà đến hỏi lấy làm vợ, thì vua cha là Hùng Vương nói rằng : ai có của đến đây trước thì ta gả con cho. Nhà Sơn Tinh là vua Ba Vì đem của đến trước, thì vua Hùng Vương liền gả cho. Bấy giờ liền đem về núi Ba Vì khỏi. Đến sáng ngày nhà Thủy Tinh mới đến, thấy chẳng còn liền giận lắm; hễ là mọi năm thì làm lụt, gọi là dưng nước đánh mà đánh nhau.

“Ngày sau có giặc nhà Ân là người Ngô sang đánh vua Hùng Vương. Vua liền cho Sứ gia đi rao thiên hạ, ai có tài mệnh thì đi đánh giặc cho Vua. Sứ liền đi rao, đến huyện Vũ Đinh, làng Phù Đổng, thì có một con trai nên ba tuổi, còn nằm trong trứng, chẳng hay đi cũng chẳng hay nói, mà

nghe tiếng Sứ rao qua, liền hay gọi mẹ mà hỏi rằng, hỏi rằng ³⁰² : ấy khách nào, đi gì đấy ? Mẹ rằng : Khách nhà Vua đi rao ai mệnh thì đi đánh giặc cho Vua, mà sao con chẳng dậy mà đi đánh giặc cho Vua, cho mẹ ăn mày bồng lộc. Thằng bé ấy bảo mẹ rằng : mẹ hãy gọi quan khách ấy vào đây. Mẹ liền đi gọi quan ấy vào, mới chiềng quan rằng: con tôi nên ba tuổi, chẳng hay nói cũng chẳng hay đi, tôi mới thấy sự lạ, mà khiến tôi ra gọi ông vào. Quan ấy liền hỏi rằng hỏi rằng: thằng bé kia, mầy muốn đánh giặc cho Vua chẳng mà mầy gọi tao vào? Bấy giờ thằng bé ấy nói rằng : mầy có muốn cho tao đánh giặc cho Vua, thì về bảo Vua đánh một con ngựa sắt, lại đánh một cái thiết vọt sắt đem đến đây, cùng thối một trăm nong cơm, cùng một trăm cong rượu cho tao ăn uống. Quan ấy liền về tâu Vua thì Vua mừng, liền làm như vậy. Quân quốc Vua liền đem đến cơm cùng rượu, thằng bé dậy ngồi, liền ăn hết một trăm nong cơm, một trăm lục sĩ dọn chẳng kịp, rượu thì cọt cả và cong mà uống. Đoạn liền lên cỡi ngựa sắt ấy, liền hay chạy cùng kêu cả tiếng, ngựa liền đi trước, quân Vua thì theo sau, đi đánh giặc nhà Ngô, giặc liền chết hết, lại giật lấy bụi gai là ngựa mà kéo lên mình quân giặc, nát thịt cùng gãy hết chân tay ra. Đánh giặc đoạn liền lên trên núi Sóc mà bay lên trời và người và ngựa. Nước Annam còn thờ đến nay, gọi là Đổng Thiên Vương, nói nôm gọi là đời Vương Đổng ³⁰³.

³⁰² *nên ba tuổi* : lên ba tuổi. *Trong trông* : trong công. *Hỏi rằng* : tác giả viết hai lần *hỏi rằng*.

³⁰³ *đời Vương Đổng* : có lẽ Bento Thiện muốn nói là *đời Vương Đổng* tức là đời Đổng Thiên Vương.

“ Ngày sau hết đời Vua Hùng Vương liền có Vua Thục Đế là Vua Kinh Dương Vương, mà Vua ấy xây thành ở huyện Đông Ngàn mà dựng một rùa vàng. Vua liền lấy vuốt nó mà làm lẫy nỏ mà bắn ra đâu thì giặc liền sợ đấy.

“ Thuở ấy có một Vua là Triệu Vũ Hoàng sang đánh Vua An Dương Vương. An Dương Vương lấy nỏ mà bắn thì giặc liền chết. Mà Vua An Dương Vương sinh ra được một con gái tên là Mị Chu. Vua Triệu Vũ Hoàng thì có con trai tên là Trọng Thủy. Mà Triệu Vũ giả nghĩa làm hòa thuận, mà hai bên gả con cho nhau. Vua An Dương Vương liền gả con cho con Vua Vũ Hoàng. Đến khi đã lấy được, ở làm nhà cha vợ ; thấy cha vợ đi vắng mặt, thì hỏi vợ rằng : Nào cái nỏ cha để đâu, lấy cho anh xem ? Vợ ngờ là thật dạ thì lấy nỏ ra cho xem. Chẳng ngờ có ý ăn trộm lấy lẫy nỏ, mà làm lẫy nỏ khác tra vào cho, kéo còn thiêng đánh được cha mình. Đoạn bảo vợ rằng : anh về nước nhà cùng Vua cha, hoặc là ngày sau hai nước chẳng yêu nhau, thì anh để cho em một áo lông ngan ³⁰⁴ ; ví bằng có đánh [nhau] em [phải] theo Vua cha, thì lấy lông này làm dấu cho anh biết đảng mà đi cùng. Nói đoạn về nước nhà lấy quân đánh cha vợ, mà cha vợ ngờ nỏ còn thiêng thì bắn, chẳng ngờ đã mất phép ; mà giặc đánh đến thì chạy, mà con cũng cỡi ngựa theo cha ; mà giữ lời chồng bảo, liền lấy lông ngan bỏ dấu cho chồng theo. Vua chạy đến gần sông thì lại gặp cái rùa ngày trước cho vuốt ấy. [Rùa] liền bảo rằng : con Vua, ấy là giặc, xin Vua giết. Vua liền giết con mới khỏi

³⁰⁴ Tác giả viết là *ngăn*, nhưng chắc là *ngan*, tức là áo bằng lông con *ngan*.

giặc. Nàng ấy kêu khóc rằng : tôi lòng đại, nghe người vì chồng ; cho đạo cha muôn phần, tôi xin chết, máu này biến ra hột trai ở ngoài biển Đông. Nàng ấy liền chết, thì chồng theo chẳng kịp. Thấy vợ đã chết, thì đến đấy thấy có một giếng sâu, thì lòng thương vợ, liền gieo mình xuống mà chết nữa. Đến ngày [sau], có ai được hột trai Kinh xấu, thì lấy nước giếng ấy mà rửa, thì lại trong tốt. Ấy là duyên vợ chồng người ấy thì còn truyền đến nay.

“Ngày sau Tô Định sang làm loạn phạt nước Annam. Khi ấy còn hai con gái là cháu Vua Hùng Vương tên là Trương Trắc, Trương Nhị, là hai đền Bà ³⁰⁵ đi đánh Tô Định. Ngô liền thua, mới lập nên đồng trụ trên Quảng Tây.

“Đến đời sau, Vua Hán Quang nhà Ngô lại sai Tướng Mã Viện cùng Lí Nam Đế cùng Trần Bá Tiên, Triệu Việt Vương cùng sang nước Annam mà ở một người một xứ. Đến ngày sau, Vua Đàng Vương lại sai Cao Chính Bằng³⁰⁶, lại có Cao Biền học phép thiên văn địa lí mà lập làm thành Đại La Kẻ Chợ.

“Đến ngày sau lại dấy loạn, đặt làm 12 nhà Chúa, ở một người là một xứ, đánh lộn nhau : một là Công Hãn ở Bạch Hạc, hai là Nguyễn Khoan, ba là Ngô Vương, bốn là Nhật Khánh, năm là Cảnh Thạc, sáu là Xương Chức, bảy là Nguyễn Quê, tám là Nguyễn Thủ, chín là Nguyễn Siêu Lụy, mười là Ngô Quảng, mười

³⁰⁵ đền Bà : đàn bà.

³⁰⁶ Vua Đàng Vương, Cao Chính Bằng : Vua Đường Vương, Cao Chính Bình

một là Kiều Quận công, mười hai là Bạch Hồ³⁰⁷, đều thì xưng làm mười hai đế vương, mà xưng làm Vua. Mọi ngày đánh nhau, thiên hạ ăn màm³⁰⁸ chẳng được, lo buồn đói khát, những đi đánh nhau liên chẳng có khi dừng.

“Ngày sau có một người ở phủ Tràng An, huyện Gia Viễn, con nhà kẻ khó quê mùa, tên họ là Đinh, mồ côi cha còn trẻ, mà mẹ khiến đi chăn trâu, mà các trẻ đặt mình lên làm Tướng mà đánh nhau cùng trẻ làng khác, thì lấy bông lau làm cờ, mình thì xưng làm Vua. Liền về nhà bắt lợn mẹ giết cho trẻ ăn thịt, gọi là khao quân. Mà chú thấy sự lạ làm vậy, thì dái³⁰⁹ phải vạ chẳng, cầm gươm mà đuổi cháu. Cháu liền chạy đến ngã ba Đò Diêm³¹⁰ từ nhiên³¹¹ liền thấy một con rồng vàng, nằm ngang sông, cháu liền đi qua khỏi như đi trên cầu. Chú thấy vậy liền lay cháu mà trở về. Chú sang bên ấy, thiên hạ đến dẫu³¹². Làm đền đài lâu các, đến dẫu đánh thì được dẫu, lại đánh được mười hai Sứ quân là mười hai

³⁰⁷ So sánh với tên 12 Sứ quân trong sách của Ngô Sĩ Liên và Trần Trọng Kim (NGÔ SĨ LIÊN, *Đại Việt Sử ký toàn thư, Tập 1*, Hà Nội, 1967, tr. 151-152.- TRẦN TRỌNG KIM, *Việt nam Sử-lược*, Saigon, 1951, tr. 86-87) ta thấy chỉ có 7 tên giống nhau, còn 5 tên kia hoặc giống đôi chút, hoặc khác hoàn toàn. Bảy tên giống nhau : Công Hân, Nguyễn Khoan, Ngô Vương, Nhật Khánh, Cảnh Thạc, Nguyễn Thủ, Bạch Hồ.

³⁰⁸ ăn màm : ăn làm.

³⁰⁹ thì dái phải vạ chẳng : thì sợ phải vạ chẳng.

³¹⁰ Đò Diêm : Nay là làng Diêm Xá, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình.

³¹¹ từ nhiên : tự nhiên.

³¹² Câu đó có lẽ hiểu thế này : chú của đứa trẻ về sau cũng theo cháu, ngoài ra nhiều địch quân cũng đến dẫu hàng

Vua trước. Đoàn trị nước Annam gọi là Vua Đinh Tiên Hoàng. Nước Annam mới có Vua riêng từ ấy. Thiên hạ được mùa giầu có phú quý, mà chẳng có ai dám làm loạn nữa. Trị vì được mười hai năm, thì trong nhà có kẻ làm tội chẳng ngay, tên là Đỗ Thích. Vua tin nó cho ở chân tay gần mình. Ban đêm Vua nằm ngủ thì nó vào giết Vua ấy. Quan đại thần tên là Nguyễn Thục³¹³ thấy làm vậy, thì bắt mà làm tội nó. Người ta ăn thịt một người một miếng³¹⁴. Vua sinh mới có một con trai, mẹ ấm lên ngôi ngai mà trị. Khi ấy có giặc nhà Tống, ở Thanh Hóa, Nghệ An thì vợ Vua³¹⁵ lo lắng thì rao rằng : có ai đánh được giặc ấy thì Bà lấy làm chồng, thì có một quan cả cũng ở làng ấy, có tài mệnh và khôn ngoan, liền đánh được giặc về, Bà ấy lấy làm chồng. Mà con bà ấy nên sáu tuổi qua đời³¹⁶, thì mình mới lên trị tên là Vua Lê Hoàn, trị được mười hai năm nên tạt mà chết. Con cả liền lên trị, tên là Trung Tông, được

³¹³ Nguyễn Thục : Người giết Đỗ Thích tên là Nguyễn Bạc lúc đó làm Định Quốc công. Bento Thiện ghi lầm Nguyễn Bạc ra Nguyễn Thục.

³¹⁴ Nguyễn Bạc sai người bắt được Đỗ Thích đang trốn ở trên máng nước trong cung, liền ra lệnh đập nát xương và băm thịt ra từng mảnh, chia cho nhiều người ăn ; người ta tranh nhau mà ăn.

³¹⁵ vợ Vua : bà Dương Thái hậu.

³¹⁶ Người con tên là Đinh Tuệ, húy là Toàn. Theo NGÔ SĨ LIÊN, Đại Việt Sử ký toàn thư, Tập 1, Hà Nội, 1967, tr. 159, thì ông là con thứ của Đinh Tiên Hoàng, ở ngôi được 8 tháng. Lê Hoàn cướp ngôi, giáng phong làm Vệ Vương, thọ 18 tuổi.

có ba ngày. Em quỉ quái liền giết anh, cướp vì mà lên trị, tên là Lê Ngọa triều, tham trai gái chơi bời, bắt người ta làm sự quái gỡ dữ tợn, lên trị được ba năm mà chết. Vậy thì nhà Lê ba đời, được mười lăm năm mà thôi.

“Ngày sau nhà Lí lên trị, cũng là người quan cả ở nhà Lê xưa. Thiên hạ thấy người ngay thảo, thì đặt lên làm Vua. Thiên hạ thái bình được mùa no đủ, làm thành ở Kê Chợ. Chiêm Thành sang tấn công. Vua nhà Tống được Ngô phong cho Giao Chỉ Quận Vương, chẳng có giặc giã, và được mùa. Vua sinh những con trai. Họ ấy trị vì được hai trăm năm. Vua ấy sống bảy mươi tuổi liền đi tu hành, liền truyền cho con là Thái Tông thứ hai, trị được hai mươi bốn năm, lại trị³¹⁷ cho Thánh Tông là thứ ba. Thiên hạ được bằng an; trị được mười chín năm, lại truyền cho Nhân Tông là thứ bốn lên trị, thiên hạ giàu có. Mà Vua chẳng có trai, thì nuôi thì một con, để ngày sau lên trị, tên là Nhân Tông; trị được sáu mươi năm mới truyền cho Thần Tông là thứ năm. Thần Tông phải tật biến ra thân hùm, kêu thâu đêm tối ngày; có thầy Khổng lồ chữa mới đã. Trị được mười một năm, lại truyền cho Anh Tông là thứ sáu. Chẳng có loạn lạc. Trị được ba mươi chín năm, lại truyền cho Cao Tông là con thứ bảy khôn ngoan sáng láng, dựng làm lễ luật, có phép tắc. Song le theo ý mình chẳng nghe lời hiền can gián. Thiên hạ mất mùa, người ta cùng trâu bò gà lợn chết hết, vì Vua ở lỗi đạo Trời và mất lòng dân. Trị được ba mươi sáu

³¹⁷ lại trị : lại truyền

năm, lại truyền Hiến Tông ³¹⁸ là con thứ tám, hiền lành. Dân sự giàu có. Vua sinh chẳng có con trai, được một con gái, liền để cho con lên trị, cha đi tu hành ở chùa An Tử; mà con là Chiêu Hoàng còn trẻ chưa có lấy chồng. Vậy thì nhà Lí đã mặt đời, trị hơn hai trăm năm mới hết đời.

“Ngày sau nhà Trần là người ở làng Ưc Hắc Hương phủ Thiên Trảng huyện Chân Định, có chú làm quan đại thần nhà Lí, liền đem cháu đến châu Vua Chiêu Hoàng là đền Bà ³¹⁹. Mà Vua ấy thấy người trai tốt lành làm vậy thì phải lòng. Bà ấy liền lấy làm chồng mà ra lệnh cho thiên hạ biết, mà để vì cho nhà trị. Năm năm mất mùa, mà trên trời thì làm tai gỡ lạ khốn nạn. Lại ra lệnh đi đánh Chiêm Thành, bắt Chúa nó đem về. Thiên hạ lại được mùa. Thái bồng ³²⁰ mới đặt tên Vua ấy là Nhân Tông. Trị được ba mươi chín năm.

“Lại truyền cho con là Thánh Tông là thứ hai. Trước khi được mùa sau thì dài hạn ³²¹, có lửa cháy bay đến trời, cháy núi non. Tháng bảy thì lụt vào đền hai lần, người ta thì ở những trên thuyền cùng bè. Lại thấy hai mặt trời. Mà trị được mười một năm, lại truyền cho Nhân Tông là thứ ba lên trị, đặt có lễ luật phép tất ³²². Thiên hạ phú quý. Lại làm chùa thờ

³¹⁸ Hiến Tông : Phải viết Huệ Tông mới đúng.

³¹⁹ Đền Bà : đàn bà.

³²⁰ Thái bồng : Thái bình.

³²¹ dài hạn : đại hạn.

³²² Phép tất : Phép tắc.

bụt mà ở chùa. Thiên hạ chê cười rằng, dám Đạo Thích Ca ³²³, mà bỏ đạo chính. Trị được mười bốn năm.

“Lại truyền cho Anh Tông là thứ bốn thông minh sáng láng. Dân thì phú quý. Trị được mười hai năm, lại truyền cho Minh Tông là thứ năm, mà chuộng dùng đạo bụt, yêu Sãi Vãi. Trị được tám năm, lại truyền vì cho Hiến Tông là thứ sáu, ở công bằng chính trực, thờ tổ tiên. Lại truyền vì cho Túc Tông là thứ bảy. Thiên hạ thái bình. Tháng bảy phải lụt cả ³²⁴ và có nhật thực, trước mặt trời tối như đêm. Trị mười hai năm, liền có Giản Tu Công ăn cướp vì Vua mà lên, thì mất lòng thiên hạ vì chè rượu trai gái liên. Lên trị được mười chín ngày liền chết, mới có Vua trong Nghệ An. Chiêm Thành làm loạn. Trị vì được ba năm, liền để em là Duệ Tông. Chiêm Thành lại đánh trả. Mà trị được năm năm. Giản Định Hoàng lên Vua, giặc đuổi đến Kẻ Chợ, đốt hết đền đài. Vua chết mới đặt tên Thuận Tông. Thiên hạ cũng khốn nạn. Trị được mười năm liền đi tu hành, lại có Lí Li ³²⁵ là con gian giết Vua mà lên. Triều đình chẳng nghe, lại đặt con Vua lên trị. Vậy thì nhà Trần truyền đời được hai mươi đời, một trăm bảy mươi năm.

“Họ Hồ là kẻ nghịch lên làm vua ở Diễn Chu phủ là Nghệ An, dòng dõi là Hồ Tôn Tinh, phải Thủy Tinh bắt nó, nó liền trốn đến đất Thanh Hóa. Song le vốn là con cái cáo, nhà quê ở chợ Đài Lèn, đời ấy đời truyền

³²³ *dám đạo Thích Ca* : dám theo đạo Thích Ca.

³²⁴ *lụt cả* : lụt lớn.

³²⁵ *Lí Li* : Lê Quý Ly.

được chín con trai. Hồ Vương hay chữ nghĩa, Vua Trần liền gả con cho là Công chúa Đức Dong. Vua phủ ³²⁶ cho Hồ Vương làm quan lớn. Ngày sau thấy Vua già, còn thì còn trẻ ³²⁷, thì Hồ Vương liền ăn cướp lấy nước, xưng mình là vua, làm đền ở đất Kim Bâu. Con Vua Trần là Thiên Khánh, cháu Vua Trần sợ liền trốn đi. Vua Hồ thấy vậy thì mừng lắm, liền lên làm Vua, mà đức tiên chẳng nên thì khiến thiên hạ mua bán ăn tiền giấy ; lại lập làm thành Tây đô, thiên hạ khó nhọc lắm ; làm ba năm ở ba tháng mà thôi. Lại truyền cho Hán Thương là con, rằng cháu họ Trần. Hai cha con Vua Hồ gian tà, làm cho mất lòng thiên hạ lắm, trị được có tám năm mà thôi.

“Thuở ấy Vua Vinh Lạc nhà Ngô sai quân sang phạt Vua Hồ. Vua Hồ đánh trả chẳng được, thì vào ẩn Nghệ An trên núi. Chẳng ngờ có một đứa phải vạ xưa mà Vua Hồ cầm tù nó, mà trốn khỏi. Nó nghe rằng, vua Ngô rao rằng : ai bắt được Hồ Vương thì cho làm quan cai nước Annam. Nó liền tham sự ấy mà đi ở cùng Vua Hồ, thì Vua ngờ là nó thật thà. Chẳng hay nó bắt lấy Vua Hồ đem đi nộp cho Vua Ngô. Ngày sau đem về Bắc Kinh ³²⁸. Thành ấy thì Ngô lại giết nó vì nó chẳng có nghĩa cùng Thầy nó. Nhà Ngô lại tìm bao nhiêu học trò hay chữ nghĩa mà bắt về Bắc Kinh cho hết, kéo ngày sau bày đặt lên làm Vua chẳng.

³²⁶ Vua phủ : có lẽ phải hiểu là Vua phong.

³²⁷ còn thì còn trẻ : con thì còn trẻ.

³²⁸ Câu văn tối nghĩa. Có lẽ tác giả muốn nói là, Hồ Vương bị đem về Bắc Kinh.

“Ngày sau có Đặng Dong³²⁹, Cảnh Dị lo toan làm quân³³⁰ Nghệ An, Thanh Hóa, Quảng Nam, Thuận Hóa, thì lấy rước Vua Trưng Quang ra mà đánh Ngô, ma Ngô lại bắt được đem về Bắc Kinh liền chết giữa đường. Ngô liền cướp lấy nước Annam, ở được mười hai năm, làm thành lũy mọi nơi, ở Xứ nào thì làm thành Xứ ấy, mà bắt người Annam để tóc dài theo thói Ngô cho đến nay ; xưa thì nước Annam cắt tóc.

“Đến ngày sau Vua Lê Thái Tổ là người đất Thanh Hóa, quê ở Lam Sơn, làm quan Phụ đạo, nuôi được bốn nghìn quân, cớm chín (?), ai có tài khôn ngoan thì nuôi. Trời lại cho gươm gọi là Thần kiếm. Đêm ngày lo toan chước, sắm sửa đánh trả Ngô, thì rao hết Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Nam, Thuận Hóa, làm quân mà sắm sửa đánh trả Ngô ; thì Ngô thấy vậy thì sai quân đánh Vua Lê Thái Tổ. Vua Lê liền chạy lên đường đòi voi. Làng liền cho voi mệnh³³¹, mới mở xuống Quảng Nam, Nghệ An, mà đánh ra đến đâu thì quân Ngô chạy đấy, mà giết nhiều người lắm. Ngô lại sai Tướng Liễu Thăng cùng nhiều quân lắm. Người ta rằng, mài gươm mòn trái núi, ngựa thì uống cạn nước sông, đến đâu thì cây cối ăn đấy. Vua Lê Thái Tổ đuổi Ngô chạy, liền chém được Tướng Liễu Thăng, lại bắt được Hoàng Phúc, quân chết bỏ đầy đồng. Nhà Ngô liền thê, liền trở về, rằng, tự này về sau chẳng sang ở đến đây nữa. Vua Lê Thái Tổ dẹp đã an thiên hạ, mới đổi tên là Thuận Thiên, trị được ba năm lại đổi tên khác là Thái

³²⁹ *Đặng Dong* : Đặng Dung.

³³⁰ *làm quân* : có nghĩa là mộ quân.

³³¹ *voi mệnh* : voi mạnh. Ở trên có nhiều chỗ tác giả viết chữ mạnh là mệnh, ví dụ : tài mệnh : tài mạnh, nghĩa là tài giỏi mạnh khỏe.

Báu. Thiên hạ bằng an. Vua đã tám mươi tuổi già, liền để quyền cho Thái Tông, lên trị được mười năm, làm nên đền các. Bấy giờ nước Lào, nước Buồn³³² tấn công³³³ làm tội. Vua Thái Tổ trị được chín năm. Thiên hạ thái bình, dân phú quý. Chiêm Thành Trì Trì³³⁴ cũng đến làm tội. Vua đi đánh bắt được Chúa Lờ³³⁵, trai gái, đem về nước Annam cho ở trại làm ruộng cho Vua. Song le nó chẳng có ăn thịt, cho đến nay cháu con nó ăn thịt là họa. Vua mới đặt có bên Văn Vũ, Khoa Đài, Lục Bộ, Lục Khoa, Hàn Lâm Đông Các, Nội Đài, Ngoại Hiến, Phủ Huyện, Thừa Ti, đặt có Thập nhị Thừa Tuyên. Thiên hạ tối đâu thì năm đấy³³⁶, chẳng có ai dám ăn cướp trộm gì. Trị được ba mươi tám năm, liền để cho con là Hiến Tông trị được bảy năm, được mùa no đủ, thì Vua liền mất. Thiên hạ mới đặt con thứ ba lên làm Vua, tên là Thái Trinh. Trị được bảy tháng, chẳng có con, liền truyền cho Doan Khánh lên làm Vua, tham trai gái, chè rượu, mất lòng thiên hạ ; mới đặt Hồng Thuận lên làm Vua được bảy năm, có Trịnh Sản là Nguyễn Quốc công làm loạn³³⁷. Thiên hạ mới đặt Quang Thiệu lên làm Vua. Lại có Trần Cao làm loạn, Vua liền sang ở Bồ Đề. Thiên hạ mất mùa. Trị được năm năm liền ra ở San Lâm

³³² *nước Buồn* : nước Bồn Man cho người sang cống các thứ ngà voi, sừng tê, bạc, vải, Bồn Man sau này trở thành châu Qui Hợp tỉnh Hà Tĩnh.

³³³ *tấn công* : tiến công.

³³⁴ *Trì trì* : Tướng của Chiêm Thành là Bồ Trì Trì.

³³⁵ *Chúa Lờ* : tác giả viết là *Chúa mlờy*.

³³⁶ *Thiên hạ tối đâu thì năm đấy* : Thiên hạ tối đâu thì làm đấy

³³⁷ *Trịnh Sản là Nguyễn Quốc công* : Trịnh Duy Sản là Nguyên Quận công

bề ngoài. Thiên hạ liền lấy em thứ hai lên trị, tên là Cảnh Thống, trị được năm năm, nhà Lê hết.

“ Ngày sau mới có một ở Chè Giai, tên là Mạc Đăng Dong ³³⁸, ở làm lực sĩ nhà Vua Lê, tên quan là Đô Giai, có tài, khôn ngoan mạnh khỏe. Thấy nhà Lê đã yếu chẳng còn ai, liền về Xứ Đông làm quân, mà trẩy lên ăn cướp nước, mà đặt mình lên làm Vua, đặt tên là Minh Đức, đời Vua Đại Minh tên là Gia Tĩnh. Nhường vì cho con là Đại Chính. Thiên hạ có phép tắc mà được mùa no đủ. Chẳng có ai trộm cướp ai. Trị vì được mười một năm liền chết. Thiên hạ mới đặt con lên là Hiến Tông, lại đổi tên là Quảng Hòa. Trị được sáu năm liền chết, mới đặt con là Vĩnh Định còn trẻ ẵm lên ngôi ngai ; mà chú là Khiêm Vương mọi năm vào đánh Thanh Hóa, Nghệ An, thì thiên hạ được mùa phú quý, chẳng có trộm cướp, đêm nằm thì chẳng có nghe chó cắn, mới đổi tên là Cảnh Lịch, lại đổi tên khác là Quang Báo. Thiên hạ ăn uống chơi bời, chẳng có sự gì lo. Được năm năm lại đổi tên Hồng Ninh, thì thiên hạ cũng chơi bời ăn uống. Song le mê sự trai gái liền về đóng Xứ Đông, làm con nhà dòng dõi công thần, con Vua cháu chúa, thiên hạ châu chực, và được mùa liên. Thuở ấy nhà Lê đã hết, còn một ông Hương Quốc công là họ Nguyễn ra đầu làm tôi nhà Mạc. Đến nửa mùa liền trở về Thanh Hóa, làm được bốn trăm quân. Lại có chúa Minh Khang Thái Báo mô coi cha còn trẻ, ở cùng ông Hương Quốc công, có tài mạnh, ăn một bữa là là ³³⁹ một nồi bầy cơm, đi đánh đâu thì được đấy. Bấy giờ ông

³³⁸ *Mạc Đăng Dong* : Mạc Đăng Dung.

³³⁹ *là là* : Tác giả viết thừa một chữ là.

Hưng³⁴⁰ cho cai quân, mà lại gả con cho. Ngày sau ông Hưng³⁴¹ chết, thì ông chúa bấy giờ liền làm binh, lấy quân Thanh Hóa, Nghệ An, thì nhà Mạc lại vào đánh trăm trận trăm thua, thì chúa Minh Khang liền mở ra đóng xứ Bắc được ba năm, mà Vua nhà Mạc thì còn ở Kẻ Chợ, chẳng có ai đánh được ai. Chúa Minh Khang mới đặt Vua nhà Lê lên là họ còn trị bấy giờ. Tên vua ấy là Chính Trị. Ngày sau chúa Minh Khang già thì con cả người đem quân ra đầu nhà Mạc, con thứ hai còn mọn, thì đem được ba nghìn quân vào Lũy Ría cùng đem Vua Chính Trị vào, ở được mười ba năm, giặc thì ở ngoài chẳng vào được. Đức Chúa Tiên ra rước được con vào đặt lên làm Vua, tên là Ja Thái³⁴². Vua nhà Mạc ở Kẻ Chợ tên là Quang Bá, mới cải hiệu là Hồng Ninh, lại sai quân vào tháo nước cho mất lúa ba phủ Thanh Hóa bốn năm trận, có khi ở chín tháng mới về.

“Chúa Tiên ở trong Lũy Ría được ba năm, cũng có Văn Vũ, có tài trí cùng là lòng hay yêu thương người ta, cũng hay liệu chước, mà đánh đâu được đấy. Đức chúa phụ chính vào đánh Thanh Hóa tên là Vua Quang Hưng, mở ra đánh đâu được đấy ; vào đánh Thanh Hóa đến huyện Quảng Xương. Chúa Tiên đuổi bắt được hơn nghìn người đem về cho cơm áo lại tha về. Nhà Mạc từ ấy đến sau chẳng còn vào Thanh Hóa nữa.

³⁴⁰ Ở đây tác giả lại viết là *Hưng* thay vì *Hương*.

³⁴¹ Tác giả lại cũng viết là *Hưng*.

³⁴² *Ja Thái* : Gia Thái.

“Ngày sau đức chúa Tiên mở ra đánh Đàng Ngoài, thấy đến Vân Sàng lại gặp nhà Mạc vào đánh. Chúa Tiên liền rằng: ta trở về. Nhà Mạc liền theo, mà chúa Tiên liền đặt quân ngoài biển, trở lại chém chết bỏ xác đầy bãi cát, mới gọi là trận bãi trời, gần Kẻ Vó. Ngày sau chúa Tiên ra đánh Xứ Tây, cũng giết nhiều người, gọi là trận đồng bún. Quân Chúa Tiên thì chẳng đầy bốn muôn; quân nhà Mạc thì nhiều lắm, đóng đầy đồng, kể chẳng xiết. Chúa Tiên liền đuổi, Vua Hồng Ninh liền chạy mà quân chết đầy đồng. Ngày sau chúa Tiên ra phá Kẻ Chợ, bắt được một quan tướng tên là Thường Quốc công, chúa Tiên lại thấy về Thanh Hóa. Vua Hồng Ninh ³⁴³ lại sang đóng Kẻ Chợ. Ngày sau chúa Tiên ra Kẻ Chợ thì Vua Hồng Ninh liền chạy lên ở huyện Phượng Nhân mà xuôi về miền quê là Chè Giai. Chúa Tiên lại sai quân đi, liền bắt được đem lên Kẻ Chợ. Thiên hạ liền an, mới lại về Thanh Hóa mà rước Vua Quang Hưng ra trị Kẻ Chợ.

“Họ nhà Mạc thì trốn lên Cao Bằng hết, còn có ai ở đâu thì Đức Chúa lại bắt. Nước Annam đã an hết về làm một nhà Lê mà thôi. Còn ông Đoan là cha ông Thụy ở trong Hóa xưa, thì chúa Tiên đòi ra ở làm tôi, mà ông ấy thấy chúa chẳng yêu đãi cho đủ bao nhiêu, thì ông ấy lại trốn vào ở Quảng, thì đức chúa ngờ là về Thanh Hóa ; chẳng ngờ ông ấy đã vào Hóa, thì đức chúa theo. Song le chẳng theo kịp, thì lại trở ra Kẻ Chợ mà trị cho đến con cháu bây giờ. Rày lại đánh nhau cùng

³⁴³ Hồng Ninh : Hồng Ninh.

Kẻ Quảng. Song le chưa biết đời trị loạn ³⁴⁴, thì chưa có tra vào sách ³⁴⁵.

“Thói nước Annam, đầu năm mừng một tháng giêng, gọi là ngày Tết. Thiên hạ đi lạy Vua, đoạn lạy Chúa, mới lạy ông bà ông vải, cha mẹ cùng kẻ cả bề trên. Quan quyền thì lạy Vua chúa, thứ dân thì lạy Bụt trước. An tết ba ngày, mà một ngày trước mà xem ngày mừng hai, mừng ba, ngày nào tốt, thì Vua chúa đi đền giao, gọi là nhà thờ Trời, hiệu Thiên Thượng Đế Hoàng Địa Kì. Vua chúa đi lạy mà xin cho thiên hạ được mùa cùng dân an. Đến mừng bảy mừng tám mới hết, cùng làm cỗ cho thiên hạ ăn mười ngày. Lại xem ngày nào tốt mới mở ấn ra cho cho ³⁴⁶ thiên hạ đi châu cùng làm việc quan, cùng hỏi kiện mọi việc ; lại làm như trước mới khai quốc, thiên hạ vào châu Vua. Từ ấy mới có phiên đi châu. Nội Đài, Ngoại Hiến, Phủ Huyện, quan đảng ³⁴⁷ nha môn, mới có kiện cáo. Đến trung tuần mới có Khánh thọ bảo thần cho thiên hạ mừng tuổi Vua. Ai có nghề nghiệp gì thì làm cho Vua xem. Đến hạ tuần tháng giêng, Đức Chúa lại Tế Kỳ Đạo dưới bãi cát, làm đàn thờ. Trước thì thờ Thiên Chúa Thượng Đế một đàn, là một đàn từ Vua Lê Thái Tổ cho đến nay, một đàn thì thờ Thần Kì Đạo. Đức Chúa lạy ba đàn này. Đoạn đến đàn Thần Kì Đạo, Đức

³⁴⁴ Câu này tối nghĩa.

³⁴⁵ *tra vào sách* : ghi vào sách.

³⁴⁶ Tác giả viết thừa một chữ *cho*

³⁴⁷ *quan đảng* : có lẽ Bento Thiện muốn nói là *quan đảng*.

Chúa lay đoạn, liền chỉ gươm cùng chém, lại bắn cung. Đoạn lại đánh trống mà chỉ gươm cho thiên hạ bắn súng mới đuổi đi, thì gọi là khao quân. Đoạn liền về tập voi tập ngựa, gọi rằng đã hết năm mới. Đến mừng hai tháng hai, lại ăn Tết ngày ấy. Song le, mặc có nơi ăn nơi chẳng. Đến mừng ba tháng ba lại ăn Tết gọi là ăn ười. Xưa rằng, có Người giải tử (?) sui người ấy gián³⁴⁸ Vua một hai sự ; Vua chẳng nghe, thì người ấy trốn lên ở rừng. Vua đòi chẳng về thì Vua đốt rừng cho về ; người ấy chẳng ra, còn ở, thì lửa cháy đến liền chết. Thiên hạ thương người ấy thì làm giỗ ngày ấy, gọi là Tết tháng ba, liền bánh trôi nước mà ăn cho mát. Đến mừng năm tháng năm, lại có Tết gọi là Tết Đoan ngũ, thì có nhiều ý : một là thiên hạ đi lay Vua Chúa cùng lay tổ tông nhà, Vua Chúa ngày ấy ban quạt cho thiên hạ, quạt trắng có chữ ; hai là đời xưa có một người ở cùng Vua cũng gián³⁴⁹ chẳng được việc nước, thì xuống biển mà chết, tên người ấy là Quát Nguyên, thì thiên hạ ăn Tết ngày ấy cùng đi bơi thuyền, gọi là đi tìm người ấy dưới biển, đến bãi hát bội cũng vậy ; ba là kẻ làm đồng cốt, thấy bói cùng các thầy có dạy ai sự gì thì cũng đi Tết³⁵⁰ mà đơm tiên sư ngày ấy. Đến tháng sáu thì thiên hạ những thứ dân làm ruộng làm cỏ mà giỗ vua Thần Nông là kẻ dựng ra cho thiên hạ các giống lúa. Đến ngày nào cả nước³⁵¹, thì Đức Chúa chèo thuyền cùng bắn súng lớn cho quen, gọi là đua

³⁴⁸ *gián* : can gián.

³⁴⁹ *cũng gián* : cũng can gián.

³⁵⁰ *thì cũng đi Tết* : thì người ta cũng đi Tết.

³⁵¹ *cả nước* : lớn nước, nước lớn.

thủy. Đến tháng bảy là Tết mùa Thu, ai có cha mẹ, anh em, vợ con mới chết, thì đến tháng bảy phải làm cỗ cho làng ăn ; nhà giầu thì làm chay đọc kinh ³⁵² mấy ngày thì mặc lòng, mà xin cùng Bụt địa tạng Mục Liên cho linh hồn được siêu sinh Phật quốc lên thiên đàng, cùng đốt áo mao cùng các vật cho cha mẹ. Đến ngày rằm tháng bảy mới đốt ma cho ông bà ông ông ³⁵³ vãi. Đức Chúa lại ban tiền cho con cháu những kẻ có công cùng Vua Chúa mà chết ; thì hễ là mọi năm đến ngày ấy, thì cho tiền đốt mã. Ngày ấy gọi là Trung nguyên tha tội, cũng chẳng có đi chợ ngày ấy, rằng, để cho ma quỷ họp ngày ấy ³⁵⁴. Ngày ấy ai có tội gì hèn ³⁵⁵ cầm trong tù, thì cũng tha nó cho về nhà. Đến tháng tám lại có Tết Trung thu, thì thiên hạ cùng ăn cùng hát chơi vậy. Đến mừng mười tháng mười, thiên hạ chẳng có ăn Tết. Ngày ấy có một Thầy Phù thủy cùng Bà Cốt ăn Tết ấy. Đến tháng chạp, ai có mồ mả cha mẹ, anh em, vợ chồng, thì làm cỗ cùng đắp lại cho tốt cùng sạch sẽ ; cũng có làm cỗ mà đơn. Đến gần ngày Tết, Vua Chúa ban lịch cho thiên hạ xem ngày. Đến ngày ba mươi thì Đức Chúa đi giội ³⁵⁶, gọi là bỏ mọi sự cũ đi mà chịu mọi sự mới. Đến mừng một, liền lên nêu mọi nhà cho kéo quỉ cốt lầy. Rằng, nhà ai có nêu là đất Bụt, nhà nào chẳng có nêu, ấy là đất quỉ. Xưa người ta nói truyền rằng, một Bụt một quỉ thì

³⁵² *đọc kinh* : đọc kinh.

³⁵³ Bento Thiện viết dư một chữ *ông*

³⁵⁴ *Ma quỷ họp ngày ấy* : ma quỷ họp chợ ngày ấy.

³⁵⁵ *hèn* : mọn, nhỏ.

³⁵⁶ *đi giội* : đi giội nước.

giành đất nhau. Bụt rằng : tao có một áo Casa này, tao trải đến đây ³⁵⁷ thì đất tao đến đấy. Bấy giờ Bụt lấy áo mà trải ra liền hết đất, thì quỷ phải ra ở biển. Hễ là đến ngày hết năm, thì quỷ lại ăn cướp đất nhau. Ai chẳng có nêu, nhà hay là đất thì về quỷ ; cho nên thiên hạ phải nêu. Các sự thay thay.

“Bằng sự cái phép tế các nơi, đầu năm là tế Thượng Đế nghĩa là Thiên Chúa, tế Xá Tắc nghĩa là tế Thiên Thần, tế Khổng Vân là tế kẻ làm mưa gió, tế thánh là tế Ông Khổng, thì Phủ Huyện quan tế các Thần mọi nơi thiên hạ.

“Bằng phép để tang cho cha mẹ đã chết, anh em, chú bác, cô, cậu, dì ³⁵⁸ mợ, thì đã có thứ ³⁵⁹. Con để cho cha mẹ 3 năm ; vì mẹ còn ở cùng cha cho đến già, thì để tang ba năm. Cha chết trước, hay là cha để mẹ, mà mẹ lấy chồng khác, thì con để tang cho một năm. Vợ phải để cho chồng cũng ba năm, mà chồng để cho vợ một năm. Song le mặc ý ai, sự ấy quan chẳng có bắt. Song le sự sau này, ai chẳng có giữ cho nên thì có vạ : cháu trai chẳng còn cha, để cho ông ba năm, còn cha để ³⁶⁰ thì để một năm, cháu gái để năm tháng. Anh để cho em một năm, em để cho anh cũng vậy. Em cha hay là chị cha, con gọi là bác cùng chú hay là cô, cũng để một năm. Vì bằng cô đã có chồng, thì cháu để cho chín tháng. Anh

³⁵⁷ *đến đây* : đến đâu.

³⁵⁸ *dì mợ* : dì mợ.

³⁵⁹ *thì đã có thứ* : thì đã có thứ bậc.

³⁶⁰ *còn cha để* : chữ để ở đây dư thừa

mẹ hay là em mẹ, gọi là cậu dì ³⁶¹, thì cháu để cho ba tháng ; vú cho nuôi cho bú cũng ba tháng. Có ở cùng cha gẻ ³⁶², thì để một năm, chẳng có thì ba tháng ³⁶³.

“Bằng phép lấy vợ, trước thì xem hai bên có đẹp lòng chẳng, thì nhà trai đi hỏi, lấy trâu cau đến mà nói cùng nhau. Nhà gái có gả, thì nhà trai liền xem tuổi cùng xem số có tốt chẳng, mới đi hỏi lại. Nhà giàu thì con lợn hay là bò như của làm tin cậy ; nhà khó thì cá hay là gà. Trai thì đi làm rể ở nhà cha vợ ba năm, mà hai bên xem ý nhau, có đẹp lòng cùng hiền lành thì mới lấy. Liền đi chịu lời là hẹn ngày, hoặc là bò lợn cho họ ăn, đoạn mới cưới, hoặc là trọng hèn, thì cho nhà trai ăn ngày trước, đoạn liền để một bàn độc giữa nhà ; có ai đi ăn cưới, cậu, cô, chú, bác, anh em, có ai cho của gì, vàng bạc, lụa, tiền, vải vóc, các sự, thì để trên bàn độc ấy cho. Đoạn hai vợ chồng ra lạy họ hàng. Đến ngày sau nhà gái mới lại ăn cưới, có con hát hát mừng. Đoạn xem ngày nào tốt cho nhà gái, mới đưa con về cho nhà trai, mới cho của cải, ruộng nương, tiền bạc, lúa thóc, trâu bò, gà lợn, các vật, cho con về cùng chồng. Đến ngày có con để ³⁶⁴ được bảy ngày thì đơm mộ bà : con trai thì bảy ngày, con gái thì chín ngày. Năm sau đến ngày ấy làm cỗ cho người ta ăn, gọi là ăn tôi tôi. Họ hàng có đi ăn, thì lại cho tiền bạc

³⁶¹ *cậu dì* : cậu dì.

³⁶² *cha gẻ* : cha ghẻ.

³⁶³ đến đây tác giả không xuống dòng, nhưng chúng tôi tự ý làm để phân biệt dễ dàng hơn.

³⁶⁴ *có con để* : ở đây có thể hiểu là có con đẻ.

ngày ấy ³⁶⁵. Vua chúa cùng nhà quan thì gọi là Vía, đạo Đức Chúa Trời thì gọi là Sinh nhật. Vua Chúa có rước Vía, thì thiên hạ đi lạy cùng đem của đi tấn ³⁶⁶ cho Vua Chúa, mà người lại ban cho các con, quan thì cho áo cùng tiền, quân dân thì ăn cỗ.

“Trong nước làm việc ³⁶⁷ quan, một năm hai quý, hai thuế ³⁶⁸, cùng lễ khánh thọ, lễ bài biểu, lễ tết, lễ tiết liệu, lễ giỗ, lễ đọan ngũ, mặc có sở cai ³⁶⁹ làm một năm chín lễ.

“Bằng sự chức bên Vũ thần, trước thì chịu Nam tước, Béc ³⁷⁰ tước, Hầu tước, Hữu điểm thự ³⁷¹ vệ, Tham đốc, Quận tước, Quận công, Đề đốc, Đô đốc, Tả phủ, Hữu phủ, Thiếu bảo, Thiếu phú, Thái úy ³⁷², Thái bảo, Thái phú, Thái úy, Thái sư, Phú tướng ³⁷³, Hữu tướng, Phú nguyên súp, Đô nguyên súp, Đại nguyên súp. Ấy là chức bên Vũ.

“Bằng sự kén thiên hạ, thì sáu năm mới một lần ; ai già thì bỏ ra, trai thì lấy làm lính đánh giặc. Ai thứ nhất gọi là nhất hạng, hai là nhị hạng, ba là tam hạng.

³⁶⁵ đến đây tác giả xuống dòng, nhưng chúng tôi tự ý viết liền, vì ý tưởng liên lạc trực tiếp với nhau

³⁶⁶ *di tấn* : đi tiến.

³⁶⁷ *việc* : việc.

³⁶⁸ *hai thuế* : hai thuế. Có lẽ phải viết là *hai thuế* mới đúng.

³⁶⁹ mấy danh từ này không rõ nghĩa.

³⁷⁰ *Béc tước* : Bạch tước. Người ta cũng gọi là Bá Tước

³⁷¹ *thự vệ* : thị vệ.

³⁷² *Thái úy* : Thiếu úy.

³⁷³ *Phú tướng* : có lẽ phải viết là *Phó tướng*.

Ai hèn thì bỏ về tiểu hạng , ai què ³⁷⁴ thì bỏ rảng bất cự, ai đã già thì bỏ lão nhiều. Ai có cha làm quan đời trước thì cho công thân. Kẻ ở chùa cùng kẻ đi hát, thì về đảng khác. Thấy thuốc cùng các nghề, thì có chức riêng.

“Bằng sự bên Văn, ba năm lại thi một lần gọi là Hương thí; trước thì đi khảo xā, ai có chữ mới lấy tên : đại xā thì hai mươi người, trung xā mười lăm người, tiểu xā mười người. Đoạn xem ai có hay chữ, thì đứng sổ cho nhà huyện, thì học trò đi khảo nhà huyện có đỗ thì lại khảo nhà phủ. Ai hay hơn thì cho tên nhất, gọi là ưu, thứ hai là tứ tràng, thứ ba là tam tràng. Đoạn mới họp lại làm một xứ là một tràng mà thi. Có quan giữ áp tràng, bên Văn thì quan Tấn sĩ, bên Vũ thì quan Đô đốc, Công đảng, cùng nhà Ti, nhà Hiến. Mà học trò vào tràng thứ nhất gọi là Kinh nghĩa. Khảo sách mười ngày liền ra bảng cho thiên hạ xem tên. Ai đỗ thì ở lại mà thi. Ngày sau gọi là tràng Lục; ai đỗ ngày Lục thì lại vào ngày Phú. Đỗ ngày Phú thì gọi là Sinh đồ. Lại thi một ngày nữa, gọi là ngày Sách. Ai đỗ ngày Sách thì gọi là Hương cống. Đến năm sau, những kẻ Hương cống mới ra thi ngoài Kẻ Chợ trong Đền, có Vua chúa quan Triều cùng thiên hạ đi ngày ấy, thì gọi là Hội thi. Ai đỗ bốn ngày mới gọi là Tấn sĩ, liền ra bảng cho thiên hạ biết. Những quan Tấn sĩ ấy liền đi lạy Vua chúa, đoạn lại về học một tháng mới thi lại. Ai thuộc chữ hơn, đứng thứ nhất gọi là Trạng nguyên, thứ hai là Bảng nhãn, thứ ba là Thám hoa, thứ bốn là Hoàng giáp, thứ năm là Chính Tấn sĩ, thứ sáu là Đồng Tấn sĩ. Ngày sau chúa cho đi làm quan các Xứ, lại có chức là Hàn lâm. Khi trước chịu cấp Công

³⁷⁴ ai què : ai què

là coi các thợ, cấp Hộ là coi các việc đàng, cấp Binh là coi các việc quân quốc, cấp Lễ là coi các lễ quý thuế, cấp Lại là coi các việc bên lệnh sử. Lại lên chức khác là Đô công, Đô Hình, Đô Binh, Đô Lễ, Đô Hộ, Đô Lại. Lại chức khác là Hữu Công, Hữu Hình, Hữu Binh, Hữu Hộ, Hữu Lễ, Hữu Lại, Tả Công, Tả Hình, Tả Binh, Tả Lễ, Tả Hộ, Tả Lại, Thượng Công, Thượng Hình, Thượng Binh, Thượng Lễ, Thượng Hộ, Thượng ³⁷⁵. Thượng chưởng Lục Bộ thì coi hết thay thay. Thượng Công xem việc các chợ, Thượng Hình xem việc bàn kiện, Thượng Binh xem việc quân quốc, Thượng Hộ xem việc đắp đàng, Thượng Lễ xem việc tế lễ, Thượng Lại xem việc các bên Văn. Trong triều thì nhà Đô đài ; bề ngoài nhà Hiến, nhà Ti hỏi kiện. Còn các Hương Cống thì cũng cho đi làm Phủ, Huyện quan, cùng các chức thay thay.

“Bây giờ kể các xứ Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng nam, Thuận Hóa, Đông Tây Nam Bắc.

Thanh Hóa có bốn phủ, mười hai huyện cùng có ba chu:

Thiệu Thiên phủ : tám huyện, hai trăm sáu mươi xã, bảy mươi hai sách, ba mươi trại.

Hà Trung phủ : bốn huyện, tám mươi bốn xã, mười một trại.

Tĩnh Gia phủ : ba huyện, tám mươi lăm xã, một thôn.

Thanh Đô phủ : hai huyện, sáu mươi lăm xã.

³⁷⁵ Tác giả viết thiếu chữ *Lại*. Phải viết : *Thượng Lại*.

376 Nghệ An xứ : chín phủ, mười hai huyện, hai chu :

Đức Quang phủ : sáu huyện, một trăm sáu mươi chín xã.

Thanh Đô phủ : một huyện, bốn chu, năm mươi hai xã.

Điền Chu phủ : hai huyện, năm mươi chín xã, mười thôn.

Anh Đô phủ : ba huyện, năm mươi xã, mười hai động.

Quế Chu phủ : một huyện, hai mươi động.

Ngục Ma phủ : một chu, hai mươi bảy động.

Phú An phủ : một chu, ba mươi động.

Trần Ninh phủ : bảy huyện, bảy mươi một động.

Thuận Trung huyện : mười một động.

Thuận Hóa : hai phủ, bảy huyện, ba trăm bốn mươi một xã, bảy mươi ba sách.

Bố Chính : sáu mươi xã, bốn mươi trại.

Quảng Nam xứ : bốn phủ, bảy huyện, một trăm mười tám xã, ba mươi bốn trại ³⁷⁷.

Hải Dương xứ : bốn phủ, bảy huyện, hai trăm mười tám xã, ba mươi bốn trại ³⁷⁸.

³⁷⁶ Tác giả ghi không đúng số phủ, huyện.

³⁷⁷ Tác giả không kể rõ từng phủ trong các xứ Thuận Hóa, Bố Chính, Quảng Nam.

³⁷⁸ Tác giả ghi không đúng số phủ, huyện

Nam Sách phủ : bốn huyện, một trăm bảy mươi bốn xã, hai mươi một thôn.

Hạ Hồng phủ: Bốn huyện, một trăm chín mươi ba xã, hai mươi một trại.

Thượng Hồng phủ : ba huyện, một trăm ba mươi sáu xã.

Sơn Nam xứ : mười một phủ, bốn mươi hai huyện.

Khoái Chu phủ : năm huyện, một trăm bảy mươi bốn xã.

Thái bằng phủ : bốn huyện, một trăm mười một xã, ba mươi một trại.

Kiến Xương phủ : ba huyện, một trăm bốn mươi xã, ba trại.

Tiên Hưng phủ : bốn huyện, chín mươi tám xã.

Thường Tín phủ : ba huyện, một trăm bốn mươi ba xã, hai mươi một trại.

Ứng Thiên phủ : bốn huyện, một trăm chín mươi ba xã, bảy trại.

Lí Nhân phủ : năm huyện, hai trăm mười tám xã, tám trại.

Thiên Tràng phủ : bốn huyện, một trăm ba mươi hai xã, ba mươi bảy trại.

Nghĩa Hưng phủ : bốn huyện, một trăm sáu mươi ba xã, bốn trại.

Tràng An phủ : ba huyện, một trăm mười một xã, bốn mươi trại.

Thiên Quan phủ : ba huyện, sáu mươi xã, hai động.

Sơn Tây xứ : sáu phủ, bốn huyện, hai chu ³⁷⁹.

Quốc Ủy phủ : năm huyện, một trăm sáu mươi một xã, mười sáu trại, hai mươi bốn động.

Tam Đái phủ : sáu huyện, hai trăm năm mươi một xã, mười ba chu.

Đào Giang phủ : bốn huyện, một trăm năm mươi bảy xã, mười bảy trại..

Đoan Hùng phủ : năm huyện, một trăm mười lăm xã, sáu mươi trại.

Trì Giang phủ : hai huyện, sáu mươi xã, ba trại.

Quảng Uy phủ : hai huyện, bảy mươi bảy xã.

Kinh Bắc xứ : bốn phủ, hai mươi huyện.

Thuận An phủ : năm huyện, một trăm chín mươi bảy xã.

Từ Sơn phủ : năm huyện, một trăm chín mươi bốn xã.

Kinh Sơn phủ : sáu huyện, hai trăm ba mươi bảy xã.

Bắc Hà phủ : bốn huyện, một trăm ba chín xã, một trại.

An Bang xứ : một phủ, ba huyện, tám mươi bốn xã, một trăm hai trại ³⁸⁰.

Nghi Hóa phủ : ba huyện, hai chu, một trăm hai mươi tám động.

³⁷⁹ Tác giả không ghi đúng số huyện

³⁸⁰ từ đây trở xuống tác giả ghi không rành mạch.

Hỉ Hưng phủ : một huyện, năm chu, bảy mươi hai trại.

An Tây phủ : mười chu, năm mươi tám động.

Kinh Sơn xứ : một phủ Tràng Kênh 381, phủ Bãi Chu, một trăm ba mươi một xã, hai mươi sáu trại.

Thái Nguyên xứ : Phú Bằng phủ, bảy huyện, hai chu, một trăm hai mươi bốn xã.

Thảo Nguyên phủ : một huyện, một chu, tám mươi xã, mười ba trại.

Cao Bằng phủ : bốn chu, một trăm ba mươi hai xã, ba mươi lăm trại.

Phương Thiên phủ là Kẻ Chợ : hai huyện, kể những phường phố, chẳng có xã.

Thọ Xương huyện : Mười tám phường.

Quảng Đức huyện : mười tám phường.

Cả và thiên hạ : năm mươi một phủ, một trăm bảy mươi hai huyện, bốn mươi tám chu, bảy nghìn chín trăm tám mươi bảy xã.

Nước Annam đi bẻ dọc từ Kẻ Quảng cho giáp cõi Đại Minh, đi bộ năm mươi ngày.

Bên ngang từ biển đến rừng đi hai ngày.

“Thói nước, trong nhà thì thờ Tiên sư, là dạy học các nghề nghiệp gì, thì có Tiên Sư thay thầy.

³⁸¹ Tràng Kênh, Có lẽ là Trành Kênh .

“Bếp thì thờ Táo quân, gọi là Vua bếp. Nó lấy chồng trước thì sa vào lửa mà chết, nó lại lấy chồng sau mà lòng còn thương nghĩa chồng trước, thì chồng sau đi xem nơi lỗ xưa, thì mình ³⁸² cũng sa xuống mà chết. Chồng sau thấy vợ chết, thì cũng gieo mình xuống mà chết, thì ba người vào một lỗ ấy ; thì người ta nói bày đặt rằng : ấy là Vua bếp, thì phải cạy cho làm mọi việc nên.

“Sự Thổ công thì thờ ngoài vườn. Vì xưa có một người ở bên Ngô, ở xứ Hồ Quảng, hay đi săn chơi trên rừng. Ngày ấy thấy một trứng bỏ giữa đàng, thì người ấy lấy về mà để chơi. Ngày sau trứng nở ra được cái rắn. Liền cho nó ở nhà, thì nó đi bắt gà lợn người ta mà ăn thịt, hết nhiều của người ta lắm, thì người ta kêu. Ông ấy liền đem nó lên trên rừng là nơi trứng cũ ngày xưa, mà rằng : con ở đây, chớ về nhà làm chi, con sẽ kiếm ăn rừng này vậy. Nó liền ở đấy, có gặp ai thì bắt ăn thịt dù là trâu bò hay là ngựa cũng vậy. Thiên hạ sợ, chẳng có ai dám lại đấy nữa, thì kêu cùng Vua rằng : đất ấy có cái rắn dữ, chẳng có ai đánh được nó. Mà Vua có sai ai đi, thì nó cắn chết, thì chẳng còn ai dám đi. Vua liền rao thiên hạ rằng, ai mà đánh được con rắn ấy thì Vua cho làm quan. Thấy vậy, người nuôi nó ngày trước, liền chịu lệnh Vua mà đi đến nơi nó ở. Nó liền ra toan cắn ông ấy, thì ông ấy rằng : con cắn ông ru, này là ông nuôi con ngày xưa, mà con chẳng biết ông ru ? Nó liền đến chân ông ấy, như lạy người

³⁸² *Minh* : phải hiểu là bà vợ.

vậy. Ông ấy liền chém một lát, nó chết liền. Ông ấy về tâu Vua, thì Vua phán cho làm quan ; thì ông ấy rằng : tâu Vua, tôi chẳng đáng làm quan. Vua phán rằng : mày muốn đi gì thì tao cho. Ông ấy rằng : tôi muốn ăn cho đủ ; thì Vua cho hễ là trong xứ ấy có của gì mới thì cho ông ấy ăn trọn đời. Vì Vua để cho coi đất ấy, đến ngày sau ông ấy chết, thì xứ ấy còn thờ ông ấy như xưa, gọi là chúa đất. Đến ngày sau có người Annam đến đấy thấy, liền bắt chước mà về nhà làm làm³⁸³ nơi thờ, mà nói rằng, chúa đất. Cho nên người ta bắt chước người ấy cho đến nay. Ai ở đâu thì có thờ Thổ công đấy cho sức khỏe.

“Chùa thờ Bụt thì một làng là một chùa, nhà thờ Thần thì cũng vậy, chẳng kể được cho hết.

“Nghệ An xứ, những nhà thánh thờ Đức Chúa Trời, Được bảy mươi lăm nhà thánh.

Sơn Nam xứ được một trăm tám mươi ba nhà thánh.

Hải Dương xứ được ba mươi bảy nhà thánh.

Kinh Bắc xứ được mười lăm nhà thánh.

Thanh Hóa xứ được hai mươi nhà thánh.

Sơn Tây xứ được mười nhà thánh”.

Tài liệu “Lịch sử nước Annam” mà chúng ta vừa đọc, được chia làm hai phần : *phần nhất*, thuật lại lịch sử chính trị nước Việt Nam xưa từ đầu đến đời

³⁸³ Tác giả viết dư một chữ *làm*.

chúa Trịnh Nguyễn, tuy nhiên, tác giả chỉ kể hết sức đại cương ; *phần hai*, tác giả viết tương đối dài về phong tục, xã hội, địa lý hành chính và số chùa cùng *nhà thánh* tức nhà thờ Công giáo. Tập tài liệu có giá trị đặc biệt về phương diện lịch sử chữ quốc ngữ ; còn về phương diện xã hội, thì phần hai của tài liệu cũng giúp chúng ta hiểu rõ hơn bộ mặt Việt Nam thời đó. Cũng vì vậy mà chúng tôi trình bày tập tài liệu này ở đây.

Lời Kết

Cuốn sách nhỏ bé này tuy đã giúp bạn đọc hiểu biết rộng hơn về lịch sử chữ quốc ngữ, nhưng còn nhiều thắc mắc chưa được giải quyết, ví dụ : - ai là *người có công nhất* trong việc sáng tác chữ quốc ngữ ? - *tên những người Việt Nam* đã cộng tác đặc lực với các Linh mục Dòng Tên trong khoảng từ 1620-1659, hầu đặt nền tảng cho chữ quốc ngữ ?

Thật ra, chúng ta chỉ có thể nói một cách tổng quát là : việc *sáng tác* chữ quốc ngữ do *nhiều* Linh mục Dòng Tên ở Việt Nam thời đó, và, có lẽ các *Thầy giảng* Việt Nam đã là những người cộng tác hữu hiệu nhất với các Linh mục Dòng Tên trong công cuộc này.

Dù sao mặc lòng, chúng tôi dám tin tưởng, cuốn sách sẽ giúp ích phần nào cho các nhà nghiên cứu lịch sử ngữ học Việt Nam, và riêng cho các học giả, giáo sư cũng như các bạn sinh viên, tha thiết với vấn đề lịch sử chữ quốc ngữ.

NGUYÊN BẢN TÀI LIỆU VIẾT TAY



- I. Một trang trong bản thảo cuốn “Tunchinensis Historiae libri duo” do L.m. Đắc Lộ viết năm 1636 tại Áo Môn.
(*ARSI, JS. 83 et 84, f. 22*).
- II. Trang đầu bản tường trình của L.m. Gaspar d’Amaral viết tại Thăng Long ngày 31-12-1632.
(*ARSI, JS. 85, f. 125*).
- III. Bức thư của Igesico Văn Tín viết ngày 12-9-1659 gửi cho Linh mục Marini.
(*ARSI, JS. 81, f. 247*).
- IV. Bức thư của Bento Thiện viết ngày 25-10-1659 gửi cho Linh mục Marini.
(*ARSI, JS. 81, f. 246*).
- V. Tập “Lịch sử nước Annam” do Bento Thiện viết năm 1659 tại Thăng Long.
(*ARSI, JS. 81, f. 254-259*).

632^o Anno
J de Anual.

1632
ANNA



do reino de Annam do anno de 1632
pera o P.^o Andre Palmeiro da Com.^o
de Jesv, Visitador das P.^oruinas
de Japan, e China.

Pax Christi

Verificou este año de 1632 neste Reino de Annam (aque
os Portuguezes chamão Tun Kiu) quatro P.^os da nobre Com.^o que
se occupou no estudo da lingua; os tres na cultura da x.^opan
dade: viuorão por aia annos ate catuquistas naturaes da terra, dedi
cados expofecto ao ministrio do euangelho: ouzencia dos que
este anno se hauez arcaõ chegou a cinco mil e setecentos e oitenta e
do mais fructo, que nesta x.^opandade se colheo, se occinesta conta a
M.R. Jazendo p.^omeio da p.^oruina como rezamos a Rejno.

5727

Do Temporal do Rejno.

Diuidem esta Rejno seus naturaes em tres p.^os à 1.^o
começado do sul, chamão Dàng clôn, que quer dizer, caminho de
dentro: à 2.^o Dàng ngông, q.^o quer dizer, caminho de fora: à 3.^o
Dàng clôn, que quer dizer, caminho de cima.

A P.^o Ant.^o J. Amaral em Portugal
João de God.^o Amaral

Tôi ở D. C. B. phải bỏ Thái lang an loại bại hèn của gái. tôi còn Thái
 chèo và kình đã kết Thái ở tay chèo nhiều kẻ phải bèn, chỉ riêng chàng là có thể vãi
 đá là cũ như cũ lại mà các Thái chèo và đến Maass thì đi theo thì là hay
 Thái hay Thái ở bên này thì không chịu phải làm. năm sau Thái về Miquel
 lại đến thì ông cũng ở tay các Thái gầy bả chia hết là thì về tay người
 9 ông Thái chèo khá thì hay năm cho đến Maass thì tay đều năm năm
 ông là Thái ở người Maass chàng kia ở D. Chua B. thì Thái chèo khá
 hơn nữa là Thái ở D. D. D. xa khách trở lại thì cũng biết rất Thái lại
 D. D. D. thì về thì tay vãi vãi còn Thái ở Maass lại tay mình thì
 song mà theo Thái là Thái thì chèo kình thì tay bắt giữ như con
 mới cha mà bạn đấng thì ngài một Thái cũ ở bên này. ngày vài
 tay vãi người tôi bán Plan biết về bên cũ thì là biết một
 nhily lang khi Thái, ở Thái gần dài D. D. D. nhiều đấng cho nên Thái
 mà rắp các Thái cho nên chàng hai bắt giữ nhưng Thái tay cũng
 bình hơn nữa mà nước au cho được Thái một Thái như con Thái
 mà về cho D. D. B. bắt muốn cho tay. ta được ở Thái mình chàng
 khi D. C. B. chàng cho mà nữa là cho Thái đi ghương khác thì hai
 biết làm tay được. ở Thái thương lái tay cũ. vì là kình có tay nhiều
 chàng đang ở gần Thái thì gầy làm một nhily bằng Thái một
 tay kình lái Thái hai

làm một học bốn đời bên này thì Thái biết hết về ông họ Thái
 D. D. B. Thái cả quý cho Thái D. D. B. biết tay hai tay làm thì
 uân đã có cho tay chèo. tôi nữa kẻ bỏ bị chèo tay này hay
 cây doc làm mà ngày đã biết mình chàng đi thì một Thái chèo
 tay cho bên là Josephas đ. D. D. B. thì mà con cũ cũ bên là
 một D. C. B. cho chèo. chưa ai là ở ở chèo mình vốn tay cũ cha
 ông mà ở D. D. B. cũ chèo cũ tay thành người chèo. là là chàng
 quý về bên phải liếc chàng cho tốt tay D. D. B. cũ chèo
 tay bên D. D. B. cũ chèo chàng kình mới người liền chèo mà như
 tay kình như cũ cũ cũ anh con chàng nhily làm quan tay
 con cũ quỳ tay D. D. B. cũ chèo đi nhà Thái chèo cũ thì tay
 làm tay hết là là tay bên này thì làm tay

Con họ Thái ở Miquel ở Duoma về mà đi bên ban
 Vĩnh lại chàng hai có giác lui om đến phá dài mà đưa chèo lại

lên rừng mà người đi tìm chúng được hay đi lấy dài giờ
là muốn hườn cho người có thời cho thời cả mùa xuân người
kể cho thời cả lên đặng biết chỗ đi chưa có cho người hay
phải là đi c. chầy cho người ở đi. Đi nước gầy lội mà lấy
có thời cho thời cả buổi giờ thời đi thơn đi giờ hẳn củ n
về ở nhà cho đản rồi hay người lên tham thàn in chạnh
người đi hình thể kỳ lạ thời cả thàn củ thườn làm ai
là bài nhàn đi c. lấy biết củ cho thời đặng mùa nà đặng
mang hay thàn chính đi. ?] rưng rưng một nghĩa lại
nam mury chính.

Lấy là Jgeris vãn từ

Hoàng Đế Khải Nguyên

Đại Việt

Đại Việt là một nước ở phía Bắc Đông Nam Á, giáp biển Đông ở phía Đông, biển Thái Bình Dương ở phía Tây, biển Andaman ở phía Nam, và biển Đông ở phía Bắc. Nước này có một diện tích rộng lớn, với nhiều vùng đất đai màu mỡ, thích hợp cho việc canh tác lúa nước. Dân số của nước này rất đông, và có một nền văn minh lâu đời, với nhiều thành tựu văn hóa, khoa học và nghệ thuật. Nước này đã trải qua nhiều triều đại, và đã từng bị xâm lược nhiều lần. Tuy nhiên, nước này đã luôn giữ vững độc lập và chủ quyền của mình. Nước này có một nền kinh tế phát triển, và có một vị trí quan trọng trong khu vực Đông Nam Á. Nước này cũng là một thành viên tích cực của nhiều tổ chức quốc tế, và đã đóng góp nhiều cho sự phát triển chung của khu vực và thế giới.

Đại Việt có một lịch sử lâu đời, với nhiều triều đại nổi bật. Từ thời kỳ đầu tiên, nước này đã trải qua nhiều biến động, nhưng luôn giữ vững độc lập. Nước này đã từng bị xâm lược nhiều lần, nhưng luôn giành lại độc lập của mình. Nước này có một nền văn minh lâu đời, với nhiều thành tựu văn hóa, khoa học và nghệ thuật. Nước này đã đóng góp nhiều cho sự phát triển chung của khu vực và thế giới. Nước này cũng là một thành viên tích cực của nhiều tổ chức quốc tế, và đã đóng góp nhiều cho sự phát triển chung của khu vực và thế giới.

Thủy, nước. Anan, Tái Nam. mỗi một chúng giồng gọi là ngũ tặc
 Shen ha Di lai Bua Dora lai phia ong lai. Oai bu oi bai cha me, in pe ca bi
 ste, quan quien chi lai Bua phua, chui dan di lai buo chua, an tee ba ngui mi
 in ngui thiaa ma xem ngui miu hay miu ba, ngui vao tot, thi Bua phua di
 Tin giac, gọi là nhà dể bầy, diện chien chong ta bong, Dia phi, Bua phua di
 lay ma xin cho chien ha Dora ma in di an, Dien miu bau miu tai, miu hua
 in ham co cho chien ha an, moi y ngui, lai xem ngui vao tot, miu ong an va cho
 di chien ha di. Chai cu lam ce ce quan, in hai hien ngay miu, lai lam nhit chui
 miu phai cuoi, chien ha hua chui Bua, di bi ong as phien di chui, ong Tai ngay
 hien phi hien quan Ding ma miu, miu is hien lai, Tin tu tuon miu is phien thi
 lai chui cho chien ha miu trung, Bua, ay is nghe nghi ty gi hie lam do Bua
 xem, Dien ha tuon chong giang, Tai phia lai Tai phi, Dao Ding bui cait, lai Dien
 thi chui chi thi chien phua, chong ta miu dan, lai miu Dien is Bua lai
 thay bi cho Dien ong, miu Dien thi chi Shen phi, Dao Tai phia lai ba Tai miu
 Tuon Dien Tai Shen phi Tho, Tai phia lai Tuon Lien chi quan in chien lai
 bui cu Tuon lai Dien hua, ma chi quan cho chien ha ban pu miu dang di,
 di gọi là phas can, Tuon Lien in tay bi ay tay ngay gọi vray di hien miu
 ong. Dien miu hai chong hai, lai an tee ngui bi, pe ta ma is ong an ong
 chong. Dien miu ba chong ba lai an tee gọi là an ong, x a rang is Myly giac
 hie phi ong an gian Bua miu hai phi Bua chong nghe, thi ong bi chui lai
 vray, Bua Tay chong an, thi Bua Dien vray cho an, ong bi chong va in
 thi lai phi Tin hien chui, chien ha chong ong. ay chi lung giu ong an gọi
 là tai chong bu, hien banh tay ong an ma an, cho mat, Dien miu ong chong
 nam, lai is tai gọi là tai Tuon ong, chi is an ong, miu lai chien ha Di lai Bua
 phua, in lai bi tai phi Bua phua ngay bi ban quan cho chien ha quan vray
 is chui, hai lai Dien phi, is miu ong is Bua in gian chong Dien miu miu
 chui ong hien ma chui, tin ong an la Quat ngay on, chi chien ha an tee ngui
 ay in thi bầy chui gọi là Di tin ngay bi di bầy, hien Tin bui hat bay in phi
 Bua la phi lam Dien phi, phi bui is chui is di ay phi phi chi Dien phi tai ma
 Tin ban phi ngay bi. Tin chong phi cho chien ha nghi chui Dien lai vray
 lai co ma giu Bua Shen Miu lai phi Ding va cho chien ha an giu hua.
 Dien ong in is miu phi Dien chui chui in ban pu miu an cho quan gọi
 là Dien chui. Tin chong bui lai tai miu thu, ay is phi ma an ong phi
 an, miu chui, thi Dien chong bui phi ban co cho lung an, an giu phi
 lam phi Dien phi an ong phi ma lai, ma tin in buo hie tay miu
 hien, cho hat hien Dien phi an phi phi cu ai, lai chien Ding, in Dien an ma
 in an vray cho cha ma, Dien ong vray chong bui miu Dien ma cho phi ba phi

Cuốn cuối chúng tôi đem việc đời sống chúng tôi đem vào để cho chúng ta được
mà các bạn Văn, và các bạn khác nữa đời sống, các bạn nữa hiện nay đời sống
các bạn cũng như đời sống đời sống hiện nay, các bạn đời sống đời sống

Bảy giờ là các giờ thỉnh hoa nguyệt, an giảng năm thiên lộc của các bạn năm thiên...

Thiền hương là bốn giờ, một giờ hương của các bạn năm thiên...

Thiền hương là bốn giờ, một giờ hương của các bạn năm thiên...

Thiền hương là bốn giờ, một giờ hương của các bạn năm thiên...

Thiền hương là bốn giờ, một giờ hương của các bạn năm thiên...

Thiền hương là bốn giờ, một giờ hương của các bạn năm thiên...

Thiền hương là bốn giờ, một giờ hương của các bạn năm thiên...

Thiền hương là bốn giờ, một giờ hương của các bạn năm thiên...

Thiền hương là bốn giờ, một giờ hương của các bạn năm thiên...

Thiền hương là bốn giờ, một giờ hương của các bạn năm thiên...

Thiền hương là bốn giờ, một giờ hương của các bạn năm thiên...

Thiền hương là bốn giờ, một giờ hương của các bạn năm thiên...

Thiền hương là bốn giờ, một giờ hương của các bạn năm thiên...

Thiền hương là bốn giờ, một giờ hương của các bạn năm thiên...

Thiền hương là bốn giờ, một giờ hương của các bạn năm thiên...

Thiền hương là bốn giờ, một giờ hương của các bạn năm thiên...

Thiền hương là bốn giờ, một giờ hương của các bạn năm thiên...

Thiền hương là bốn giờ, một giờ hương của các bạn năm thiên...

Thiền hương là bốn giờ, một giờ hương của các bạn năm thiên...

Thiền hương là bốn giờ, một giờ hương của các bạn năm thiên...

Thiền hương là bốn giờ, một giờ hương của các bạn năm thiên...

Thiền hương là bốn giờ, một giờ hương của các bạn năm thiên...

Thiền hương là bốn giờ, một giờ hương của các bạn năm thiên...

Thiền hương là bốn giờ, một giờ hương của các bạn năm thiên...

Thiền hương là bốn giờ, một giờ hương của các bạn năm thiên...

Lên đây rồi mà nghĩ mình phải viết cho năm này lúc chưa nghĩ tới chữ Tôn nhân, ở 1/2 đời
cố thể ở đời thì ở đời phải
(Huyền Ải) Bùn thì mới lũng là mới chừa như chữ chừa thì 22 chữ chừa phải viết cho
Huyền Ải an rồi cũng như chừa chữ thì phải lấy chữ chừa thì mới viết tâm như chừa
Lên năm này thì chừa năm này thì mới viết ba chữ chừa
Lên năm này thì chừa năm này thì mới viết ba chữ chừa
Lên năm này thì chừa năm này thì mới viết ba chữ chừa
Lên năm này thì chừa năm này thì mới viết ba chữ chừa
Lên năm này thì chừa năm này thì mới viết ba chữ chừa
Lên năm này thì chừa năm này thì mới viết ba chữ chừa

TÊN NHỮNG NGƯỜI NHẮC ĐẾN TRONG SÁCH



Advarte D. 24	
Agnès J. 128	Ashley R 36
Ai Liên 80	Au Cơ 149
Albi H. 55	Azevedo E. 94 99
Albier P. 133	Bạch Hồ 153
A Lịch Sơn VI 121	Barbosa A 89 90 91
A Lịch Sơn VII 133	Barbosa Machado 89 90
Alvares J. 74	Bartoli D 27
Amaral G. 7 68 72 73 89 126 135	Bảy ông Đê Linh 44 47 48
André-Marie 23	Bệt cô 78
An Dương Vương 151	Bonifacy A. 37
Anh Tông Lí 161	Borgès O 134 1138 151
Anh Tôn Trần 159	Borri 14 23 34 35 36 37
An Rê Phú Yên 63	Boxer 124 31
Arnedo J. 31	Boym M 32 33 34 42 44
	Bùi Nhuận 82 87

Burnay J 110
 Buzomi F 24 26 34 39 48 49
 50 53
 Cabral J 98
 Cadière L. 200
 Cẩm Bento 143
 Cẩm Đình 149
 Cao Biền 157
 Cao Chính Bằng 156 157
 Cao Huy Giu 72
 Cao Tông Lí 156
 Cardim A.F. 52 54 70 71
 Carvalho V. 24
 Carvalio D. 24 196
 Cảnh Dị 159
 Cảnh Lịch 162
 Cảnh Thạc 157
 Cảnh Thống 16
 Chappoulie H. 112 122
 Chabrié R. 200
 Chézaud A. 107
 Chico *Thầy giảng* 140 141
 Chiêu Hoàng 156 157
 Chiêu ông Nghè 44 47
 Chrisanto. 137 147
 Cối bà 84
 Chính Trị 163
 Công Hãn 157
 Công Thành 78 88
 Croix A. 35 200
 Cruz G. 23
 Damaco *Côi Trì*
 Dias A. 24
 Daria 136 137 147
 Dias M. 86 87
 Duệ Tông 161
 Dũng *chuồng* 81
 Dũng Lễ công 83
 Duperray E 201
 Đắc Lộ 5 7 9 11 12 15 17 18
 19 40 41 44 45 50 52 54 56
 58 61 63 66 72 82 87 90 93
 105 108 114 120 126 138
 Đại 61.
 Đại Chính 117.
 Đa Miêng 79.
 Đăng 61.
 Định 64.

Đặng Dong 161.	Hạ <i>Đô đốc</i> 80 86
Đĩnh 61.	Hán Thương 162
Đinh Tiên Hoàng 154	Hiến Tông <i>Lê</i> 160
Đinh Tuệ 113.	Hồ Tôn tinh 162
Đoan 119.	Hồ Vương 162
Đoan Khánh 117.	Hồng Ninh 167
Đô Giai 117.	Hồng Thuận 165
Đông Thành 65.	Hoàng Xuân Hãn 139
Đỗ Thích 115.	Hòa <i>Đô đốc</i> 81
Đỗ Quang Chính 99 199	Hòa <i>Sãi</i> 79
Đổng Thiên Vương <i>Phù</i> 155	Hương Quốc công 166
Đức Dong 162	Huệ Tông Lí
Đức Long 76 85	Hùng Vương 153 155 156
Ferreyra E. 31 201 98	Jonaya S. 102 <i>t</i>
Fernandes E 110 187	Khang Hi 97.
Fonseca L. 23	Khổng Tử 76
Fontes A. 44 45 50 55 71 72 82 198 206	Kiên 58.
Franco 44	Kiều Quận Công 111.
Giang 82 100 178	Koffler A.X. 97.
Giản Tu Công 161	Khiêm Vương 117. 165
Gottifredi A.	Lê Hoàn 113.
Govea R. 55	Lễ 5960.
Hán <i>ông Già</i> 136 137	Lạc Long Quân 108 109.

Lão Tử 44 47.	Montézon F. 32
Leria J.M. 112 113	Morelli F. 61
Lí nam Đế 156	Motte G. 23
Liêu 78	Mục Liên 170
Lồ 89	Nân 89
Louvet L.E. 201	Ngô Quảng 157
Luis G. 31 33 41 42 44 46 19 50 197 206	Ngô Sĩ Liên 157
Mai Liên 79	Ngô Vương 157
Mạc Tính V. 123	Nguyễn Bặc 158
Mã Viện 156	Nguyễn Chí Thiết 121
Maria bà 148	Nguyễn Hoàng 47
Maria M. de Sa. 197	Nguyễn Khoan 157
Marini G. F. 138 201	Nguyễn Phúc Kỳ 45
Mascarenhas N. 196 197 198 40	Nguyễn Phúc Lan 24
Matos G. 4 6 49 197	Nguyễn Phúc Nguyên 47
Mayorica J. 55 82	Nguyễn Quê 157
Minh <i>chương</i> 134	Nguyễn Siêu Lụy 157
Minh Đức vua 48	Nguyễn Thục 157
Minh Khang 118. 166	Nguyễn Thủ 157
Minh Đức Vương Thái phi 47	Nguyễn Văn Quang 72
Minh Tông Trần 161	Nhâm 131
Mị Chu 153 155	Nhân Tông <i>Lí</i> 159
	Nhân Tông <i>Trần</i> 160

Nhật Khánh 157
 Nhơn 88 103
 Nhuệ 84
 Niêm 146
 Ning Cheng-tze 132 135
 136
 Oliveira B. 131
 Pachtler M. 66
 Palmeiro A. 55 69 71 72 73
 Phạm Đình Khiêm 47 201
 Phạm Văn Sơn 70
 Philipphê vua 34
 Phục Hi 153
 Phúc Chân 61
 Pina F. 26 27 28
 Pinkerton 37
 Poncet E. 145 146 147
 Quang Báú 165
 Quang Hưng 167
 Quang Thiệu 165
 Quảng Hòa 165
 Quát Nguyên 169
 Quỳnh Chúa 76
 Rangel F. 131 145 146 147
 Reggio B. 55
 Rocha C. 101 130
 Rodrigues J. 25
 Roiz J. 29 30 33 50
 Rubino A. 98
 Saccano M. 31
 Saito P. 27 69
 Sommervogel C. 35 73
 Sơn Tinh 153
 Susius J. 36
 Tần 146 147
 Tấn Phát P. 121
 Tây bà 78
 Taberd J.L. 32
 Tavora F. 99
 Teixeira E. 90
 Thần Nông 153 170
 Trịnh Tùng 58 77 79
 Thần tông Lê 159
 Trịnh Vân 76
 Thần Tông Lí 159
 Trọng Thi 155
 Trịnh Sản 165

Thanh Lãng 139	Trà <i>chương</i> 134
Trịnh Tạc 61 47 84 97	Trì Trì <i>Bô</i> 194
Thái Báu 166	Triệu Việt Vương 156
Thái Tổ <i>Lê</i> 163 169	Trương Nhị 156
Thái Tông <i>Lê</i> 159	Trương Trắc 156
Triệu Vũ Hoàng 110.	Trung Tông <i>Lê</i> 159
Thái Tông <i>Lí</i> 159	Trùng Quang 163
Trịnh Khải 56 61.	Tung <i>Chúa</i> 76 77
Thái Trinh 165	Túc Tông 161
Thánh Tông <i>Lí</i> 159	Ước Bang VIII 125
Thánh Tông Trần 160	Văn Chật 79
Thích Ca 59 78 157	Văn Hán 151
Thiện B. 79 141 154 155	Văn Nguyễn 82 83
Thiên Khánh 162	Văn Nhất 104
Thường Quốc công 167	Văn Tang 104
Thuận Thiên 164	Văn Tín 129 137 138 139
Thụy 168	Văn Triệu 104
Thủy Tinh 153 162	Valignani A. 100
Tiên <i>Chúa</i> 166 167 168	Vĩnh Lạc 159
Tissanier J. 11 13 15	Vĩnh Lịch 132 144
Tô Định 153	Vĩnh Định 165
Trần Cao 168	Vĩnh Thọ 129
Trần Trọng Kim 157 191	Vĩnh Tộ 57 73

Võ Long Tê 137

Y Nhà *Thầy giảng* 82

Wou San-kouei 136

Y Nhà *Thánh* 94

Wustoff G. 113

Xương Chức 157

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Những Văn Bản Viết Tay
Lưu Trữ Tại Các Văn Khố và Thư Viện



BIBLIOTECA DA AJUDA

(tại thủ đô Bồ Đào Nha)

Jesuitas na Asia, Códice 49-V-31, f. 215-263v : Bản tường trình hàng năm về giáo đoàn Đàng Ngoài, do L.m. Gaspar d'Amaral viết tại Thăng Long ngày 31-12-1632 bằng chữ Bồ Đào Nha. Tài liệu này do tu sĩ J. Alvares chép lại nguyên bản tại Áo Môn ngày 8-12-1745.

REAL ACADEMIA DE LA HISTORIA DE MADRID

(tại thủ đô Tây Ban Nha)

Jesuitas, Legajo 21, Fasc. 6, f. 702-703v : L.m. Đắc Lộ tường thuật bằng La văn những hoạt động truyền giáo của ông và của L.m. Pedro Marques ở Đàng Ngoài từ năm 1627. Viết tại Áo Môn khoảng tháng 5-1631.

Jesuitas, Legajo 21 bis, Fasc. 16, f. 31-37r : Tường thuật về các Thầy giảng Đàng Ngoài, do L.m. Gaspar d' Amaral viết bằng chữ Bồ Đào Nha ngày 25-3-1637 tại Thăng Long.

Jesuitas, Legajo 21bis, Fasc. 17, 228-234v : Thuật lại cuộc tử đạo của Thầy giảng An Rê Phú Yên. Viết ở gần Thanh Chiêm (Đàng Trong) ngày 1-8-1644 bằng chữ Bồ Đào Nha do tác giả Đắc Lộ.

Jesuitas, Legajo 22, fasc. I, f. 210rv : L.m. Marini yêu cầu vua Bồ Đào Nha trả 2.000 tiền “cruzados” cho Học viện “Madre de Deus”. Soạn bằng chữ Bồ Đào Nha.

THƯ VIỆN THÀNH PHỐ LYON (Pháp)

Manuscrits 813 (Fonds général), f. 1-23v : Tường thuật về hoạt động truyền giáo của Dòng tên tại Trung Hoa, Đàng Ngoài, Đàng Trong và các xứ chung quanh. L.m. Joseph Tissanier soạn bằng Pháp văn tại Áo Môn ngày 3-11-1677.

VIỆN BẢO TÀNG CALVET Ở AVIGNON (Pháp)

Manuscrits vol. 3243, f. 36-45r : Chứng thư phê chuẩn của L.m. Đắc Lộ về gia sản giữa Học viện Dòng Tên ở Avignon với mẹ ông là bà Françoise de Rafaélis. Tài liệu bằng Pháp văn làm tại La Mã ngày 11-6-1618.

VĂN KHỐ TỈNH VAUCLUSE (Pháp)

Registre de baptême de la paroisse Sainte-Magdeleine, 1604-1635, GG. 3 : Sổ rửa tội của xứ đạo “Sainte-Magdeleine” từ năm 1604-1635. Tài liệu bằng La văn, trong đó có ghi tên ngày sinh và rửa tội của các em L.m. Đắc Lộ.

VĂN KHỐ TỈNH DÒNG TÊN BA LÊ (tại Chantilly, Pháp)

Fonds Rybeyrète, số 29 : Thư của L.m. Aimé Chézaud bằng Pháp văn viết tại Isfahan, Ba Tư, ngày 11-11-1660, loan tin L.m. Đắc Lộ qua đời tại Isfahan ngày 5-11-1660.

THƯ VIỆN VATICAN

Fonds Barberini, vol. 158 (*mss orient.*), *Indici e Cataloghi Vaticani* : Bức thư của Chúa Trịnh Tráng bằng chữ Nho, khắc trên tám bực lá vào cuối năm 1627 gửi cho L.m. André Palmeiro.

ARCHIVUM ROMANUM SOCIETATIS IESU (tại La Mã - viết tắt ARSI)

Fondo Gesuitico, số 734 : Đơn của Đắc Lộ viết bằng chữ Ý tại La Mã, ngày 15-4-1614, xin Bề trên Cả Dòng Tên cho ông đi truyền giáo ở Đông Á.

Fondo Gesuitico, số 735 : Đơn của Đắc Lộ viết bằng La văn tại La Mã ngày 15-5-1617, xin Bề trên cả cho ông đi truyền giáo ở Nhật và Trung Hoa.

Jap.-Sin. 16 11, f. 174 : Thư của L.m. Valentino de Carvalho viết bằng chữ Bồ Đào Nha tại Áo Môn gửi cho L.m. Nuno Mascarenhas ngày 9-2-1615.

Jap.-Sin. 25, f. 130v : Sổ danh bộ Dòng Tên tỉnh Nhật Bản bằng chữ Bồ Đào Nha năm 1623.

Jap.-Sin. 68, f. 13rv : Thư của Đắc Lộ bằng chữ Bồ Đào Nha, viết tại Đàng Trong ngày 16-6-1625, gửi cho N. Mascarenhas.

Jap.-Sin. 68, f. 15rv : Thư của L.m. Emmanuel Fernandes bằng chữ Bồ Đào Nha viết tại Hội An

ngày 2-7-1625 gửi cho Bề trên Cả Dòng Tên ở La Mã.

Jap.-Sin. 68, f. 17r : Thư của L.m. Gabriel de Matos viết bằng chữ Bồ Đào Nha, tại Đàng Trong ngày 5-7-1625, gửi cho Bề trên Cả Dòng Tên ở La Mã.

Jap.-Sin. 68, f. 28-29v : Thư của L.m. Buzomi viết bằng chữ Ý tại Đàng Trong ngày 13-7-1626, gửi cho Bề trên Cả Dòng Tên.

Jap.-Sin. 69, f. 95-140v : Đắc Lộ viết về cuộc hành trình mười năm của ông ; soạn bằng La văn tại Macassar ngày 4-6-1647.

Jap.-Sin. 70, f. 264 : Thư của M. de Sa. Maria viết tại Cửa Hàn ngày 2-8-1698, bằng chữ Bồ Đào Nha, gửi cho J.-A. Arnedo.

Jap.-Sin. 71, f. 23-27r : Bản tường trình hàng năm về giáo đoàn Đàng Trong, viết bằng La văn tại Áo Môn ngày 12-12-1621 do L.M. Gaspar Luis.

Jap.-Sin. 71, f. 56-71r : Bản tường trình hàng năm về giáo đoàn Đàng Trong, do Gaspar Luis soạn bằng La văn tại Nước Mặn ngày 1-1-1626.

Jap.-Sin. 72, f. 2-16v : Bản tường trình hàng năm về giáo đoàn Đàng Trong do L.m. João Roiz viết bằng chữ Bồ Đào Nha tại Áo Môn ngày 20-11-1621.

Jap.-Sin. 72, f. 69-86r : Bản tường trình hàng năm về giáo đoàn Đàng Trong, do L.m. Antonio de Fontes viết bằng chữ Bồ Đào Nha tại Hội An ngày 1-1-1626.

- Jap.-Sin. 80, f. 15-16v* : Thư của Đắc Lộ viết bằng chữ Bồ Đào Nha, tại Áo Môn ngày 16-1-1631, trình bày với N. Mascarenhas về việc truyền giáo của ông và P. Marques ở Đàng Ngoài.
- Jap.-Sin. 80, f. 35-38v* : 31 L.m. Dòng Tên xác nhận mô thức rửa tội bằng tiếng Việt Nam trong một cuộc họp tại Áo Môn năm 1645. Tài liệu bằng chữ Bồ Đào Nha và La tinh.
- Jap.-Sin. 80, f. 76-80v* : Vấn đề mô thức rửa tội bằng tiếng Việt. Tài liệu bằng La ngữ, có lẽ tác giả là L.m. Marini ; soạn vào năm 1648.
- Jap.-Sin. 80, f. 88-89v* : Thư của L.m. Marini viết bằng chữ Bồ Đào Nha tại Thăng Long ngày 12-5-1655 về vấn đề mô thức rửa tội bằng tiếng Việt Nam, gửi cho L.m. F. de Tavora.
- Jap.-Sin. 81, f. 246rv* : Thư của Thầy giảng Bento Thiện viết bằng chữ quốc ngữ, tại Thăng Long ngày 25-10-1659, gửi cho L.m. Marini ở La Mã.
- Jap.-Sin. 81, f. 247rv* : Thư của Thầy giảng Igesico Văn Tín viết bằng chữ quốc ngữ, tại Đàng Ngoài ngày 12-9-1659, gửi cho L.m. Marini tại La Mã.
- Jap.-Sin. 81, f. 148-259v* : tập “Lịch sử nước Annam” do Thầy giảng Bento Thiện viết bằng chữ quốc ngữ, tại Thăng Long vào khoảng đầu năm 1659, gửi cho L.m. Marini ở La Mã.
- Jap.-Sin. 83 et 84, f. 1-62v* : Bản thảo cuốn sách “Tunchinensis Historiae libri duo” do Đắc Lộ soạn tại Áo Môn vào năm 1636. Viết bằng La văn.

Jap.-Sin. 85, f. 125-174r : Bản tường trình hàng năm về giáo đoàn Đàng Ngoài bằng chữ Bồ Đào Nha, do L.m. Gaspar d'Amaral viết tại Thăng Long ngày 31-12-1632.

SÁCH BÁO THAM KHẢO

BARTOLI Daniello, *Dell' Historia della Compagnia di Giesv, la Cina Terza Parte, Dell' Asia, descritta dal P. Daniello della medesima Compagnia*, Roma, 1663, in-fol.

BORRI Christoforo, *Relazione della nuova Missione delli PP. della Compagnia di Giesv, al regno della Cocincina, scritta dal Padre Christoforo Borri Milanese della medesima Compagnia, Che fù vno de primi ch'entronò in detto Regno, alla Santita di N. Sig Urbano PP. Ottavo*, Roma, 1631, in-120.

BORRI Christofle, *Relation de la nouvelle Mission des Peres de la Compagnie de Iesvs av royavme de la Cochinchine. Tradvite de l'Italien dv Père Christofle Borri Milanios, qui fut vn des premiers qui entrerent en ce Royaume. Par le Pere Antoine de la Croix, de la mesme Compagnie*, Lille, 1631, in-120.

(Biết tắt : BORRI, *Relation de la nouvelle mission*)

BOXER Charles Ralph, *The Portuguese Padroado in East Asia and the problem of the Chinese Rites (1576-1773)*, Macao, 1948, in-4⁰.

- BURNAY J., *Notes chronologiques sur les missions jésuites du Siam au XVII^e siècle*, trong *Archivum Historicum Societatis Jesu*, Năm thứ XXII, tháng 1-6 năm 1953, tr. 184-185-199.
- CADIÈRE, Léopold, *Une lettre du roi de Tonkin au pape, trong Bulletin de la Commission archéologique de l'Indochine*, 1912, Pl VII và tr. 199-210.
- CARDIM A.- F. et BARRETO F., *Relation de ce qui s'est pass depuis quelques années, jusques à l'An 1644. Au Japon, à la Cochinchine, au Malabar, en l'Isle de Ceilan, et en plusieurs autres Isles et Royaumes de l'Orient*, Paris, 1646, in-12^o. Do Lahier dịch từ chữ Bồ Đào Nha và Ý sang Pháp văn.
- CHABRIÉ Robert, *Michel Boym, jésuite polonais, et la fin des Ming en Chine (1646-1662)*, Paris, 1933, in-8^o.
- ĐỖ QUANG CHÍNH, *La mission au Việt Nam 1624-1630 et 1640-1645 d'Alexandre de RHODES, s.j., avignonnais*. Luận án, đánh máy, trình tại Ecole des Hautes Etudes – Sorbonne, Paris, 1969, 443tr.
- ĐỖ QUANG CHÍNH, *Trình độ chữ Quốc ngữ mới của Linh mục Đắc Lộ, từ năm 1625 đến 1644*, trong báo *Phương Đông số 7*, tháng giêng 1972, tr. 15-21.
- DUPERRAY Edouard, *Ambassadeurs de Dieu à la Chine*, Paris, 1956, in-8^o.
- FERREYRA Emmanuel, *Noticias summarias das perseguições da Missam de Cochinchina, principiada, et continuada pelos Padres da Companhia de Jesu*, Lisboa, 1700, in-fol.

HOÀNG XUÂN HÃN, *Một vài văn kiện bằng quốc âm tàng trữ ở Âu châu*, báo *Đại-học*, số 10, tháng 7-1959, tr. 108-119.

LAURES Johannes, *Kirishitan Bunko, a Manual of Books and Documents on the Early Christian Missions in Japan*, Tokyo, 1940, in 4^o.

LÊ NGỌC TRU, *Chữ quốc ngữ từ thế kỷ XVII đến cuối thế kỷ XIX, trong Việt-Nam Khảo-cổ tập-san*, số 2, Saigon, 1961, tr. 113-136.

LOUVET Louis-Eugène, *La Cochinchine religieuse*, T.I, Paris, 1885, in-8^o.

MARINI Gio Filippo de, *Delle Missioni De Padri della Compagnia di Giesu, Nella Prouincia del Giappone, e particolarmente di quella di Tumkino. Libri Cinque*, Roma, 1663, in-4^o.

(Viết tắt : MARINI, *Delle Missioni*)

MARINI Jean-Philippe de, *Relation nouvelle et cyrieuse des Royvmes de Tvnqvin et de Lao. Contenant vne description exacte de leur Origine, Grandeur, Estendue, de leurs Richesses, et de leurs Forces. Traduite de l'Italien du P. Mariny Romain. Par L.P.L.CC.*, Paris, 1666, in-4^o.

MONTEZON Fortuné de, et ESTEVE Edouard, *Voyages et travaux des missionnaires de la Compagnie de Jésus. Mission de la Cochinchine et du Tonkin*, Paris, 1858, in-8^o.

- NGÔ SĨ LIÊN, *Đại Việt Sử ký toàn thư, Tập I, II, III, IV*, Cao Huy Giu phiên dịch, Đào Duy Anh hiệu đính, chú giải và khảo chứng, Hà Nội, 1967, 1968, in-8⁰.
- NGUYỄN KHẮC XUYÊN, *Chung quanh vấn-đề thành-lập chữ quốc-ngữ. Chữ quốc-ngữ vào năm 1645*, trong *Văn- hóa nguyệt-san*, số 48, tháng 1-2 năm 1960, tr. 1-14.
- NGUYỄN KHẮC XUYÊN, *Giáo sĩ A-lich-son Đắc Lộ với chữ quốc-ngữ*, trong *Việt Nam khảo-cổ tập-san*, số 2, Saigon, 1961, tr. 75-107.
- NGUYỄN KHẮC XUYÊN, *Giáo sĩ Đắc Lộ với công việc xuất bản*, trong *Việt Nam khảo cổ tập san*, số 2, Saigon, 1961, tr. 183-196.
- PHẠM ĐÌNH KHIÊM, *Người chứng thứ nhất. Lịch sử tôn giáo, chính trị miền Nam đầu thế kỷ XVII*, Saigon, 1959, in-8⁰.
- PONCET L.A., *L'un des premiers annamites, sinon le premier, converti au catholicisme*, trong *Bulletin des Amis du Vieux Hué*, tháng 1-3 năm 1941, tr. 85-91.
- Relation des Missions des Evesques François aux Royavmes de Siam, de la Cochinchine, de Camboye et du Tonkin, etc., divisée en quatre parties*, Paris, 1674, in-8⁰.
- RHODES Alexandre de, *Dictionarium annamiticum, lusitanum, et latinum, ope Sacrae Congregationis de Propaganda Fide in lucem editum ab Alexandro de Rhodes è Societate Iesu, ejusdemque Sacrae*

Congregationis Missionaric Apostolico, Roma, 1651, in-4⁰.

RHODES Alexandre de, *Cathechismus pro iis, qui volunt suscipere Baptismum, in Octo dies diuisus, Phép giảng tám ngày cho kẻ muốn chịu phép rửa tội, ma beà đạo thánh đức Chúa bời. Ope Sacrae Congregationis de Propaganda Fide in lucem editus. Ab Alexandro de Rhodes è Societate Iesu, ejusdemque Sacrae Congregationis Missionario Apostolico*, Roma, 1651, in-4⁰.

RHODES Alexandre de, *Divers voyages et missions du P. Alexandre de Rhodes en la Chine, et autres Royaumes de l'Orient. Avec son retour en Europe par la Perse et l'Armenie. Le tout divisé en trois parties*, Paris, 1653, in-4⁰. Có bản đồ Việt Nam kích thước 30 x42 cm.

RHODES Alexandre de, *Histoire du royaume de Tunquin, et des grands progres que la predication de l'Evangile y a faits en la conuersion des Infidelles. Depuis l'Année 1627, jusques à l'Année 1646. Composée en latin par le R.P. Alexandre de Rhodes, de la Compagnie de Jesus. Et tradvite en françois par le R.P. Henry Albi, de la mesme Compagnie*, Lyon, 1651, in-4⁰. Có bản đồ Việt Nam kích thước 12,5 x 18cm.

RHODES Alexandre de, *Relazione De'felici successi della Santa Fede Predicata da Padri della Compagnia di Giesu nel regno di Tunchino, alla Santita di N.S.PP. Innocenzio decimo. Di Alessandro de Rhodes*

avignonese, Roma, 1650, in-4^o. Bản đồ Việt Nam 12,5 x 18cm.

RHODES Alexandre de, *Sommaire des divers voyages, et missions apostoliques, du R.P. Alexandre de Rhodes, de la Compagnie de Jesus, à la Chine, et autres Royaumes de l'Orient, avec son retour de la Chine à Rome. Depuis l'Année 1618, jusques à l'année 1653*, Paris, 1653, in-12^o.

RHODES Alexandre de, *Tunchinensis Historiae libri duo, quorum altero status temporalis hujus Regni, altero mirabiles evangelicae praedicationis progressus referuntur. Coeptae per Patre Societatis Jesu, ab Anno 1627, ad Annum 1646. Authore P. Alexandro de Rhodes, Auenionensi, ejusdem Societatis Prebytero ; Eorum quae hic narrantur teste oculato*, Lyon, 1652, in-40. Bản đồ Việt Nam 12,5 x 18cm.

SACCANO Metelle, *Relation des progres de la Foy au Royaume de la Cochinchine es années 1646, et 1647. Envoiéé au R.P. General de la Compagnie de Jesus*, Paris, 1653, in-12^o.

SCHUTTE Joseph- François, *El "Archivo del Japón", Vicisitudes del Archivo Jesuitico del Extremo Oriente y descripción del Fondo existente en la Real Academia de la Historia de Madrid*, Madrid 1964, in-8^o.

THANH LÃNG, *Những chặng đường của chữ viết Quốc-ngữ*, báo Đại-học, Năm thứ IV, số 1, tháng 1 2-1961, tr. 6-36.

THANH LÃNG, *Bảng lược đồ Văn học Việt Nam, Quyển thượng*, Saigon 1967, in-8^o.

TISSANIER Joseph., *Relation du voyage du P. Joseph Tissanier de la Compagnie de Jesus, Depuis la France, jusqu'au Royaume de Tunquin. Avec ce qui s'est passé de plus memorable dans cette Mission, durant les années 1658. 1659. Et 1660*, Paris, 1663, in-12^o.

VACHET Bénigne, *Relation des missions et des voyages des évesques vicaires apostoliques, et de leurs ecclésiatiqes és Années 1672.1673.1674. et 1675*, Paris, 1680, in-8^o.

Vocabulario de Lingoa de Japam com adeclaração em Portugues feito por alguns Padres, e Irmãs da Companhia de Jesu. Em Nangasaqui, no Collegio de Japam da Companhia de Jesu, 1603, in-4^o.

VÕ LONG TÊ, *Lịch sử Văn-học Công-giáo Việt-nam, cuốn 1*, Saigon, 1965, in-8^o.

MỤC LỤC

Lời giới thiệu	5
Lời tựa	7
1. NHẬN XÉT CỦA MỘT SỐ NGƯỜI TÂY PHƯƠNG VỀ TIẾNG VIỆT	11
<i>THANH TIẾNG VIỆT</i>	12
<i>NGŨ PHÁP TIẾNG VIỆT</i>	19
2. SƠ LƯỢC GIAI ĐOẠN THÀNH HÌNH CHỮ QUỐC NGŨ	22
<i>GIAI ĐOẠN MỘT</i> : 1620-1626	23
Tài liệu viết tay năm 1621 của João Roiz.....	29
Tài liệu viết tay năm 1621 của Gaspar Luis	33
Tài liệu năm 1621 của Cristoforo Borri	33
Tài liệu viết tay năm 1625 của Đắc Lộ	40
Tài liệu viết tay năm 1626 của Gaspar Luis	41
Tài liệu viết tay năm 1626 của Antonio de Fontes	44
Tài liệu viết tay năm 1626 của Francesco Buzomi	48
<i>GIAI ĐOẠN HAI</i> : 1631-1648	50
<i>Tài liệu viết tay của Đắc Lộ từ 1631-1647</i>	50
Thư của Đắc Lộ viết tháng 1-1631	51
Tài liệu của Đắc Lộ viết vào tháng 5-1631.....	52
Tài liệu của Đắc Lộ viết năm 1636	53

Tài liệu của Đắc Lộ viết năm 1644	63
Tài liệu của Đắc Lộ viết năm 1647	64
<i>Tài liệu viết tay của Gaspar d' Amaral : 1632, 1637</i>	<i>68</i>
Tài liệu của Gaspar d' Amaral viết năm 1632	72
Tài liệu của Gaspar d' Amaral viết năm 1637	86
<i>Tài liệu viết tay năm 1645 và 1648</i>	<i>92</i>
Tài liệu viết tay năm 1645	93
Tài liệu viết tay năm 1648	100
3. LINH MỤC ĐẮC LỘ SOẠN THẢO VÀ CHO XUẤT BẢN HAI SÁCH CHỮ QUỐC NGŨ ĐẦU TIÊN NĂM 1651	105
<i>ĐẮC LỘ HỌC TIẾNG VIỆT</i>	<i>108</i>
<i>ĐẮC LỘ CHO XUẤT BẢN HAI SÁCH QUỐC NGŨ.....</i>	<i>113</i>
Thời gian soạn thảo, hình thức và nội dung	114
Cuốn Dictionarium	115
Cuốn Catechismus	118
Công cuộc xuất bản	119
4. TÀI LIỆU VIẾT TAY NĂM 1659 CỦA HAI NGƯỜI VIỆT NAM	125
<i>TÀI LIỆU VIẾT TAY NĂM 1659 CỦA IGESICO VĂN TÍN</i>	<i>126</i>
<i>TÀI LIỆU VIẾT TAY NĂM 1659 CỦA BENTO THIÊN</i>	<i>135</i>
<i>TẬP “ LỊCH SỬ NƯỚC AN NAM ” VIẾT TAY NĂM 1659 CỦA BENTO THIÊN</i>	<i>148</i>

Lời kết	179
NGUYÊN BẢN TÀI LIỆU VIẾT TAY	
I – Một trang trong bản thảo cuốn “ Tunchinensis Historiae libri duo ” do Đắc Lộ viết năm 1636	181
II – Trang đầu bản tường trình của Gaspar d’ Amaral Viết tại Thăng Long ngày 31-12-1632	182
III – Nguyên bản bức thư của Igesico Văn Tín viết ngày 12-9-1659 gửi cho L.m. Marini	183
IV – Nguyên bản bức thư của Bento Thiện viết ngày 25-10-1659 gửi L.m. Marini	185
V - Nguyên bản tập “Lịch sử nước Annam ” do Bento Thiện viết năm 1659	187
TÊN NHỮNG NGƯỜI NHẮC ĐẾN TRONG SÁCH	199
TÀI LIỆU THAM KHẢO	206

Cum debitis licentiis

CÙNG MỘT TÁC GIẢ

- *Người thời đại*, Sài Gòn, 1957. Loại sách danh nhân.
- *Chánh trị Nhật Bản*, Sài Gòn, 1959. Lịch sử chánh trị Nhật Bản 1854-1954.
- *Sử Địa đê Nhất* (lớp 12), Sài Gòn, 1963-1966. Tái bản sáu lần.
- *Sử Địa đê Nhị* (lớp 11), Sài Gòn, 1964-1965. Tái bản hai lần.
- *Việt sử đê Nhị* (lớp 11), Sài Gòn, 1964.
- *Việt sử đê Ngũ* (lớp 8), Sài Gòn, 1964.
- *Việt sử đê Lục* (lớp 7), Sài Gòn, 1965.
- *Việt sử đê Thất* (lớp 6), Sài Gòn, 1965.
- *Lịch sử chữ Quốc ngữ 1620-1659*, Sài Gòn, 1972.
- *Dòng Tên trong xã hội Đại Việt, 1615-1773*,
- *Dòng Mến Thánh Giá những năm đầu*,
- *Hai Giám mục đầu tiên tại Việt Nam*,
- *Tản mạn lịch sử Giáo hội Công giáo VN*,
- *Hoà mình vào xã hội Việt Nam*,

Chịu trách nhiệm xuất bản :

HÀ NGỌC THỌ

Biên tập :

PHẠM GIA THOAN

Bìa và trình bày :

NHÓM AN TÔN & ĐUỐC SÁNG

Thực hiện : Nhà Sách Đức Bà Hoà Bình

Nhà xuất bản Tôn Giáo

25 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội

ĐT : (4)5566701 – Fax : (4)5566702

SẼ IN

LỊCH SỬ TRUYỀN GIÁO

- Tân mạn lịch sử Giáo hội Công giáo VN
- Hoà mình vào xã hội Việt Nam
- Hai Giám mục đầu tiên tại VN
- Dòng Tên trong xã hội Đại Việt
- Dòng Mến Thánh Giá những năm đầu
- Lịch sử chữ Quốc ngữ

LINH ĐẠO DÒNG TÊN

- Đòi nét Lịch sử Dòng Tên
- Những bước đường theo Chúa
- Những rung cảm nội tâm
- Tự do để yêu mến và phục vụ
- Bút tích Thánh Phanxicô Xavier (1&2)

LINH ĐẠO I-NHÀ

- Linh thao
- Một cuộc hành trình thiêng liêng
- Bước đường linh thao
- Khoa sư phạm I-Nhà
- Chiêm ngẫm và lắng nghe



ANTON & DUOCSANG
SAN DIEGO - MONTREAL

ISBN -13 : 978-1-934484-04-3

ISBN -10 : 1-934484-04-0



Nhà sách ĐỨC BÀ HOA BÌNH
ĐÔNG THÀNH PHAOLÓ THIỆT BẮT
1- Công Xã Park - Cầu Lộ 1- TP. HCM - Đ 250 745

Lịch sử chữ quốc ngữ 1620 - 1659 Lj



2304090000067

46,000

5